

BÁT QUAN TRAI GIỚI

TU GIỚI

Phật Pháp như thuốc hay, nhưng tùy theo căn bệnh. Có điều, không phải như thuốc Tây, được bào chế như thế nào thì đồng loạt các người bệnh dùng như vậy, chỉ hơi khác nhau về căn lượng tùy theo thể trạng của mỗi người. Phật pháp tuy cũng một pháp môn có thể được truyền dạy cho nhiều người như nhau, nhưng để cho sự thực hành có hiệu quả hơn, cũng cần phân biệt thành phân xã hội, trình độ nhận thức, và kinh nghiệm từng trải của mỗi người mà phương pháp thực hành có thể một vài sai khác.

Bát quan trai giới cũng trong trường hợp như vậy. Tất nhiên, Phật dạy giới này áp dụng chung cho tất cả các Phật tử tại gia, không phân biệt Phật tử này thuộc thành phần hay đẳng cấp xã hội nào. Nhưng vì trình độ nhận thức, và nhiều lý do khác nữa, một Phật tử nhận thức ý nghĩa của giới pháp một cách cá biệt, và do đó thọ giới với cứu cánh riêng biệt.

Để có thể hiểu rõ sự khác biệt này, trước hết chúng ta nói về chữ tu.

Mọi người đến chùa cầu thọ bát quan trai giới đều có một ý niệm như nhau, là mình đang tu giới. Nhưng, thế nào là tu ?

Đối với những Phật tử lớn tuổi, khi mà trách nhiệm đối với đời coi như không đáng kể, đối với các vị này, tu là cầu phúc. Tu giới ở đây đồng nghĩa với tu phúc. Tức là thọ trì giới pháp của Phật để gieo trồng quả phúc, hầu mong đời sau được hưởng. Có người muốn đời sau sang giàu hơn, hoặc thông minh, hoặc có địa vị xã hội cao hơn, cho đến, làm vua làm chúa. Cũng có người mong muốn đời sau được nhiều thuận duyên, để học và thâm hiểu Phật pháp, do đó trình độ tu tập cao hơn.

Đối với các Phật tử như vậy, tu bát quan trai đơn giản là đến xin giới, rồi thực tập quá đường, trang trọng bưng bình bát cũng đường mười phương Tam bảo. Do tính cách trang trọng, và những bài kinh chú tụng đường linh thiêng, nên sẽ mang đến nhiều phước báo hơn là tự mình cúng Phật ở nhà. Ngoài việc cúng dường trước khi thọ thực như vậy, Phật tử thọ trì bát quan



Chư Giới Tử chụp hình lưu niệm ngày đầu năm Bính Ngọ Thọ Bát Quan Trai Giới tại Đại Tự Khánh Anh Evry-Courcouronnes, vào chiều ngày thứ sáu 13.3 đến chiều thứ bảy 14.3.2026 xã giới.

trai không cần học hỏi gì thêm về bản chất của giới pháp, ý nghĩa của từng giới tướng. Cho nên, cũng không cần biết công năng của giới này có thể dẫn đến phước báo cao hơn nữa, mà cao nhất là đạo quả vô lậu Niết bàn.

Quan niệm thông thường của thế gian cho rằng tu là sửa : *Đổi ác làm lành, cải tà quy chánh. Đây là mặt tiêu cực của chữ tu. Tu thân để tế gia, mà cứu cánh cũng chỉ là bình thiên hạ. Cứu cánh cũng chỉ lăn quân trong thế gian này, thăng trầm theo con sóng vô thường biến dịch, mang theo trong thân và tâm dấu ấn khổ xóa nhòa của quá khứ, thân, tâm, vô lượng phiền não, cấu uế.*

Giới bát quan trai được Phật thuyết cho các Thánh đệ tử; những người tuy sống đời tại gia, hưởng thụ ngũ dục của thế gian, nhưng tâm từ đã vững chắc trên Thánh đạo. Trong ý nghĩa này, tu có nghĩa là phát triển, làm cho bản thân càng lúc càng cao thượng ngang tầm Thánh đạo, để càng lúc càng nhìn thấy rõ dấu chân dẫn đến Niết bàn. Tu như vậy là tu giới, tu định và tu huệ. Ba khoản tu tạo thành một chuỗi quan hệ liên tục.

Có người nói : *Tu cốt tại tâm. Điều này đúng một phần. Nhưng nếu không biết huấn luyện thân, khuất phục nó không buông lung theo bản năng hưởng thụ; ấy thế mà nói đến sự tu tâm thì nhiều có vẻ không tương. Tu thân, chính là tu giới. Tu tâm chính là tu định. Có định mới dẫn đến huệ phát sinh.*

Tại sao nói tu thân là tu giới ? Trong năm giới của tại gia, và tám giới của cận trụ tức bát quan trai, những điều cần học là ngăn cản thân và khẩu không làm những sự xấu ác.

Tu giới, đây là trau dồi đạo đức; cũng có thể nói là tu sửa thân tâm, trau dồi phẩm chất đạo đức để cuộc sống của mình thanh cao hơn. Tu định, tất nhiên là không phải tu sửa định rồi. Tu định là tu tập để phát triển năng lực làm chủ thân tâm; tập trung tư tưởng, không buông lung tâm ý, để tăng cường khả năng nhận thức, khai mở trí tuệ. Cuối cùng là tu huệ, cũng không có nghĩa là tu sửa huệ mà có nghĩa là phát triển và nâng cao nhận thức của mình, mở tâm mắt của mình để thấy rõ sự vật.

Trong cái ý nghĩa tu giới, ta hỏi *"Giới là gì ?"* Thông thường ta hiểu giới là những điều ngăn cấm. Nhưng trong kinh Phật thì giới còn có nhiều nghĩa hơn thế nữa. Giới, ý nghĩa chính của nó, đó là cái phẩm giá của con người. Trì giới là giữ gìn cái phẩm chất đạo đức của mình, cái giá trị con người của mình.

Tu tập giới là nâng cao phẩm giá con người của mình. Nói thông thường là phẩm chất đạo đức, cái làm nên giá trị con người.

Phẩm chất con người là thế nào ? Ta sinh ra trong xã hội loài người : *Sống, lớn lên và chết. Với người bình thường, không làm việc ác gây tai hại cho mình, cho xã hội, giữ cuộc đời mình trọn vẹn để chờ không hối hận mình đã làm hại người khác. Đạo đức ở đời chỉ cao bằng mức ấy.*

Nhưng tu giới của người Phật tử là nâng phẩm chất con người cao hơn nữa, vượt lên trên giá trị con người hiện tại.

Làm sao ta có thể vượt qua giới hạn con người ? *Mỗi người sinh ra với mục đích gì ?* *Cha mẹ sinh ra ta; lớn lên, có gia đình; có hôn nhân đối với gia đình, đối với xã hội, làm thế nào cho gia đình được hạnh phúc và đóng góp cho xã hội được bình an. Như vậy là đủ rồi.*

Nếu tu tập giới, tự thân thấy có cái cao quý hơn thế nữa.

Cái này không thể nói trong một vài lời mà phải bằng kinh nghiệm sống, kinh nghiệm tu tập của mình; mới biết thế nào là cao hơn. Ở dưới

chân núi không có tầm mắt nhìn, chỉ thấy đèn ngọn cây; nhưng có người hướng dẫn mình leo đến đỉnh núi, mới biết là đỉnh núi cao.

Có thể mình không ý thức mình lên cao đến cỡ nào, nhưng một thời gian sau bằng quá trình tu tập thì có thể thấy. Tu giới phải ý thức như vậy mới thấy có hiệu quả, còn không thì tu giới chỉ làm việc lành gọi là điều hạnh : *Làm điều tốt với quả báo đời sau sinh ra giàu sang hơn, hạnh phúc hơn, sáu căn đầy đủ, thông minh hơn. Dù có thông minh cỡ nào, như nhà bác học, vua chúa, thì cũng chỉ trong phạm vi con người, không chiến thắng nổi cái già, cái chết, còn nhiều cái không chiến thắng nổi, nghĩa là mình vẫn làm nô lệ cho một cái gì đó mà mình không biết.*

Một người sinh ra trong một gia đình làm nô lệ cho người khác; cha mẹ làm nô lệ, cả dòng họ làm nô lệ, lớn lên mình cũng không biết làm nô lệ cho cái gì.

Chỉ có người nào đến mở đường mở lối, chỉ cho biết giá trị của con người, mới biết là mình nô lệ mà tìm cách thoát khỏi thân phận nô lệ của mình. Chúng ta cũng thế : *Sinh ra ở đời, trăm đời nghìn đời quen nô lệ cho một sức mạnh nào đó mình không hiểu được, chưa ai hiểu, chưa ai thấy được. Quen như vậy, chấp nhận thân phận đó.*

Giống như đứa trẻ sinh ra bị ghê lở. Hạnh phúc của nó là được ngồi bên đống lửa, và gãi. Càng gãi càng thấy đỡ ngứa; nhưng càng gãi thì càng thêm lở loét. Bà con thân nhân thấy tội nghiệp, muốn hạnh phúc ạn lạc cho nó, nên đưa đến lương y để trị. Nó la khóc, nói rằng : *Chủ bác, cha mẹ, hung ác; nó đang ngứa mà không cho gãi; đang ngồi bên lửa ấm thế này mà mang nó đi đâu, hành hạ nó. Về sau, khi lành hết ghê ngứa; bây giờ bảo thò tay gãi nó cũng không dám gãi; bảo ngồi bên lửa thì nó nói là nóng quá, đi chỗ khác ngồi.*

Chúng ta là những người đang chìm đắm trong bùn lầy hôi thối, nhưng mấy ai thấy rõ chúng ta đang sống trong bùn lầy ? Khó thấy lắm. Như đứa bé sắp xuống bãi sinh, thấy lún thì mừng, nói là đặt lún hay quá; đến khi ngộp thở thì hét khóc được.

Đức Phật bằng nhiều phương tiện cứu vớt chúng sinh ra khỏi vũng sinh sinh từ đó. Vớt lên rồi, Ngài khiến cho tắm sạch bằng nước của giới, xông ướp bằng hương thơm của định, và cho đeo tràng hoa chuỗi ngọc bằng tuệ. Sau đó người ấy muốn đi đâu thì đi, với một thân hình sạch sẽ thơm tho, bằng vòng hoa chuỗi ngọc, trở thành một con người cao quý, tham dự tất cả chúng hội nào; các triều đình vua chúa cũng tới được.

Hiểu được mình đang trong sinh lầy, hiểu được thế nào là nguồn nước trong của giới, hương thơm của định và thế nào là tràng hoa an lạc của tuệ. Điều này phải hành mới thấy được.

Hành đầu tiên đó là thọ giới. Tùy căn cơ Phật đặt ra nhiều cấp bậc giới. Như mỗi người sinh ra với thể xác

khác nhau; người yếu, thân hình ốm 35 kg, thì vác 20 kg; người mập mạnh khỏe có thể vác cả trăm kg. Giới luật được đặt ra cũng vậy. Tùy theo căn cơ, theo trình độ, năng lực đạo đức hay tự kiềm chế.

Người học giới theo Phật như đứa trẻ tập đi, tất nhiên phải té; nếu không có bố mẹ dìu đỡ; không thể tự mình ráng gượng dậy tự đi, không thể không té ngã.

Người tu Phật cũng thế. Thọ giới, có thể phạm rất nhiều; nhưng biết là phạm thì phải sửa. Không ai sinh ra mà đi được liền; dù con vua nếu tập đi mà cung nhân không đỡ thì cũng té và cũng khóc thối. Nhưng bản năng té thì đứng dậy. Có người không nghị lực té xong nằm luôn, không đứng dậy nữa. Như người tu Phật ban đầu tinh tấn, nhưng một thời gian sau thoái hóa, đọa lạc, không bao giờ đứng dậy nổi.

Vì vậy, từ bước đi căn bản, Phật chế ngũ giới.

Nâng cao lên một bậc nữa là bát quan trai giới.

Ý NGHĨA BÁT QUAN TRAI

Bát quan trai, theo nghĩa đen chữ Hán, là tám điều kiêng cử, như là tám cửa ải chặn đứng các pháp bất thiện. Giới bát quan trai chính xác được gọi là giới cận trụ. Nghĩa là, sống gần đời sống xuất gia, gần chùa chiền, gần nơi thanh tịnh. Tập quen với đời sống thanh tịnh để thấy được giá trị.

Còn cao hơn nữa, cận trụ được hiểu là tập sống gần đời sống một vị A La Hán, là bậc Thánh xuất thế gian.

Ngoài nghĩa cận trụ, giới bát quan trai còn được gọi là giới bố tát hay trường tịnh : *Trì giới làm phát triển phần thanh tịnh, những đức tính tốt trong mình.*

Cùng một chữ nhưng hai nghĩa : *Cận trụ, sống gần gũi đời sống cao thượng của một bậc Thánh. Với người xuất gia tất cả giới luật là khuôn mẫu đạo đức đều noi gương đời sống của một vị A La Hán. Mặc dù tâm tư của người ấy có thể còn nhiều hờn giận, hậm muợn, nhưng bên ngoài, đi đứng nằm ngồi, tác phong đạo đức thường xuyên noi theo gương mẫu của Thánh nhân, học tập theo Thánh nhân. Người tại gia không thể làm được như vậy, mà chỉ có thể tập gần, tập làm quen. Gần như vậy sẽ thấy có một niềm tin rằng thế gian này chắc chắn có bậc thánh, có vị A La Hán, là bậc Chân nhân đạo đức toàn vẹn, dứt sạch tham, sân, si; sống luôn luôn an lạc, không còn bị chìm đắm trong cõi luân hồi đau khổ. Đó là niềm tin hướng thượng, từ đó mà tìm thấy ý nghĩa và hướng đi cho đời sống của mình.*

Từ chỗ tin tưởng này, có thể phát triển tính lành, không cần cảm sát sanh, không cần cảm trộm cắp, mà tự nhiên mình sẽ không làm việc đó vì tin tưởng có một giá trị rất cao mà mình đang học. Đó là nghĩa tích cực

của giới. Cho nên, giới không đơn giản có ý nghĩa tiêu cực là sự cấm đoán. Tuy rằng, khi học giới người học được dạy là không nên làm điều này, hãy nên làm điều kia.

Người khôn ngoan, có trí trong đời, biết rõ đây là con đường chỉ thiện, là đường tốt để mình đi. Đây là con đường xấu, tự mình tránh; không cần ai cấm. Đó là học giới cho người hiểu biết; có trí tuệ. Còn đối với người không đủ năng lực để phân biệt những gì là cao thượng và thấp kém, thì những sự cấm cản là cần thiết. Như người lớn khôn ngoan khi thấy lửa, thấy thuốc độc, không bao giờ thò tay lấy và xử dụng một cách vô ý thức. Nhưng trẻ nít hay người chưa hiểu biết thì gặp gì cũng ăn, cũng uống, rất nguy hiểm. Với những người như vậy tất nhiên cần phải có sự cấm cản; quy định rõ những điều nên làm và không nên làm.

Ý NGHĨA THỌ GIỚI

Chỉ các bậc Thánh A-la-hán trong đời mới phân biệt rõ bằng trí tuệ vô lậu rằng cái gì độc hại, không độc hại. Ngoài ra, các hạng phàm phu, kẻ tất cả chư thiên và loài người, bị trùm kẹp trong màn vô minh u tối, khó có thể định rõ con đường trước mắt mình, nên đi theo lối nào; cũng không thể nhận rõ những gì là độc hại; cho nên Phật chế giới, để theo đó mà hành trì. *Vì vậy, các chúng đệ tử Phật, khi đã quy y Tam bảo, phải thọ trì các cấm giới.*

Thọ giới là sự phát nguyện một cách tự nguyện tuân thủ những điều Phật cấm, để tự rèn luyện bản thân, tu tập thân và tu tập tâm, nâng cao phẩm chất đạo đức, giá trị hưởng thượng của con người của mình. Do sự phát nguyện này, phát nguyện đúng cách, đúng pháp, trong tự thân người thọ giới phát sinh một năng lực gọi là phòng hộ. Năng lực ấy được thí dụ như là bờ đê, ngăn cản những dòng nước bản không cho chảy vào ao nước sạch.

Tâm ta như hồ nước. Nước vốn trong sạch nhưng chung quanh nhiều rác; và thường xuyên dòng nước đục từ bên ngoài tràn vào làm vẩn đục, hồ trở thành dơ bẩn và độc hại. Cho nên, cần có bờ đê ngăn lại để cản các dòng nước bản không chảy vào tâm. Vậy nên hiểu theo thí dụ : *Giới là bờ đê.*

Làm thế nào để đắp thành bờ đê và giữ cho vững chắc ? Đó là ý nghĩa thọ giới và trì giới.

Người không thọ giới Phật cũng có thể sống trọn cuộc đời đạo đức gương mẫu. Nhưng đó là đạo đức bẩm sinh, có tính tự phát. Giống như con nai hiền lành; và suốt đời cũng chỉ hiền lành như vậy, không có gì tiên bộ cao cả hơn. Trong người ấy không có năng lực phòng hộ; do đó không có sự tăng trưởng của giới. Nói cách khác, người ấy sinh ra với tính thiện, như hạt giống tốt, quý hiếm, mà được cất kỹ trong kho, không mang ra gieo trồng thì không bao giờ thành cây, để cho hoa cho trái.

Mỗi tháng có 6 ngày thọ giới là mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30. Hoặc 8 ngày, nếu thêm mùng 7 và 22.

Trong truyền thuyết tín ngưỡng cổ xưa ở Ấn độ, người đời tin rằng vào các ngày đó ma quỷ thường quấy nhiễu loài người, và cũng là những ngày mà Thiên đế và bốn vị Hộ thể Thiên vương đi tuần hành nhân gian để giúp đỡ những ai làm điều thiện. Vì thế người đời bấy giờ mới bày ra chuyện dâng cúng phẩm vật, cầu khẩn thần linh phò hộ, trừ ma quỷ, ban cho nhiều điều phước, nhiều tài lộc, may mắn. Người tin Phật không tin vào những chuyện hời hợt Thần thánh kiểu đó; chỉ tin vào những nghiệp thiện ác do chính mình làm, và những hậu quả lành dữ của nó. Cho nên, thay vì cúng bái, cầu khẩn, chúng ta tu tập bát quan trai giới.

Mặt khác, người chưa sống ở miền quê thì chưa thấy được tác dụng của ngày âm lịch. Người miền quê qua nhiều thế hệ có kinh nghiệm nhận thấy rằng tính tình con người thường thay đổi theo từng mùa trăng, từng con trăng, Con trăng thay đổi, khi tròn khi khuyết, tánh tình theo đó cũng ít nhiều biến đổi, hiền hòa hơn hay hung dữ hơn; dễ vui hơn hay dễ cáu gắt hơn. Thọ giới vào những ngày này có tác dụng rất lớn đối với sự tu tập thân tâm.

Ngày nay, đời sống hàng ngày tập trung vào các đô thị lớn, nhật thực nguyệt thực đều ít khi biết nên chu kỳ trăng không cần thiết. Đời sống càng ngày càng xã hội hóa, tại các thành phố chỉ có chu kỳ xã hội, cho nên đến ngày thứ Sáu, hay thứ Bảy trong tuần thì con người có cảm giác khác với các ngày thường khác, cảm giác ngày chủ nhật cũng khác liền. Vậy không nhất thiết phải theo mùa trăng, mà ngày chủ nhật thọ giới cũng được.

Hiệu lực của sự thọ giới phân làm hai loại. Một là giới tận hình thọ, tức

phát nguyện thọ rồi thì trì suốt đời; cho đến khi chết thì giới tự động xả. Hoặc chưa chết, nhưng không còn tin tưởng, không còn thích thú trong việc trì giới, mà tự mình tuyên bố, xả giới, hay bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bấy giờ giới thể cũng mất.

Thứ hai là giới một ngày một đêm. Đó là giới cận trụ. Sau khi thọ, giới thể chỉ tồn tại luân lưu trong tâm người thọ một ngày một đêm, từ khi mặt trời mọc hôm nay đến mặt trời mọc hôm sau. Hết thời hạn này, giới tự động xả.

Tại các thành phố lớn không thể tính thời hạn một ngày theo ánh sáng mặt trời được, mà phải tính theo thời khắc của đồng hồ. Mốc khởi đầu của một ngày để thọ giới bất quan trai có thể ấn định từ 6 giờ sáng hôm nay cho đến 6 giờ sáng hôm sau. Sau 24 giờ, dù có lên chùa làm lễ hay không, giới vẫn tự động xả. Nếu có lên chùa làm lễ xả, đó chỉ là sự hồi hướng; tức nguyện đem công đức trì giới một ngày hướng vào ước nguyện nào đó.

Giới bất quan trai không thể tự thọ; mà cần phải thọ từ một Sa-di hay Tỷ Kheo (Ni cũng được).

NỘI DUNG TÂM GIỚI

Bát quan trai giới, là trai giới có 8 chi. Nội dung các chi, theo ý nghĩa, chia làm 4 phần.

1. Giới tự tánh, gồm có 4 chi : Sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ. Nói là tự tánh, vì đó là phẩm chất cơ bản nhất của con người. Mất đi những phẩm chất này thì cũng mất luôn giá trị làm người, mà堕 lạc xuống thành hàng súc sinh, động vật thấp. Phật xuất hiện hay không xuất hiện ở đời, 4 phẩm chất này là cần thiết để được tái sinh làm người. Tuy nhiên, khi có Phật ra đời, quy định thành điều học; và Phật từ phát nguyện thọ trì, bấy giờ tự thân giới phát triển thành năng lực vừa phòng hộ,

vừa nâng cao tâm của người thọ trì hướng về Thánh đạo.

Bốn chi này là căn bản của ngũ giới. Có sự khác biệt trong 8 giới là không được dâm dục, trong khi năm giới chỉ tránh sự tà dâm. Do hiệu lực của năm giới là thọ suốt đời, mà trong 8 giới chỉ thọ một ngày một đêm, nên thể của các giới này cũng có sự khác nhau. Như giới sát sanh. Trong năm giới, nó có giá trị phòng hộ để không bị báo ứng đau khổ về sau, là phước báo trong loài người mà thôi. Trong 8 giới, nó không những tăng cường năng lực phòng hộ, mà còn phát triển thành nhân tố tích cực, trở thành năng lực đối trị phiền não, chế ngự và diệt trừ tâm sân hận, từ đó dễ dàng chứng đắc các thiên, cao hơn nữa là các Thánh quả.

2. Một chi trừ phóng dật, là chi giới cấm uống rượu, dùng các chất say; những thứ khiến cho tâm trở thành buông lung, không được kiểm soát. Trong năm giới, chỉ tránh uống rượu chỉ là sự phòng hộ không để say sưa, mất tự chủ, rồi dẫn đến phạm các giới khác. Trong 8 giới, chỉ tránh xa uống rượu này trở thành năng lực ngăn trừ sự phóng dật, hay buông lung.

Phật dạy : Có một pháp dẫn tới Niết bàn và có một pháp khiến các người làm nô lệ cho ma quỷ tức ma vương, từ thân. Một pháp, nếu ai thành tựu, có đầy đủ, ai có nó nằm ngay trong lòng mình, người có pháp đó sẽ không bao giờ thoát khỏi bàn tay của ma vương, của từ thân. Đó là phóng dật, buông lung.

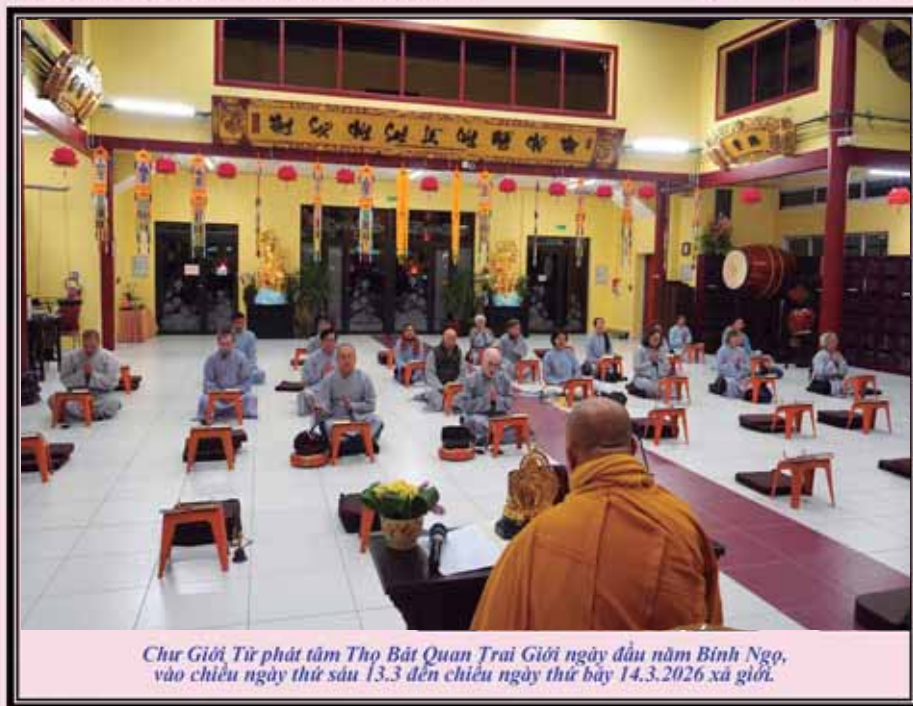
Còn một pháp thoát khỏi sự khống chế của ma vương đi tới cứu cánh an lạc, đó là không buông lung.

Buông lung là sự buông thả, hay xao lãng, làm càn, làm dở, không tự kiểm soát mình, là không tỉnh giác. Như học trò muốn thi đậu. Ngày mai thi, bài học chưa thuộc, nhưng lại buông lung theo các trận bóng đá, mà hậu quả là sự thi trượt. Đó là trạng thái buông lung không kiểm chế được. Người có buông lung thì không làm gì nên nổi sự nghiệp lớn; luôn luôn thất bại.

Buông lung gồm có buông lung thân, buông lung tâm. Buông lung thân là thế nào ? Một một chút thì đi nằm, ngồi học một chút buồn ngủ quá thì đi ngủ. Người tu ngồi lần chuỗi mới được nửa chuỗi thì nghĩ tưởng đủ thứ chuyện. Buông lung tâm là xao lãng, mất chánh niệm, suy nghĩ viển vông, không tập trung tâm ý vào điều thiện, nên cũng dễ được dẫn đến chỗ làm càn, làm bậy.

3. Hai chi ngăn trừ kiêu mạn. Một, tránh không ngồi nằm trên các thứ giường tòa cao rộng. Hai, tránh trang sức các thứ trang hoa, anh lạc, thoa ướp hương thơm; cũng tránh không ca múa, hát xướng, cô ý xem nghe. Trong giới sa-di, hai chi này được phân thành ba, vì mục đích học tập chánh niệm.

Ở đời, giai cấp và địa vị xã hội là những tiêu chuẩn để phẩm định giá trị



Chư Giới Tử phát tâm Thọ Bát Quan Trai Giới ngày đầu năm Bình Ngộ, vào chiều ngày thứ sáu 13.3 đến chiều ngày thứ bảy 14.3.2026 xã giới.

một người. Ông hoàng để khi vi hành, chỉ mang theo vài hạ sĩ hầu, phục sức như dân dã; chẳng ai sợ, cũng chẳng được ai tôn kính. Thuở xưa, vua Ba-tư-nặc mỗi khi ra khỏi hoàng cung đều có tiên hô hậu ứng, gươm, giáo, tàn lọng; nhưng khi đến tinh xá hầu Phật; ông bỏ hết tất cả nghi trượng vua chúa quyền uy ấy, chỉ một mình đi bộ đến giảng đường, cúi lạy Phật. Không thể bước vào Thánh đạo với tâm kiêu mạn, với cảm tướng quyền uy, giàu sang nào cả. Phật nói, như bốn con sông lớn khi chảy vào biển cả, chỉ còn một vị mặn duy nhất; cũng vậy, đời có phân biệt bốn giai cấp sang hèn khác nhau, nhưng khi bước vào Thánh đạo, tất cả hòa thành một hương vị duy nhất, là hương vị giải thoát.

4. Một chi là thể của bát quan trai. Đó là chi không ăn phi thời, làm nên tăng cho tất cả 8 điều. Do chi không ăn phi thời này mà bản chất giới sát sinh, v.v., trong 5 giới khác với thể của các chi trong 8 giới.

Chúng ta biết rằng, trong phong tục Trung hoa, khi một ông Vua muốn làm lễ tế thiên địa, thì trước đó phải dọn mình cho sạch sẽ bằng cách trai giới một tuần tức 10 ngày. Trai giới ở đây là kiêng cử rượu thịt và sắc dục.

Trong tục lệ tôn giáo Vệ-dã của Ấn độ, người gia chủ muốn làm dâng lễ Soma cho thần linh, trước hôm hành lễ cũng phải trai giới, tức không ăn chiều.

Những tục lệ như vậy thuộc về tín ngưỡng, nặng tính cầu nguyện, *không ảnh hưởng gì đến việc tu tập của Phật tử*. Nhưng, những ngày mà họ chọn để hành lễ thì quả thật có ý nghĩa.

Thật ra, trong xã hội nông nghiệp cổ xưa, các hiền triết hay đạo sĩ sống trong rừng, do quan sát tâm tư mình hay do tiếp xúc với dân chúng, họ nhận thấy, tâm tư con người vào những ngày này rất dễ bị tác động; hoặc dễ cáu kỉnh hơn ngày khác, hoặc dễ cảm thấy hoan hỷ hơn. Nhưng vì không thể lý giải bằng ngôn ngữ của lý trí, nên họ biểu hiện ý nghĩa đó qua tín ngưỡng thần linh, rằng tình trạng thay đổi tâm tính bất thường như vậy là do ma quỷ quấy nhiễu, hay do thần linh phù trợ.

Với Phật tử đã thọ Tam quy Ngũ giới thì không có ngày nào là không tránh xa sự sát sinh, trộm cắp, nói dối, v.v.. Nhưng sự tránh xa này chỉ là trạng thái tiêu cực. Rồi khi thọ trai giới, tránh không ăn phi thời, thì sự không ăn phi thời này chính là lực tác động khiến cho năng lực phòng hộ của giới được tăng trưởng. *Vì vậy, giới này cũng được gọi là giới Trưởng tịnh. Vì sao?* Ý nghĩa cũng đơn giản thôi. Người đời, sự ăn và sự uống là một phần của sự sống cho nên không cảm thấy có gì khác lạ trong sự ăn uống hằng ngày. Nay thọ trai giới, ý thức rằng từ trưa nay cho đến sáng mai,

mình không ăn và chỉ uống những thứ được quy định là như pháp; do đó mà trong tâm thường trực hiện hành một năng lực phòng hộ, tránh không ăn phi thời. Năng lực này làm nên tăng, cũng là làm chất xúc tác, để cho năng lực phòng hộ của các giới khác tự nhiên luân lưu và tăng trưởng. Do đó, nếu người thọ trì giới bát quan trai mà ăn phi thời, thì thể của trai giới tự động hủy.

Mặt khác, với người đời, bữa ăn chiều tối là chính. Trong đó, không chỉ ăn uống, tiệc tùng, hưởng thụ các thứ vật dục, các lạc thú trần gian; mà đó còn là các mối quan hệ xã hội, là cơ hội giao tiếp, bàn bạc các công việc làm ăn, thiện có ác có. Nói cách khác, đó là thời gian thắt chặt các sợi giây ràng buộc của xã hội. Một ngày tránh ăn phi thời, là tạm thời tránh xa những quan hệ ràng buộc xã hội như vậy. Chính do sự tránh xa này mà người tại gia cảm nghiệm được ý nghĩa viễn ly, rõ được giá trị của sự giải thoát khỏi những buộc ràng thế tục. Đó chính là khởi đầu của Thánh đạo. Cho nên, giới này cũng được gọi là giới cận trụ; là giới mà năng lực phòng hộ dẫn người thọ trì đi gần đến Thánh đạo.

Với ý nghĩa như vậy, sự thọ trì bát quan trai giới chính là thọ trì sự không ăn phi thời. Những nghi thức khác, như cúng dường ngũ trai, hay tụng kinh, bái sám, chỉ là các hình thức hỗ trợ cho giới thể được vững mạnh. Đó không phải là những điều cốt yếu trong sự thọ trì bát quan trai giới.

Thời Phật, các cư sĩ như Ông Cấp Cô Độc, hay Bà Tỳ-xá-khư, là những nhà đại phú hộ; có cơ nghiệp gia sản to lớn. Họ vẫn thường xuyên thọ trì trai giới. Vào ngày thọ giới, họ đến chùa xin giới với một vị tỷ kheo hay tỷ kheo ni, sau đó trở về nhà, quản lý công việc làm ăn buôn bán như thường. Nhưng do sự không ăn chiều, trong thân tâm họ giới thể tự nhiên luân lưu trọn một ngày đêm.

Đa số người thọ giới vì thói quen ăn chiều nên muốn được chăm sóc. Tức là xin được ăn cháo, hay các thứ bột ngũ cốc cho đỡ đói. Làm như vậy thì sự thọ trì trai giới không còn ý nghĩa là trì giới, mà chỉ là việc làm lành để cầu phước thôi. Thật ra, nhìn đời một ngày, chẳng thiệt hại gì. Trái lại, nếu tập nhịn được, người thọ trì sẽ thấy ích lợi vô cùng của giới pháp này. Tất nhiên, chỉ những ai có hành mới có hiệu.

TĂNG TRƯỞNG THIỆN CĂN

Trong các thiện căn, thứ nhất là tín tâm, thứ hai là tinh tấn. Tinh tấn chính là nghị lực, nó là gốc rễ của thiện căn, không có nghị lực, không phát triển thiện căn được.

Tinh tấn hiểu là siêng. Siêng thì ai cũng siêng được, vì người đời sống thì cần phải làm việc chứ ngồi không

để sinh chán, ngồi xem TV hoài, thích thú mấy rồi cũng có lúc mệt mỏi, chán chường. Siêng năng như vậy không phải là tinh tấn.

Người tinh tấn là người có nghị lực. Nhiều người cứ nghĩ nghị lực là làm việc gì lớn lao như bậc đại trượng phu. Dù làm việc lớn việc nhỏ gì cũng phải giữ vững quyết tâm, phải kiên trì; từ chuyện nhỏ cho tới chuyện lớn, đã quyết định thì không bỏ. Đó là nghị lực cần được huấn luyện. Ở đời, dễ mất nghị lực. Có nhiều người khi hứa thì hăng hái, dũng mãnh. Rồi sau đó thì nguội dần, cho đến khi tắt hẳn. Tất nhiên mọi sự đều có lý do biện hộ; đều có cái lẽ tại vì, hay bởi vì. Chính các cơ sở được dẫn ra để biện hộ cho sự thoái thất của mình ấy nuôi dưỡng sự buông lung trong ta một ngày một lớn.

Mất nghị lực, thì tín tâm rồi cũng sẽ mất; các pháp thiện cũng bị xao lãng và dần dần đi đến chỗ đoạn tuyệt. Cho nên, có tín thì phải cố tấn, cố đủ nghị lực mới có thể tập trung chú ý, tức cố niệm. Cố niệm, có tập trung chú ý, mới có nhận thức đúng, chân chính; tức có huệ.

Làm thế nào để phát triển các thiện căn này, là tín, tấn, niệm, định, huệ?

Học tập thọ trì bát quan trai giới để gần gũi đời sống một vị A-la-hán, để có chánh tín nơi Thánh đạo, biết rõ có con đường thánh, có con đường ra khỏi thế gian cho mình đi.

Tinh tấn là nghị lực. Niệm, tức chánh niệm, không xao lãng pháp thiện, không quên bỏ mục đích tối thượng của đời mình.

Niệm thông thường để có niệm tin. Niệm là nhớ, suy nghĩ, từ suy nghĩ cho đến chánh niệm. Trong tu bát quan trai giới, người Phật tử thọ giới được khuyến dạy là nên tu tập pháp môn lục niệm tức đôi tượng để chiêm nghiệm và suy niệm. Đó là : **Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thứ, niệm Giới, niệm Thiên**. Đây cũng là một phần của việc tu định.

Niệm Phật, là niệm những phẩm tính của Phật. Phật là đấng Đại giác, đã diệt trừ phiền não, đạo đức toàn vẹn, không còn tham sân si; Phật là đấng Ứng cúng, Chánh biến tri, là đấng Giác ngộ hoàn toàn... 10 hiệu của Phật.

Niệm Phật là nghĩ đến những đức đại từ, đại bi, đại trí, đại tuệ chứ không phải chỉ niệm mà không biết gì.

Niệm Pháp là niệm những lời dạy của đức Phật. Pháp của đức Thế Tôn khéo nói, khéo giảng dạy; pháp đó vốn thanh tịnh, ly dục, nếu mình thực hành thì có hiệu quả ngay, đem an lạc ngay trong hiện tại; pháp mà Phật giảng dạy là đên đê mà thấy, đê chứng nghiệm, chứ không phải đứng xa xa mà nghe. Nếu không đến, không thực hành, không chứng nghiệm thì không thể hiểu được. Đó là tính chất Pháp của Phật giảng dạy.

Niệm Tăng. Tăng là chúng đệ tử của Phật, những vị đang đi trên con đường thánh đạo, đang thực tập, là phàm Tăng hoặc là thánh Tăng đang hướng đến Niết bàn hay chứng đạo quả Niết bàn, có thật những vị Tăng trong thế gian. Niệm Phật, Pháp, Tăng để có chánh tín rằng có Thánh đạo ngay trong cõi đời này.

Niệm Thí là suy niệm về sự thực hành bố thí có hiệu quả. Ở thế gian thực tập hạnh thí xả; xả bỏ tiền tài, danh vọng, không tham lam chấp trước tài sản.

Niệm Giới là suy niệm làm thế nào giới không bị khuyết, không bị vỡ, không bị sút mẻ, không bị hoen ô, không bị ti vết như viên ngọc, phẩm chất trong sáng.

Niệm Thiên là suy niệm rằng ngoài cõi người này còn có cõi trời, thế giới của thiên thần, xa hơn nữa có thế giới của Bồ Tát, của Phật, ít nhất là trên cõi người còn có những thế giới cao hơn con người.

Nếu vun trồng được thiện căn, cơ bản là thành tựu được bất quan trai giới, nó sẽ phát sinh ra hiệu quả mình sẽ thấy, mình cảm nhận được Phật Pháp vi diệu, đưa mình lên đời sống cao hơn, càng thấy phẩm giá mình càng lúc càng lên cao.

Phật pháp không lìa khỏi thế gian. Điều đó có nghĩa Phật pháp chính là sự sống. Hiểu Phật pháp là hiểu lẽ sống của mình. Sống phải biết mục đích sống, tại sao mình sống, tại sao mình chết. Sống cả cuộc đời, làm ăn vất vả lam lũ, may mắn thì làm vua làm chúa, cuối cùng chả biết đi về đâu; thế thì uống lắm.

Cầu mong các Phật tử sau một ngày thọ trì trai giới, thấy mình được gần Thánh đạo hơn một bước.

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ

LES HUIT PRÉCEPTES DE RETRAITE

LA PRATIQUE DES PRÉCEPTES

Le Dharma, les enseignements de Bouddha, est semblable à un remède précieus, mais dépend de la nature de la maladie. Il ne ressemble toutefois pas à la médecine moderne, dont les préparations sont identiques pour tous, à l'exception des dosages. Bien que le Dharma constitue une voie commune pouvant être transmis à tous, sa mise en pratique, pour être réellement bénéfique, doit également tenir compte du contexte social, du niveau de compréhension et de l'expérience de chacun d'où les méthodes de pratique peuvent différer quelque peu.

Les Huit Préceptes de Retraite relèvent précisément de cette



Chư Tăng Ni, các Giới Tử và Gia đình BHATTARAI Sudhir Ambassadeur Népal, Délégué permanent auprès de l'UNESCO à Paris - France, viếng thăm chùa và ở lại tham dự dùng Quã Đường niệm Phật kinh hành.

situation. Certes, le Bouddha a enseigné ces préceptes à l'ensemble des pratiquants laïcs, sans distinction de classe ou de condition sociale. Mais selon leur compréhension, leurs aspirations, et pour bien d'autres raisons, chacun peut en saisir le sens de manière différente et les recevoir avec une finalité qui lui est propre.

Pour bien comprendre cette différence, parlons d'abord du mot «pratiquer».

Tous ceux qui se rendent au temple pour recevoir les Huit Préceptes partagent la même idée : *Mettre en pratique les préceptes. Mais que signifie exactement «mettre en pratique» ?*

Pour les bouddhistes âgées, lorsque leurs responsabilités dans le monde sont considérées comme insignifiantes, « pratiquer » signifie essentiellement accumuler des mérites. Autrement dit, observer les préceptes du Bouddha pour semer les graines du mérite en vue d'une renaissance future plus favorable : *Richesse, intelligence, statut social élevé, voire royauté. D'autres, avec le niveau de pratique spirituelle est plus élevé, espèrent bénéficier de conditions propices pour étudier et approfondir le Dharma dans une existence ultérieure.*

Pour ces bouddhistes, observer les Huit Préceptes consiste simplement à recevoir les préceptes, puis accomplir les rituels du repas et offrir solennellement le bol d'aumônes aux Trois Joyaux dans les dix directions. Par le caractère solennel et la récitation de mantras sacrés dans les offrandes, ils sont perçus comme générateurs de mérites supérieurs à ceux d'une pratique individuelle à domicile. Outre les offrandes faites avant de manger, le pratiquant ne cherche pas nécessairement à comprendre la nature profonde des

préceptes ni leur portée ultime de chaque précepte. Il n'est donc pas nécessaire de savoir si le fruit de ce précepte peut conduire à des bénédictions encore plus grandes, dont la plus élevée est l'illumination parfaite du Nirvana.

Dans le langage courant, «pratiquer» signifie souvent se corriger : *Transformer le mal en bien, se repentir pour revenir sur le chemin droit. Cela est le côté négatif du mot « pratiquer».* Cette compréhension reste cependant limitée : *Assurer le développement personnel et prendre soin de la famille, donc le but ultime n'est qu'apporter la paix pour tout le monde. Elle vise une amélioration morale et sociale, mais demeure soumise à l'impermanence et aux fluctuations de l'existence, emportant dans notre corps et notre esprit les empreintes indélébiles du passé : L'avidité, la haine, l'illusion, d'innombrables afflictions et souillures.*

Or, les Huit Préceptes de Retraite furent enseignés par le Bouddha à des disciples vertueux; ceux qui, tout en menant une vie laïque et en ayant expérimenté les des cinq désirs terrestres, avaient l'esprit fermement orienté sur la Voie Noble. En ce sens, «pratiquer» signifie se développer intérieurement, élever progressivement son être jusqu'au niveau de la Voie des Saints, afin de discerner clairement, au fur et à mesure, le chemin menant au Nirvāna. Cette pratique englobe la discipline morale (*śīla*), la concentration (*samādhi*) et la sagesse (*prajñā*). Ces trois aspects forment une chaîne indissociable de relations interdépendantes.

Certains disent : *« La pratique réside dans l'esprit. » Cela n'est vrai qu'en partie. Mais si l'on ne sait pas comment entraîner son corps, le maîtriser et résister aux instincts de*

plaisir, parler de pratique de l'esprit paraît illusoire. Cultiver le corps, c'est pratiquer les préceptes. Cultiver l'esprit, c'est pratiquer la concentration. Seule la concentration peut engendrer la sagesse.

Pourquoi dit-on que se cultiver le corps, c'est pratiquer les préceptes ? Dans les cinq préceptes (Ngũ Giới) des laïcs et les huit préceptes de retraite (Bát Quan Trai), ce qu'il faut apprendre, c'est à empêcher le corps et la parole de commettre des actes mauvais.

Pratiquer les préceptes, c'est cultiver la moralité ; on peut aussi dire que c'est se corriger soi-même, corps et esprit, affiner ses qualités morales afin d'élever la noblesse de sa propre vie. Pratiquer la concentration (Định) ne signifie évidemment pas « *corriger la concentration* ». Pratiquer la concentration signifie s'entraîner à développer la maîtrise du corps et de l'esprit ; c'est rassembler l'attention, ne pas laisser l'esprit se disperser, afin de renforcer la capacité de perception et d'ouvrir la sagesse. Enfin, pratiquer la sagesse (Huệ) ne signifie pas non plus « *corriger la sagesse* », mais développer et élever sa compréhension, élargir son regard pour voir clairement la réalité.

Dans le sens de la pratique des préceptes, on demande : « *Qu'est-ce que le précepte ?* » Habituellement, on comprend les préceptes comme des interdictions. Mais dans les enseignements du Bouddha, les préceptes ont une signification bien plus vaste. Leur sens fondamental est la dignité de l'être humain. Observer les préceptes, c'est préserver sa propre qualité morale, sa valeur humaine.

Pratiquer les préceptes, c'est élever la dignité de l'être humain, ce que l'on appelle communément la qualité morale, ce qui constitue la valeur de l'homme.

Qu'est-ce que la qualité humaine ? Nous naissons dans la société humaine : Nous vivons, grandissons et mourons. Pour une personne ordinaire, il s'agit de ne pas commettre d'actes mauvais qui nuisent à soi-même ou à la société, de préserver l'intégrité de sa vie afin de mourir sans regret d'avoir fait du tort à autrui. La morale mondaine ne dépasse guère ce niveau.

Mais la pratique des préceptes pour un bouddhiste consiste à élever encore davantage la qualité humaine, à dépasser la valeur humaine ordinaire.

Comment dépasser les limites humaines ? Quel est le but de la vie pour chaque personne ? Nos parents nous donnent naissance ; nous grandissons, fondons une famille ; nous avons des devoirs envers notre famille et envers la société, œuvrant au bonheur familial et à la paix sociale. En apparence, cela suffit.

Cependant, lorsque l'on pratique les préceptes, on découvre en soi quelque chose de plus noble encore.

Cela ne peut être expliqué en quelques mots ; seule l'expérience vécue, l'expérience de la pratique, permet de comprendre ce qu'est ce « *plus élevé* ». Au pied de la montagne, le regard est limité : *On ne voit que la cime des arbres. Mais guidé jusqu'au sommet, on comprend alors la hauteur de la montagne.*

Peut-être on ne se rend pas compte de la hauteur que on avait atteinte, mais avec le temps et par la pratique, cela devient visible. Pratiquer les préceptes avec cette conscience permet d'en voir les effets. Sinon, pratiquer les préceptes se limite à accomplir de bonnes actions appelées « *actes méritoires* » : *En vue d'une renaissance future plus prospère, plus heureuse, avec des facultés complètes et une intelligence accrue. Mais même l'intelligence la plus brillante - celle d'un savant, d'un roi, - reste enfermée dans les limites humaines ; elle ne triomphe ni de la vieillesse ni de la mort, et demeure esclave de quelque chose qu'on ne comprend pas.*

Une personne née dans une famille qui était esclaves d'autres personnes ; les parents étaient esclaves, toute lignée entière sont esclaves, et en grandissant, elle ignore même de quoi elle est esclave.

Seul celui qui ouvre la voie et révèle la valeur véritable de l'être humain permet de prendre conscience de cet esclavage et de chercher à s'en libérer. Il en va de même pour nous : *Depuis d'innombrables existences, nous sommes habitués à être esclaves d'une force inconnue, incomprise et invisible. Nous nous y sommes habitués et ont accepté ce sort.*

C'est comme un enfant couvert de plaies de gale. Son bonheur est de s'asseoir près du feu et de se gratter. Plus il se gratte, plus le soulagement semble agréable, mais plus les plaies empirent. Les proches, par compassion, l'emmènent chez le médecin. L'enfant pleure en criant : « *Vous êtes cruels ! J'ai des démangeaisons et vous m'empêchez de me gratter ; je suis bien au chaud près du feu, et vous m'emmenez pour me faire souffrir* ». Plus tard, une fois la gale complètement guérie, il n'osait plus se gratter ; lorsqu'on lui proposa de s'asseoir près du feu, il dit qu'il faisait trop chaud et alla s'asseoir ailleurs.

Nous sommes comme des êtres enlisés dans une boue fétide, mais combien d'entre nous voient clairement que nous vivons dans cette boue ? C'est très difficile à se rendre compte. Comme un enfant tombé dans la boue, il se réjouit en disant : « *C'est formidable, le sol s'enfonce !* » mais lorsqu'il commence à suffoquer, il ne peut même plus pleurer.

Le Bouddha, par de multiples moyens, sauve les êtres de ce borbier de la naissance et de la mort. Une fois sortis, il les purifie avec l'eau des préceptes, les imprègne du parfum de la concentration, et les

orne de guirlandes et de bijoux de sagesse. Alors, ils peuvent aller où ils veulent, le corps pur et parfumé, parés de fleurs et de bijoux, devenus des êtres nobles, dignes de participer à toute assemblée, même aux cours des rois.

Comprendre que l'on est dans la boue, comprendre la pureté de l'eau des préceptes, le parfum de la concentration et la couronne paisible de la sagesse. Tout cela ne se comprend que par la pratique.

La première étape est la réception des préceptes. Selon les capacités, le Bouddha a établi différents niveaux de préceptes. Comme les corps humains sont différents : *Un corps faible de 35 kg ne peut porter que 20 kg, un corps robuste peut en porter cent. Les préceptes sont établis de la même manière, selon les capacités, le niveau moral et la faculté de maîtrise de chacun.*

Apprendre les préceptes selon le Bouddha, c'est comme un enfant qui apprend à marcher : *Il tombera forcément. Sans l'aide des parents, il ne peut se relever seul ni éviter les chutes.*

Il en va de même pour le pratiquant : *Après avoir reçu les préceptes, il peut les transgresser à plusieurs reprises ; mais s'il reconnaît la faute, il doit la corriger. Personne ne naît en sachant marcher ; même l'enfant du roi tombera et pleurera si les serviteurs du palais ne l'aident pas à apprendre à marcher. Mais tomber et se relever est un instinct. Certains, cependant, tombent et restent à terre, incapables de se relever. Ainsi certains pratiquants, d'abord assidus, finissent par régresser et sombrer sans jamais se relever.*

C'est pourquoi, dès la base, le Bouddha a établi les cinq préceptes.

Un degré plus élevé encore est celui des huit préceptes du Bát Quan Trai.

LE SENS DES HUIT PRÉCEPTES DE RETRAITE

L'expression « *Bát Quan Trai* » signifie littéralement huit actes à ne pas commettre, comme huit barrières retenant les actions malsaines. Ces préceptes sont plus justement appelés « *préceptes de proximité avec la vie monastique* (Cận trụ) ». Cela signifie vivre au rythme de la vie monastique, près des temples, près des lieux sereins. S'habituer à une vie de pureté pour en apprécier toute la valeur.

Plus encore, la « *proximité avec la vie monastique* » est comprise comme la pratique d'une vie proche de celle d'un Arahant (ou Arhat), un saint qui a transcendé le monde.

Outre la signification « *proximité avec la vie monastique* », les Huit Préceptes sont également appelés les Préceptes du Posatha (Bồ tát) ou les Préceptes de Purification (Trưởng tịnh) : *Observer ces préceptes contribue*

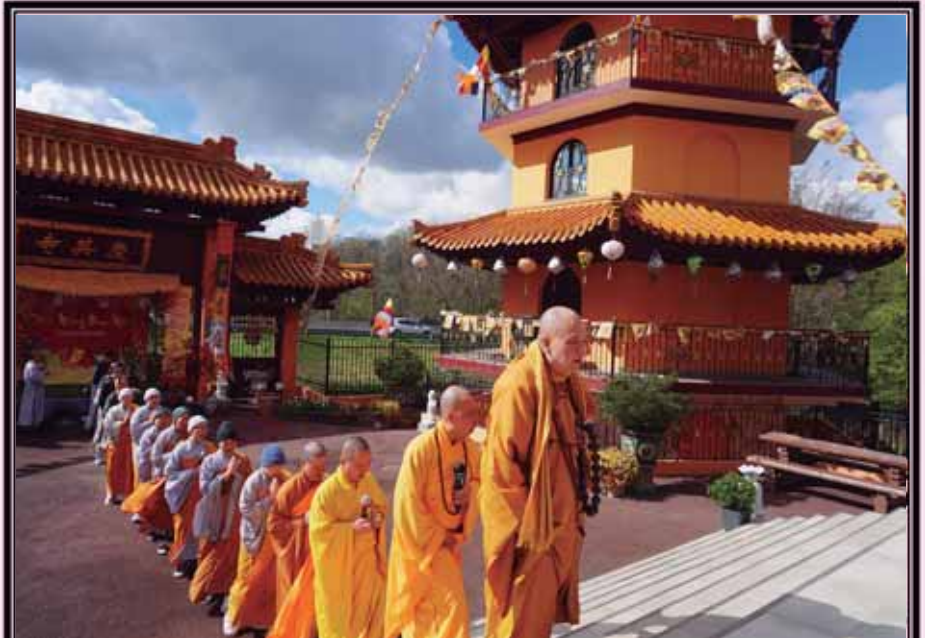
à développer en soi des qualités pures et vertueuses.

Un même terme, mais deux sens : « proximité avec la vie monastique » signifie demeurer à proximité, vivre au plus près de la vie noble d'un être saint. Pour la personne qui a renoncé à la vie familiale, l'ensemble des règles disciplinaires constitue un modèle éthique entièrement inspiré de la vie d'un Arahant. Même si, intérieurement, cette personne peut encore éprouver de la colère ou des désirs, extérieurement - dans la manière de marcher, de se tenir, de s'asseoir ou de s'allonger - son comportement et sa conduite morale s'efforcent constamment de suivre l'exemple des saints, d'apprendre d'eux et de les imiter. Le laïc, lui, ne peut pas vivre ainsi ; il ne peut qu'apprendre à s'en approcher, à s'y familiariser progressivement. En s'en approchant de cette manière, il naît la conviction que ce monde compte véritablement des êtres saints, des Arahants - des êtres authentiques à la moralité parfaite, ayant totalement éradiqué l'avidité, la colère et l'ignorance, vivant dans une paix constante, sans plus être engloutis dans le cycle douloureux des renaissances. C'est une foi tournée vers l'élévation, à partir de laquelle chacun peut découvrir le sens et l'orientation de sa propre vie.

À partir de cette foi, les qualités vertueuses peuvent se développer naturellement : Sans qu'il soit nécessaire d'interdire explicitement de tuer ou de voler, on s'en abstient spontanément, parce que l'on croit en une valeur très élevée que l'on est en train d'apprendre et d'intégrer. Tel est le sens positif des préceptes. Ainsi, les préceptes ne se réduisent pas à une simple signification négative faite d'interdictions. Certes, lorsqu'on étudie les préceptes, l'enseignement précise ce qu'il ne faut pas faire et ce qu'il convient de faire.

La personne sage, dotée de discernement dans la vie, sait clairement quel est le chemin du bien suprême, le chemin juste à suivre. Elle reconnaît aussi ce qui constitue une voie mauvaise et l'évite d'elle-même, sans qu'il soit interdit. Tel est l'apprentissage des préceptes pour ceux qui comprennent ; pour ceux qui possèdent la sagesse. En revanche, pour ceux qui n'ont pas la capacité de distinguer ce qui est noble de ce qui est vil, les interdictions deviennent nécessaires. De même qu'un adulte raisonnable, lorsqu'il voit le feu ou un poison, ne tend jamais la main pour les saisir ni ne les utilise de manière irréfléchie. Mais les enfants, ou les personnes dépourvues de compréhension, mangent et boivent tout ce qu'ils rencontrent, ce qui est extrêmement dangereux. Pour de telles personnes, il est donc indispensable d'établir des interdictions, de définir clairement ce qu'il convient de faire et ce qu'il ne faut pas faire.

LE SENS DE LA RÉCEPTION DES PRÉCEPTES



Chư Giới Tử đứng Quá Đường xong, đi niệm Phật Kinh Hành.

Seuls les Arahants en ce monde, sont capables de discerner clairement, par une sagesse sans impuretés (*Trí Tuệ vô lậu*), ce qui est nuisible et ce qui ne l'est pas. En dehors d'eux, tous les êtres ordinaires - y compris les dieux et les humains - sont recouverts par la voile épaisse de l'ignorance obscure ; il leur est difficile de déterminer avec certitude le chemin qui s'ouvre devant eux, de savoir quelle voie suivre, et ils sont tout aussi incapables de reconnaître ce qui est véritablement nocif. C'est pourquoi le Bouddha a établi les préceptes, afin que l'on s'y conforme dans la pratique. Ainsi, tous les disciples du Bouddha, une fois qu'ils ont pris refuge dans les Trois Joyaux, doivent recevoir et observer les préceptes.

Recevoir les préceptes, c'est formuler un vœu volontaire : Celui de respecter ce que le Bouddha a prescrit et interdit, afin de se discipliner soi-même, de cultiver le corps et l'esprit, d'élever sa qualité morale et la valeur spirituelle de son existence. De ce vœu - lorsqu'il est formulé correctement, conformément au Dharma - naît, au sein même de la personne qui reçoit les préceptes, une force intérieure de protection. Cette force est comparée à une digue, qui empêche les eaux troubles de s'écouler et de pénétrer dans un bassin d'eau claire.

Notre esprit est semblable à un lac. L'eau est, à l'origine, claire et pure, mais tout autour s'accumulent des débris ; et, sans cesse, des eaux troubles venues de l'extérieur s'y déversent, rendant le lac impur, pollué et dangereux. C'est pourquoi il est nécessaire d'ériger une digue pour empêcher ces eaux souillées de pénétrer dans l'esprit. Ainsi faut-il comprendre cette comparaison : Les préceptes sont la digue.

Comment construire cette digue et la maintenir solide ? Tel est précisément le

sens de la prise des préceptes et de leur observance.

Une personne qui n'a pas reçu les préceptes du Bouddha peut néanmoins mener toute sa vie une existence moralement exemplaire. Mais il s'agit alors d'une moralité innée, spontanée. Elle ressemble à un cerf naturellement doux : Il demeure doux toute sa vie, sans jamais s'élever vers un état plus noble. Chez une telle personne, il n'existe pas de force de protection ; il n'y a donc pas de croissance de la discipline morale. Autrement dit, elle naît avec une nature vertueuse, comme une graine excellente et rare ; mais si cette graine est conservée dans un entrepôt sans être semée, elle ne deviendra jamais un arbre capable de donner des fleurs et des fruits.

Chaque mois, il y a six jours consacrés à la prise des préceptes : Le 8, le 14, le 15, le 23, le 29 et le 30. Ou bien huit jours, si l'on y ajoute le 7 et le 22.

Dans les anciennes croyances et légendes de l'Inde, on croyait qu'en ces jours-là les démons troublaient souvent les êtres humains, et qu'ils étaient également les jours où le Roi des dieux et les Quatre Grands Rois Célestes, protecteurs du monde, parcouraient le monde des hommes afin d'aider ceux qui accomplissaient le bien. C'est ainsi que les gens d'autrefois en vinrent à instituer des offrandes de nourritures et d'objets précieux, priant les divinités de les protéger, d'éloigner les démons et de leur accorder bénédictions, richesses et chance. Les personnes qui ont foi dans le Bouddha ne croient pas à ce genre de « corruption » des dieux et des esprits. Elles ne croient qu'au karma, aux actes bons ou mauvais accomplis par elles-mêmes, ainsi qu'aux conséquences heureuses ou malheureuses qui en résultent. C'est pourquoi, au lieu de faire des

offrandes rituelles et des supplications, nous pratiquons l'observance des **préceptes des huit abstinences** (*Bát Quan trai giời*).

Par ailleurs, ceux qui n'ont jamais vécu à la campagne ne peuvent pas pleinement percevoir l'influence des jours du calendrier lunaire. Les habitants des zones rurales, forts de l'expérience accumulée sur de nombreuses générations, ont observé que le comportement des êtres humains varie souvent selon les phases de la lune, selon chaque lunaison. Lorsque la lune change - pleine ou décroissante - le tempérament humain se transforme lui aussi, devenant plus doux ou plus agressif, plus enclin à la joie ou plus prompt à l'irritation. Recevoir et observer les préceptes en ces jours-là exerce ainsi un effet très puissant sur la pratique et la cultivation du corps et de l'esprit.

De nos jours, la vie quotidienne est concentrée dans les grandes villes. Les éclipses de soleil ou de lune passent souvent inaperçues, si bien que le cycle lunaire ne joue plus un rôle essentiel. La vie devient de plus en plus socialisée ; dans les villes, ce sont surtout les cycles sociaux qui dominent. Ainsi, lorsque vient le vendredi ou le samedi, les êtres humains éprouvent une sensation différente de celle des jours ordinaires, et le dimanche se distingue immédiatement des autres jours. Il n'est donc pas indispensable de suivre strictement les phases de la lune ; recevoir les préceptes un dimanche est tout à fait approprié.

L'efficacité de la prise des préceptes se divise en deux catégories.

La première est celle des préceptes reçus pour toute la durée de la vie (*Giới Tân hình thọ*). Une fois que l'on a formulé le vœu de les recevoir, on les observe tout au long de son existence ; au moment de la mort, les préceptes sont automatiquement disparus. Ou bien, sans attendre la mort, lorsque l'on ne croit plus, ne trouve plus de joie dans l'observance des préceptes, et que l'on déclare soi-même les abandonner - ou que l'on renonce au Bouddha, au Dharma et à la Sangha - alors la substance des préceptes disparaît également.

La seconde catégorie est celle des préceptes d'un jour et d'une nuit. Il s'agit des préceptes de « **préceptes de proximité avec la vie monastique** » (*Cận trụ*). Après leur réception, la substance des préceptes ne demeure que durant un jour et une nuit dans le courant intérieur de l'esprit de la personne qui les reçoit : *Depuis le lever du soleil d'aujourd'hui jusqu'au lever du soleil du lendemain. Une fois ce délai écoulé, les préceptes sont automatiquement disparus.*

Dans les grandes villes, il n'est pas possible de calculer la durée d'un jour en fonction de la lumière solaire ; il faut donc se référer à l'heure indiquée par l'horloge. Le point de départ d'une journée d'observance des préceptes des huit abstinences peut être fixé de six heures du matin aujourd'hui à six heures du matin le lendemain. Après vingt-quatre heures, que l'on se rende ou non au temple pour une cérémonie, les préceptes sont automatiquement relâchés. Si l'on se rend au temple pour une cérémonie de clôture, il ne s'agit que d'un acte de dédicace : *C'est-à-dire l'aspiration à orienter le mérite acquis par l'observance des préceptes d'un jour vers une intention ou un vœu particulier.*

Les préceptes des huit abstinences ne peuvent pas être reçus seul ; ils doivent être transmis par un samanera (*novice*) ou par un bhikkhu ou une bhikkhuni.

LE CONTENU DES HUIT PRECEPTES

Le contenu de chaque précepte, selon sa signification, est divisé en quatre parties.

1. *Les préceptes de la nature intrinsèque, comprenant quatre éléments : Le meurtre, le vol, la conduite sexuelle déviante, et le mensonge. On les appelle « intrinsèques » parce qu'ils constituent les qualités les plus fondamentales de l'être humain. Perdre ces qualités, c'est perdre en même temps la valeur même de l'humanité et déchoir au rang des animaux, des êtres inférieurs. Que le Bouddha apparaisse ou non dans le monde, ces quatre qualités sont nécessaires pour renaître en tant qu'être humain. Toutefois, lorsque le Bouddha apparaît dans le monde, elles sont établies comme règles d'entraînement ; et lorsque les bouddhistes font le vœu de les observer et de les maintenir, ces préceptes intrinsèques se développent alors en une force qui protège à la fois la personne et élève son esprit, l'orientant vers la Voie des Nobles.*

Ces quatre éléments constituent le fondement des cinq préceptes. La différence dans les huit préceptes réside dans l'interdiction de toute activité sexuelle, tandis que les cinq préceptes se limitent à éviter la conduite sexuelle déviante. En raison du fait que les cinq préceptes sont observés toute la vie, alors que les huit préceptes ne sont pris que pour une durée d'un jour et d'une nuit, la nature même de ces préceptes diffère également. Prenons par exemple le précepte de ne pas tuer. Dans les cinq préceptes, il a pour fonction principale de protéger contre les rétributions douloureuses futures, constituant ainsi un mérite conduisant à une renaissance humaine. Dans les huit préceptes, il ne se contente pas de renforcer cette fonction protectrice : *Il se développe en un facteur actif et*

positif, devenant une force capable de contrer les afflictions mentales, de maîtriser et d'éliminer la colère, facilitant ainsi l'accès aux états de méditation (dhyāna) et, plus encore, à la réalisation des fruits de la sainteté.

2. *Un élément visant à éliminer la négligence, à savoir le précepte interdisant de boire de l'alcool et de consommer des substances enivrantes, c'est-à-dire tout ce qui rend l'esprit relâché, incontrôlé. Dans les cinq préceptes, l'abstention de l'alcool a pour seule fonction de prévenir l'ivresse et la perte de maîtrise de soi, lesquelles conduisent ensuite à la transgression des autres préceptes. Dans les huit préceptes, cette abstention devient une force capable de bloquer et d'éliminer la négligence, le relâchement de l'esprit.*

Le Bouddha a enseigné : « *Il existe une voie qui conduit au Nirvāṇa, et une autre qui fait des êtres les esclaves des démons, c'est-à-dire de Māra, le roi des démons, le seigneur de la mort. Il y a une chose telle que, si quelqu'un l'accomplit, s'il la possède pleinement et qu'elle demeure dans son propre cœur, cette personne ne pourra jamais échapper aux mains de Māra et de la mort ; C'est la négligence, le laisser-aller.* »

Il existe aussi une chose qui permet d'échapper à l'emprise de Māra et de parvenir à la paix ultime : « *C'est l'absence de négligence.* »

La négligence est le laisser-aller, la distraction, l'agir irréflecti, le manque de maîtrise de soi, l'absence de vigilance. Ainsi, un élève qui souhaite réussir un examen : *L'examen a lieu le lendemain, la leçon n'est pas encore apprise, mais il se laisse aller à suivre des matchs de football ; la conséquence en est l'échec à l'examen. C'est là un état de négligence incontrôlée. Celui qui est négligent ne peut rien accomplir de grand ; il échoue continuellement.*

La négligence comprend la négligence du corps et celle de l'esprit. Qu'est-ce que la négligence du corps ? Être un peu fatigué et aller s'allonger ; étudier un moment, avoir sommeil et aller dormir. Le pratiquant qui récite son chapelet n'en a parcouru que la moitié qu'il se met déjà à penser à mille choses. La négligence de l'esprit consiste à être distrait, à perdre la pleine conscience, à se laisser aller à des pensées vagabondes, à ne pas concentrer l'esprit sur ce qui est vertueux ; on est alors facilement entraîné vers des actes irréflectis et fautifs.

3. *Deux éléments visant à éliminer l'orgueil.* Premièrement, éviter de s'asseoir ou de s'allonger sur des lits ou des sièges élevés et luxueux. Deuxièmement, éviter de se parer de guirlandes, de bijoux, de parfums et d'onguents ; éviter également le chant, la danse, la

musique, ainsi que le fait de regarder ou d'écouter volontairement ces divertissements. Dans les préceptes du novice (*śrāmaṇera*), ces deux éléments sont divisés en trois, dans le but de cultiver la pleine conscience.

Dans le monde, la classe sociale et la position hiérarchique sont des critères servant à évaluer la valeur d'une personne. Un empereur, lorsqu'il voyage incognito avec seulement quelques gardes et vêtu comme un simple citoyen, n'inspire ni crainte ni respect. Autrefois, le roi Pasenadi, chaque fois qu'il quittait le palais, était précédé et suivi d'une escorte, d'épées, de lances et de parasols ; mais lorsqu'il se rendait au monastère pour rendre hommage au Bouddha, il abandonnait tous les insignes de la royauté et du pouvoir, marchait seul jusqu'à la salle d'enseignement et se prosternait devant le Bouddha.

Il est impossible d'entrer sur la Voie des Nobles avec un esprit d'orgueil, avec le sentiment de puissance ou de richesse. Le Bouddha a dit : de même que les quatre grands fleuves, lorsqu'ils se jettent dans l'océan, n'ont plus qu'une seule saveur, la saveur salée, de même, bien que le monde distingue quatre classes sociales nobles ou humbles, lorsqu'on entre sur la Voie des Nobles, toutes se fondent en une seule et même saveur : *La saveur de la libération*.

4. Un élément constitue l'essence même des huit préceptes (Bát Quan trai). Il s'agit du précepte de ne pas manger en dehors des heures autorisées, qui sert de fondement à l'ensemble des huit règles. C'est précisément en raison de ce précepte que la nature du précepte de ne pas tuer, etc., dans les cinq préceptes diffère de celle des mêmes éléments dans les huit préceptes.

Nous savons que, dans les coutumes chinoises, lorsqu'un empereur voulait célébrer un rite de sacrifice au Ciel et à la Terre, il devait au préalable se purifier en observant le jeûne et les préceptes pendant une semaine, soit dix jours. Ici, l'observance du jeûne signifiait s'abstenir d'alcool, de viande et de relations sexuelles.

Dans les traditions religieuses védiques de l'Inde, lorsqu'un chef de famille souhaitait offrir le sacrifice du Soma aux divinités, il devait également observer le jeûne la veille de la cérémonie, c'est-à-dire s'abstenir de manger le soir.

De telles coutumes relèvent de la croyance religieuse et sont fortement marquées par l'esprit de prière ; *elles n'ont aucune incidence directe sur la pratique bouddhique*. Toutefois, les jours choisis pour accomplir ces

rites ont, en réalité, une signification particulière.

En effet, dans les anciennes sociétés agricoles, les sages ou les ascètes vivant dans les forêts, par l'observation de leur propre esprit ou par le contact avec la population, avaient constaté que l'état mental des êtres humains, certains jours, était particulièrement sensible aux influences extérieures : soit plus irritable que d'ordinaire, soit au contraire plus facilement joyeux. Ne pouvant expliquer ces phénomènes par le langage rationnel, ils les exprimaient à travers des croyances religieuses, attribuant ces variations inhabituelles du mental à l'action de démons ou à la protection des divinités.

Pour les bouddhistes ayant reçu les Trois Refuges et les Cinq Préceptes, il n'existe aucun jour où l'on ne s'abstient pas de tuer, de voler, de mentir, etc. Mais cette abstention reste encore d'ordre négatif. Lorsque l'on observe ensuite le jeûne et les préceptes, en s'abstenant de manger en dehors des heures permises, cette abstention agit comme une force dynamique qui renforce l'énergie protectrice des préceptes. *C'est pourquoi ce précepte est également appelé le « précepte de purification croissante ».* Pourquoi ? Le sens en est simple. Dans la vie ordinaire, manger et boire font partie intégrante de l'existence, et l'on ne perçoit rien d'inhabituel dans l'alimentation quotidienne. Mais lorsqu'on observe le jeûne, on est pleinement conscient que, depuis midi jusqu'au lendemain matin, on ne mange pas et que l'on ne boit que ce qui est autorisé par la discipline. De ce fait, une force de vigilance et de protection demeure continuellement présente dans l'esprit, empêchant de

manger en dehors des heures prescrites. Cette force devient à la fois le fondement et le catalyseur permettant à l'énergie protectrice des autres préceptes de circuler naturellement et de se renforcer. Ainsi, si une personne qui observe les huit préceptes mange en dehors des heures permises, l'essence même du jeûne et des préceptes est automatiquement annulée.

Par ailleurs, pour les gens du monde, le repas du soir est le principal. Il ne s'agit pas seulement de manger et de boire, de banquets et de jouissances matérielles, de plaisirs sensoriels ; c'est aussi le moment des relations sociales, des échanges, des discussions sur les affaires, bonnes ou mauvaises. En d'autres termes, c'est un temps où se resserrent les liens qui attachent l'individu à la société. S'abstenir de manger en dehors des heures permises pendant une journée, c'est se tenir temporairement à l'écart de ces relations sociales contraignantes. C'est précisément grâce à cet éloignement que le laïc peut faire l'expérience du sens du renoncement et comprendre clairement la valeur de la libération hors des entraves mondaines. C'est là le commencement de la Voie des Nobles. C'est pourquoi ce précepte est aussi appelé le « *précepte de proximité* » (*cận trụ*), celui par lequel l'énergie protectrice conduit le pratiquant à s'approcher de la Voie sainte.

Dans ce sens, observer les huit préceptes d'un jour correspond essentiellement à observer l'abstention de manger en dehors des heures prescrites. Les autres rites, tels que l'offrande du repas de midi ou la récitation des sutras, les prosternations et les confessions, ne sont que des formes de soutien



Chư Giới Tử dùng Quả Đường xong, đi niệm Phật Kinh Hành trên Chánh Điện, tụng hồi hướng.

destinées à affermir l'essence des préceptes. Ils ne constituent pas l'élément essentiel de l'observance des huit préceptes.

À l'époque du Bouddha, des laïcs tels que le riche Anāthapiṇḍika ou la bienfaitrice Visākhā étaient de grands propriétaires, possédant d'immenses fortunes. Ils observaient néanmoins régulièrement le jeûne et les préceptes. Le jour de l'observance, ils se rendaient au monastère pour recevoir les préceptes d'un moine ou d'une moniale, puis retournaient chez eux pour gérer leurs affaires comme à l'ordinaire. Mais du fait de l'abstention du repas du soir, l'essence des préceptes circulait naturellement dans leur corps et leur esprit durant toute une journée et une nuit.

La plupart des personnes qui reçoivent les préceptes, en raison de l'habitude de manger le soir, demandent des accommodements, tels que la permission de consommer du gruau ou des préparations à base de céréales pour apaiser la faim. Agir ainsi fait perdre à l'observance du jeûne sa signification de discipline morale, pour la réduire à une simple bonne action visant à accumuler des mérites. En réalité, jeûner une journée ne cause aucun tort. Bien au contraire, si l'on s'y exerce, on découvrira les immenses bienfaits de cette règle de discipline. Bien entendu, seuls ceux qui la pratiquent réellement peuvent en comprendre la valeur.

CROISSANCE DES RACINES DU BIEN

Parmi les racines du bien, la première est la foi, la deuxième est l'effort diligent. L'effort diligent est précisément la force de volonté ; il est la racine des racines du bien. Sans force de volonté, les racines du bien ne peuvent se développer.

On comprend souvent l'effort diligent comme le simple fait d'être actif ou assidu. Or, tout le monde peut être actif, car vivre implique nécessairement de travailler ; rester inactif engendre facilement l'ennui. Même regarder la télévision en permanence finit par lasser. Une telle assiduité n'est pas encore l'effort diligent.

La personne véritablement diligente est celle qui possède une force de volonté. Beaucoup pensent que la force de volonté consiste à accomplir de grandes actions, dignes des héros. En réalité, qu'il s'agisse de grandes ou de petites choses, il faut maintenir une détermination ferme, persévérer ; des choses les plus modestes aux plus importantes, une fois la décision prise, ne pas

abandonner. Voilà une force de volonté qui doit être entraînée. Dans la vie, il est facile de perdre cette force. Nombreux sont ceux qui, au moment de promettre, se montrent enthousiastes et courageux, puis se refroidissent peu à peu jusqu'à s'éteindre complètement. Bien sûr, chaque renoncement trouve ses justifications : *Il y a toujours des « parce que », des raisons invoquées. Ce sont précisément ces excuses qui nourrissent en nous, jour après jour, le laisser-aller.*

Lorsque la force de volonté se perd, la foi finit elle aussi par disparaître ; les pratiques vertueuses sont négligées et aboutissent progressivement à l'abandon total. C'est pourquoi la foi doit être accompagnée de l'effort ; seule une volonté suffisante permet de concentrer l'attention, c'est-à-dire d'établir la pleine conscience. Avec la pleine conscience et la concentration, peut alors surgir une compréhension juste et authentique : *La sagesse.*

Comment développer ces racines du bien - foi, effort, pleine conscience, concentration et sagesse ?

En étudiant et en observant les huit préceptes d'un jour (*Bát Quan Trai*), on se rapproche de la manière de vivre d'un Arahant ; on établit une foi juste dans la Voie noble, en sachant clairement qu'il existe une voie sacrée, une voie permettant de sortir du monde conditionné.

L'effort diligent est la force de volonté. La pleine conscience consiste à ne pas se détourner des pratiques vertueuses, à ne pas oublier le but suprême de sa vie.

La pleine conscience commence par le souvenir et la réflexion ; de la réflexion naît la pleine conscience authentique. Dans la pratique des huit préceptes, il est recommandé aux bouddhistes de cultiver la méthode des six remémorations (*Lục niệm*), c'est-à-dire six objets de contemplation et de réflexion : *La remémoration du Bouddha, du Dharma, de la Sangha, du don, de la discipline morale et des cieux. Cela fait également partie de la pratique de la concentration.*

La remémoration du Bouddha consiste à contempler ses qualités. Le Bouddha est l'Éveillé parfait, ayant éliminé toutes les afflictions mentales ; sa moralité est accomplie, il est libéré de l'avidité, de la colère et de l'ignorance. Il est le Digne d'offrandes, l'Omniscient, l'Éveillé parfaitement accompli... les dix titres du Bouddha. Se souvenir du Bouddha, c'est réfléchir à sa grande bienveillance, à sa grande compassion, à sa grande sagesse et à sa grande clairvoyance, et non se contenter d'une récitation vide de compréhension.

La remémoration du Dharma consiste à contempler les enseignements du Bouddha. Le Dharma du Bienheureux est bien exposé, bien enseigné ; il est par nature pur, détaché des désirs. Lorsqu'on le met en pratique, il produit immédiatement des résultats et apporte la paix ici et maintenant. Le Dharma enseigné par le Bouddha est « à venir voir et expérimenter », non à écouter de loin. Sans s'en approcher, sans le pratiquer ni l'expérimenter, il est impossible de le comprendre. Telle est la nature du Dharma.

La remémoration de la Sangha : *La Sangha est la communauté des disciples du Bouddha, ceux qui marchent sur la Voie noble, qu'ils soient encore ordinaires ou déjà saints, se dirigeant vers le Nirvāṇa ou ayant réalisé ses fruits. Il existe véritablement des membres de la Sangha dans ce monde. Se souvenir du Bouddha, du Dharma et de la Sangha permet d'établir une foi juste dans l'existence réelle de la Voie noble en ce monde.*

La remémoration du don consiste à réfléchir à l'efficacité de la pratique de la générosité : *Cultiver le détachement, abandonner l'attachement aux richesses et à la renommée, ne pas être avide des biens matériels.*

La remémoration de la discipline morale consiste à réfléchir à la manière de maintenir les préceptes intacts : *Non brisés, non fissurés, non entachés, purs et limpides comme un joyau.*

La remémoration des cieux consiste à réfléchir au fait qu'au-delà du monde humain existent des mondes célestes, des royaumes d'êtres divins, et plus loin encore les mondes des Bodhisattvas et des Bouddhas ; au minimum, il existe au-dessus du monde humain des états d'existence supérieurs.

Lorsque les racines du bien sont cultivées, et que l'essentiel - l'accomplissement des huit préceptes - est réalisé, des effets concrets se manifestent : *On perçoit et on ressent la subtilité merveilleuse du Dharma, qui élève la vie vers un niveau plus noble, et l'on voit sa propre dignité croître sans cesse.*

Le Dharma du Bouddha n'est pas séparé du monde ; cela signifie que le Dharma est la vie elle-même. Comprendre le Dharma, c'est comprendre le sens de sa propre existence : *Pourquoi l'on vit, pourquoi l'on meurt. Vivre toute une vie dans la peine et le labeur, ou même devenir roi ou souverain, sans savoir où l'on va finalement, serait un immense gaspillage.*

Puisse chaque bouddhiste, après une journée d'observance des préceptes, sentir qu'il s'est rapproché d'un pas de la Voie noble.

Très Vénérable Thích Tuệ Sỹ

ĐẠI GIÁO ĐƯỜNG ÉVRY VÀ ĐẠI PHẬT ĐƯỜNG KHÁNH ANH HAI BIỂU TƯỢNG KIẾN TRÚC VÀ TÂM LINH ÉVRY LÀM LỄ KHÁNH THÀNH MỘT ĐƯỜNG PHỐ MANG TÊN « RUE DU TRÈS VÉNÉRABLE THÍCH MINH TÂM » ĐỂ KỶ NIỆM DI SẢN CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH TÂM

Trong một buổi lễ uy nghi, ngày 7 tháng 2 năm 2026, thành phố Évry-Courcouronnes chính thức khánh thành một tuyến đường mới mang tên « Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm », để tôn vinh người sáng lập Chùa Khánh Anh, ngôi chùa lớn nhất châu Âu. Sự kiện này đánh dấu một bước quan trọng trong việc công nhận vai trò quan trọng của Phật giáo trong công trình giao lưu văn hóa và tôn giáo tại hải ngoại.

HAI BIỂU TƯỢNG LỊCH SỬ: ĐẠI GIÁO ĐƯỜNG ÉVRY - ĐẠI PHẬT ĐƯỜNG KHÁNH ANH

Đại giáo đường Évry, một công trình độc đáo tại Pháp do Giám mục Herbulot thiết kế, là nhà thờ duy nhất xây theo phong cách hiện đại tại Pháp.

Đại Phật đường Khánh Anh, nằm trong khu phố Parc aux Lièvres, đã trở thành biểu tượng sống động của sự hiện diện của Phật giáo tại châu Âu trong hơn ba mươi năm.

Hai công trình này, dù khác biệt về kiến trúc và đức tin, đều thể hiện nguyện vọng của thành phố: Nơi của đức tin, đối thoại và tình bằng hữu, huynh đệ.

ĐƯỜNG HÒA THƯỢNG THÍCH MINH TÂM, TƯỢNG NIỆM MỘT NHÂN VẬT BIỂU TƯỢNG

LỊCH TRÌNH ĐƯA TỚI « RUE DU TRES VENERABLE THÍCH MINH TÂM »

Vào tháng 12 năm 2025, Hội đồng Thành phố Évry-Courcouronnes ra quyết định đặt tên một tuyến đường là « 1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm ». Ngày 7 tháng 2 năm 2026, được thực hiện: Bốn bảng mang tên « Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm » xuất hiện dọc theo con đường dài, chạy qua chùa, tượng trưng cho việc ghi nhớ nhân vật xuất chúng của Việt Nam, người đã đóng góp vào việc xây dựng một tổ chức tôn giáo quan trọng.

« RUE DU TRES VÉNÉRABLE THÍCH MINH TÂM » MỘT SÁNG KIẾN ĐI KÈM CÔNG TRÌNH THUYẾT PHỤC CỦA THƯỢNG TOẠ THÍCH QUẢNG ĐẠO

Quyết định này do chính quyền địa phương và đặc biệt là của Thượng toạ Thích Quảng Đạo, đệ tử và người kế thừa tinh thần của Hòa thượng Thích Minh Tâm. Thượng toạ Thích Quảng Đạo đã đóng vai trò quyết định



Triển lãm Tiểu Sử Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Tâm (1940-2013).

trong sáng kiến này, đã nêu lên sự quan trọng của dự kiến và đã hoàn toàn thuyết phục chính quyền địa phương.

Thượng toạ Thích Quảng Đạo là một nhân vật nòng cốt trong việc bảo tồn và truyền đạt di sản của Hòa thượng Thích Minh Tâm. Những nỗ lực thực đẩy đối thoại liên văn hóa đã vang đến hai Nghị viện. Vào năm 2024, Thượng Nghị viện, rồi năm 2025, Quốc hội Pháp đã ban Huy chương cho Thượng toạ, biểu hiện sự công nhận các hoạt động nhân đạo và xã hội của Thượng toạ.

Từ khi đến Pháp năm 1981, Thượng toạ Thích Quảng Đạo đã tranh đấu cho hòa bình, gây tình đoàn kết, thể hiện tinh thần của Hòa thượng Thích Minh Tâm.

ĐẠI PHẬT ĐƯỜNG KHÁNH ANH: MỘT DI SẢN CỦA ÉVRY NƠI GẶP GỠ VÀ ĐỐI THOẠI LIÊN VĂN HÓA

Nằm trong một ngọn đồi nhìn ra thung lũng sông Seine, Đại Phật đường Khánh Anh đã trở thành một nơi trao đổi giữa các truyền thống tôn giáo và văn hóa khác nhau. Người sáng lập, Hòa thượng Thích Minh Tâm, đã dành cả cuộc đời để thúc đẩy hòa bình, tự do tôn giáo và đối thoại liên văn hóa, ở ngoại quốc, đặc biệt là Âu châu. Con đường mới này mang theo một thông điệp hùng mạnh: Sự công nhận di sản tinh thần và nhân đạo, được ghi dấu trong cấu trúc đô thị của Évry.

ĐỊA CHỈ MỚI : LA PAGODE KHÁNH ANH

1 RUE DU TRÈS VÉNÉRABLE THÍCH MINH TÂM

91000 ÉVRY- COURCOURONNES

Lễ khánh thành con đường « Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm » là một bước ngoặt quan trọng trong việc công nhận vai trò của Phật giáo trong xã hội Pháp và châu Âu. Công trình này cũng nhấn mạnh sự quan trọng của đối thoại liên văn hóa, sự khoan dung và hòa bình. Đó là mục tiêu của Hòa thượng Thích Minh Tâm và Thượng toạ Thích Quảng Đạo, người kế nhiệm.

Lễ đặt bảng đường phố này « 1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm » cũng nhắc nhở rằng đức tin và sự đoàn kết là động cơ xây dựng yêu thương vững chắc giữa các cộng đồng.

Nguyễn Đình Nhân

Quý Đạo Hữu

Kính xin chân thành cảm niệm công đức quý vị xa gần đã từng chuyển tịnh tài cúng dường Tam Bảo và Hộ Trì hàng tháng. Quý vị ở Pháp, các nước trong vùng Âu Châu hay ngoài Châu Âu phát tâm cho mượn hồi thiện, cúng dường hộ trì chùa, in kinh v.v..., tiện lợi hơn hết là đến nhà banque của mình hay bưu điện gần nơi mình ở chuyển thẳng vào trương mục của chùa Khánh Anh như sau :

SOCIETE GENERALE

Association Bouddique KHANH ANH

Compte N. 00037286040.

IBAN: FR76 3000 3015 7900 0372

8604 078

BIC-ADRESSE SWIFT : SOGEFRPP

LA CATHEDRALE D'ÉVRY ET LA PAGODE KHANH ANH DEUX SYMBOLES ARCHITECTURAUX ET SPIRITUELS

ÉVRY CÉLÈBRE L'HÉRITAGE DU VÉNÉRABLE THÍCH MINH TÂM AVEC L'INAUGURATION D'UNE RUE PORTANT SON NOM

Lors d'une cérémonie empreinte de symbolisme et de spiritualité, la ville d'Évry-Courcouronnes a officiellement inauguré une nouvelle artère baptisée « Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm », en hommage au fondateur de la plus grande pagode d'Europe, la Pagode Khánh Anh.

Cet événement marque une étape importante dans la reconnaissance du rôle majeur du bouddhisme dans la dynamique interculturelle et religieuse de la région.

UN PARALLÈLE ENTRE DEUX SYMBOLES ARCHITECTURAUX ET SPIRITUELS

La Cathédrale d'Évry, une oeuvre unique en France conçue par Monseigneur Herbulot, la seule cathédrale construite en France dans un style moderne et innovant.

La Pagode Khánh Anh, située dans le quartier Parc aux Lièvres, est devenue un symbole vivace de la présence bouddhiste en Europe depuis plus de trente ans.

Ces deux monuments, bien que distincts dans leur architecture et leur foi, incarnent l'histoire de la ville : *Un lieu de foi, de dialogue et d'ouverture.*

LA RUE DU TRÈS GRAND VÉNÉRABLE THÍCH MINH TÂM, HOMMAGE À UNE FIGURE ENBLÉMATIQUE

Décidée lors du Conseil Municipal d'Évry-Courcouronnes en décembre 2025, la « Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm » relie désormais la cité à son héritage spirituel. Quatre panneaux jalonnent cette longue voie qui passe devant la

pagode, symbolisant l'ancrage de la mémoire de ce grand homme, dont l'engagement a permis la construction de cette institution religieuse majeure. La décision a été portée par la volonté de la municipalité et particulièrement du Vénérable Thích Quảng Đạo, disciple et héritier spirituel de Thích Minh Tâm, qui a su convaincre la mairie de donner cette reconnaissance à son maître.

UN HOMMAGE ORCHESTRÉ PAR UN DISCIPLE DÉVOUÉ

Vénérable Thích Quảng Đạo, figure centrale dans la préservation et la transmission de l'héritage de Thích Minh Tâm, a joué un rôle déterminant dans cette initiative. Reconnu pour ses efforts en faveur du dialogue interculturel, il a reçu en 2024 la Médaille d'honneur du Sénat, puis en 2025 une distinction du Parlement, en signe de reconnaissance pour ses actions humanitaires et sociales. Depuis son arrivée en France en 1981, il oeuvre pour la paix, la cohésion et la solidarité, incarnant l'esprit du maître qu'il a su transmettre.

UN LIEU DE RENCONTRE ET DE DIALOGUE INTERCULTUREL

Située dans un environnement boisé sur une colline surplombant la vallée de la Seine, la Pagode Khánh Anh est devenue un lieu d'échange entre différentes traditions religieuses et culturelles. Son fondateur, Thích Minh Tâm, a dédié sa vie à la promotion de la paix, de la liberté

religieuse et du dialogue interculturel, à l'étranger comme en Europe. La nouvelle rue porte ainsi un message fort : *Celui de la reconnaissance d'un héritage spirituel et humanitaire, inscrit dans le tissu urbain d'Évry.*

UN HÉRITAGE DURABLE POUR LA VILLE

Le choix de nommer cette voie en hommage à Thích Minh Tâm témoigne de la volonté de la municipalité d'inscrire dans la durée l'impact de ce leader religieux. La pagode, inaugurée en 1995 par la présence du Dalaï-Lama en 2008, continue d'être un espace de dialogue et d'ouverture, incarnant la vision pacifiste et fraternelle du maître disparu en 2013 en Finlande.

NOUVELLE ADRESSE : LA PAGODE KHANH ANH, N°1 RUE DU TRÈS VÉNÉRABLE THÍCH MINH TÂM. 91000 ÉVRY-COURCOURONNES

L'inauguration de la « 1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm » constitue une étape majeure dans la reconnaissance du rôle du bouddhisme dans la société française et européenne. Elle souligne aussi la force du dialogue interculturel, de la tolérance et de la paix, valeurs chères à la fois à Thích Minh Tâm et à sa succession, Thích Quảng Đạo. Une célébration qui rappelle que la foi et la solidarité peuvent bâtir des ponts solides entre les communautés.

Nguyễn Đình Nhân

Chương Trình Sinh Hoạt tại Chùa Khánh Anh Evry

- Thứ bảy 25/4 (9h-17h30) : Huân Tu Tịnh Độ - Lễ Vía Tôn Giả Ca Diếp
- Thứ bảy 2/5 (20h) : Lễ Vía Phật Chuẩn Đề
- Thứ sáu-thứ bảy 8-9/5 (20h) : Truyền Giới Bát Quan Trại - Lễ Vía Phật Chuẩn Đề và HT T. Hạnh Tâm thuyết giảng
- Chủ nhật 10/5/26 (11h) : Cầu Siêu hàng tuần, (14h) Thượng Tọa Thích Hạnh Tâm thuyết giảng
- Thứ tư 20/5 (20h) : Lễ Vía Bồ Tát Văn Thù
- Thứ bảy 23/5 (9h-17h30) : Huân Tu Tịnh Độ - Lễ Vía Bồ Tát Văn Thù
- Chủ nhật 31/5 (Đầu 4 BN) (10h30) : Ngày Rằm tháng Tư Đại Lễ Phật Đản 2670
- Thứ hai 1/6 Chư Tăng Ni An Cư Kiết Hạ trong 3 tháng
- Thứ sáu-bảy-chủ nhật 5-6-7/6 : Quý Thầy từ Tu Viện Gyurmed giảng Hạnh nguyện đức Quan Thế Âm và cúng nhạc pháp khi Tây Tạng
- Chủ nhật 7/6 (10h30) : Đại Lễ Phật Đản 2670, HT Tánh Thiết, Chư Tôn Đức Âu Châu... - 13h cúng dường Văn nghệ
- Thứ hai 8/6 (20h) : Lễ Vía Bồ Tát Phổ Hiền thành đạo
- Thứ sáu-bảy 12-13/6 (20h) : Truyền Giới Bát Quan Trại - Lễ Vía Đức Phật Dược Sư dân sinh
- Thứ bảy 27/6 (9h-17h30) : Huân Tu Tịnh Độ, Lễ Vía Già Lam Thánh Chúng
- Thứ sáu-bảy 10-11/7 (20h) : Truyền Giới Bát Quan Trại do HT T. Thông Trí thuyết giảng
- Chủ nhật 12/7 (10h30) : Cầu Siêu hàng tuần, (14h) do HT T. Thông Trí thuyết giảng
- Thứ năm 16/7 (20h) : Lễ Vía Đức Hộ Pháp
- Thứ hai 20/7 - thứ năm 30/7/26 : Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu Kỳ thứ 37 tại Marseille - Pháp Quốc
- Thứ bảy 1/8 (20h) : Lễ Vía Bồ Tát Quán Thế Âm thành đạo
- Chủ nhật 9/8 (13h) : Cầu Siêu hàng tuần, (15h) Khai Kinh Vu Lan, đọc danh sách Hồn cô yếu cầu, Mông Sơn thí thực (từ chiều thứ hai 10/8 đến chủ nhật 30/8/26 tụng Hoàn Kinh Vu Lan)
- Chủ nhật 16/8/26 (11h) : Đại Lễ Vu Lan 2670, HT Tánh Thiết, Chư Tôn Đức, đọc danh sách Hồn - 13h : Văn nghệ (đọc danh sách có phước cầu siêu gửi về) (chưa thiết đãi cơm quý Phật tử)



Chư Tăng Ni Giáo Hội PGVNTN Âu Châu, Quý Quan Khách Chánh Quyền và Phật Tử về Đại Tự Khánh Anh chung vui ngày lễ Cất Bàng Khánh Thành 1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm.

THE EVRY CATHEDRAL AND THE KHANH ANH PAGODA TWO ARCHITECTURAL AND SPIRITUAL SYMBOLS EVRY CELEBRATES THE HERITAGE OF THE VENERABLE THÍCH MINH TÂM WITH THE INAUGURATION OF A STREET NAMED IN HIS HONOR

During a ceremony imbued with symbolism and spirituality, on February 7, 2026, the city of Evry-Courcouronnes officially inaugurated a new street named Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm in honor of the founder of Europe's largest pagoda, the Khanh Anh Pagoda. This event marks an important milestone in recognizing the significant role of Buddhism in the region's intercultural and religious dynamics.

A PARALLEL BETWEEN TWO ARCHITECTURAL AND SPIRITUAL SYMBOLS

The Evry Cathedral, a unique masterpiece in France designed by Bishop Herbulot, is the only cathedral built in France in a modern and innovative style. The Khanh Anh Pagoda, located in the Parc aux Lièvres neighborhood, has become a vibrant symbol of Buddhist presence in Europe for over thirty years.

Although these two monuments differ in architecture and faith, they embody the history of the city : *A place of faith, dialogue, and openness.*

THE THICH MINH TAM STREET: A TRIBUTE TO AN ICONIC FIGURE AN ORCHESTRATED TRIBUTE BY A DEVOTED DISCIPLE

Venerable Thích Quảng Đạo, a central figure in preserving and transmitting Thích Minh Tâm's legacy, played a decisive role in this initiative. Recognized for his efforts in fostering intercultural dialogue, he received the Senate Medal of Honor in 2024, followed by an accolade from Parliament in 2025, recognizing

his humanitarian and social actions. Since arriving in France in 1981, he has worked tirelessly for peace, cohesion, and solidarity, embodying the spirit of his master whom he succeeded in transmitting.

A PLACE OF ENCOUNTER AND INTERCULTURAL DIALOGUE

Located in a wooded setting on a hill overlooking the Seine Valley, the Khanh Anh Pagoda has become a space for Exchange among different religious and cultural traditions. Its founder, Thích Minh Tâm, dedicated his life to promoting peace, religious freedom, and intercultural dialogue both abroad and in Europe. The new street thus carries a powerful message: *A recognition of a spiritual and humanitarian legacy embedded in Evry's urban fabric.*

A LASTING HERITAGE FOR THE CITY

The choice to name this street after Thích Minh Tâm reflects the municipality's desire to ensure the enduring impact of this religious leader. The pagoda, inaugurated in 1995 with the presence of the Dalai Lama in 2008, continues to serve as a space for dialogue and openness, embodying the pacifist and fraternal vision of the master who passed away in 2013 in Finland.

NEW ADDRESS : LA PAGODE KHANH ANH, 1 RUE DU TRÈS VÉNÉRABLE THÍCH MINH TÂM

The inauguration of the « 1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm » represents a significant step in recognizing the role of Buddhism

within French and European society. It also highlights the strength of intercultural dialogue, tolerance, and peace-values cherished by Thích Minh Tâm and his successor, Thích Quảng Đạo. A celebration that reminds us that faith and solidarity can build strong bridges between communities.

Nguyễn Đình Nhân

2026 Pagode KHANH ANH ANNÉE DE L'AMOUR ET DE LA COMPASSION POUR LA PAIX DANS LE MONDE



Le vendredi 5 et samedi 6 juin 2026

- Enseignement du Vénérable Geshe Ngrampa Damcham Yarpher.

De 14h à 15h30, - questions - réponses de 15h30 à 16h.



Dimanche 7 juin 2026

- Chants et musiques tantriques sacrés par les moines de Gyurmed.

De 13h à 13h30, dans la salle polyvalente, en dessous de la salle de prière.

Réalisation du Bouddha de la compassion, fabrication de tormas et tcheupa, calligraphie tibétaine de mantras de la compassion, l'amour et de la paix.

1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm
91000 Evry-Courcouronnes, France.

RER D - Gare Bras de Fer.

Tél : +33164935556 - +33770073399.



Chư Tăng Ni GHPGVN TN Âu Châu, quý Quan Khách Chánh Quyền, bà con vùng Evry và Phật tử về Đại tự Khánh Anh tham dự lễ cắt băng khánh thành 1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm.

DIE KATHEDRALE VON ÉVRY UND DIE KHANH ANH PAGODE ZWEI ARCHITEKTONISCHE UND SPIRITUELLE SYMBOLE ÉVRY EHRT DAS ERBE DES EHRWÜRDIGEN THICH MINH TAM MIT DER EINWEIHUNG EINER STRASSE ZU SEINEN EHREN

Bei einer Zeremonie voller Symbolik und Spiritualität am 7. Februar 2026, hat die Stadt Evry-Courcouronnes offiziell eine neue Straße mit dem Namen "Rue du Très Vénérable Thich Minh Tâm" eröffnet, zu Ehren des Gründers der größten Pagode Europas, der Pagode Khánh Anh.

Dieses Ereignis markiert einen wichtigen Meilenstein in der Anerkennung der bedeutenden Rolle des Buddhismus im interkulturellen und religiösen Austausch der Region.

Ein Vergleich zwischen zwei architektonischen und spirituellen Symbolen Die Kathedrale von Evry, ein einzigartiges Werk in Frankreich, entworfen von Monsignore Herbulot, die einzige Kathedrale in Frankreich, die im modernen und innovativen Stil gebaut wurde.

Die Pagode Khánh Anh, gelegen im Stadtteil Parc aux Lièvres, ist seit über dreißig Jahren ein lebendiges Symbol für die Präsenz des Buddhismus in Europa.

Obwohl sich diese beiden Bauwerke in ihrer Architektur und ihrem Glauben unterscheiden, verkörpern sie die Geschichte der Stadt : *einen Ort des Glaubens, des Dialogs und der Offenheit.*

DIE STRASSE THICH MINH TAM EINE EHRUNG EINER BEDEUTENDEN PERSÖNLICHKEIT

Im Gemeinderat von Évry-Courcouronnes im Dezember 2025 beschlossen, trägt die " *Rue du Très Vénérable Thich Minh Tâm* " nun den Namen eines geistigen Erbes. Vier Tafeln säumen diese lange Straße, die an der Pagode vorbeiführt, und symbolisieren das Andenken an diesen großen Mann, dessen Engagement den Bau dieser bedeutenden religiösen Institution ermöglichte. Die Entscheidung wurde von der Gemeinde und insbesondere vom Ehrwürdigen Thich Quảng Đạo getragen, einem Schüler und spirituellen Erben von Thich Minh Tâm, der die Stadt davon überzeugen konnte, diese Anerkennung seinem Meister zu widmen.

EINE EHRUNG DURCH EINEN ENGAGIERTEN SCHÜLER

Der Ehrwürdige Thich Quảng Đạo, eine zentrale Figur in der Bewahrung und Weitergabe des Erbes von Thich Minh Tâm, spielte eine entscheidende Rolle bei dieser Initiative. Bekannt für seine Bemühungen um interkulturellen Dialog, erhielt er 2024 die Medaille der Ehren des Sénats und 2025 eine Auszeichnung des Parlaments als



Phát biểu chúc mừng của Ông Stéphane Beaudet Thị Trưởng thành phố Évry-Courcouronnes trong lễ cắt băng khánh thành "1 Rue du Très Vénérable Thich Minh Tâm - Đại Tự Khánh Anh."

Anerkennung für seine humanitären und sozialen Tätigkeiten. Seit seiner Ankunft in Frankreich im Jahr 1981 arbeitet er für Frieden, Zusammenhalt und Solidarität und verkörpert den Geist seines Meisters, den er weitergegeben hat.

EIN ORT DES TREFFENS UND DES INTERKULTURELLEN DIALOGS

Die Pagode Khánh Anh, gelegen in einer bewaldeten Umgebung auf einem Hügel mit Blick auf das Seine-Tal, ist zu einem Ort des Austauschs zwischen verschiedenen religiösen und kulturellen Traditionen geworden. Ihr Gründer, Thich Minh Tâm, widmete sein Leben der Förderung von Frieden, Religionsfreiheit und interkulturellem Dialog, sowohl im Ausland als auch in Europa. Die neue Straße sendet eine starke Botschaft: die Anerkennung eines spirituellen und humanitären Erbes, das im urbanen Gefüge von Evry verankert ist.

EIN NACHHALTIGES ERBE FÜR DIE STADT

Die Wahl, die Straße nach Thich Minh Tâm zu benennen, zeugt vom Willen der Gemeinde, den Einfluss dieses religiösen Führers langfristig zu bewahren. Die Pagode, die 1995 mit der Anwesenheit des Dalai Lama eröffnet wurde, bleibt ein Ort des Dialogs und der Offenheit und verkörpert die pazifistische und brüderliche Vision des verstorbenen Meisters im Jahr 2013 in Finnland.

DIE ADRESSE DER PAGODE IST NUN : 1 RUE DU TRÈS VÉNÉRABLE THICH MINH TÂM

Die Einweihung der " *1 Rue du Très Vénérable Thich Minh Tâm* " ist ein bedeutender Meilenstein in der Anerkennung der Rolle des Buddhismus in der französischen und europäischen Gesellschaft. Sie unterstreicht auch die Kraft des interkulturellen Dialogs, der Toleranz und des Friedens - Werte, die sowohl Thich Minh Tâm als auch sein Nachfolger Thich Quảng Đạo hochhalten. Eine Feier, die daran erinnert, dass Glaube und Solidarität Brücken zwischen den Gemeinschaften bauen können.

Margaretha Grieder - Nguyễn Đình Nhân

Du Già Bồ Tát Giới

"Tôi do người khác gây ra cho ta, không những ta có thể tha mà còn phải tha. Tôi xúc phạm đến người khác cũng nên tha, vì người được tha mới có cơ hội sửa mình. Phật giáo tin rằng bất cứ người nào, dù là kẻ sát nhân, cũng có Phật tính, như vàng nằm trong quặng, lọc quặng thì vàng lộ ra. Phật giáo cũng chủ trương không nên lấy oán trả oán : Oán đó sẽ tồn tại chập chờn. Tuy nhiên, dù được tha tội, nghiệp đã tạo ra thì người kia phải trả, không có cách nào thoát được. Bởi vậy, một người chân thành hối lỗi thì không cần xin tha tội nữa : Chỉ cần người ấy chỉ thành sửa mình, tạo phước lớn hơn, hoặc ít ra cũng bằng tội đã phạm."

Đối với người phạm tội, xã hội có thể trừng phạt, nhưng trừng phạt không phải là trả thù. Trừng phạt là cố để tránh, không cho người phạm tội làm hại nữa, còn trả thù là nuôi hận dưới danh nghĩa công lý. Tha tội không phải là miễn cho cái tội mà là từ bỏ đối kháng trả thù, bởi vì nuôi thù thì phá hoại chính sự bình an tinh thần của mình và của mọi người chung quanh."

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ

RUE DU TRÈS VÉNÉRABLE THÍCH MINH TÂM - DI SẢN PHẬT GIÁO VIỆT NAM GIỮA TRỜI TÂY

Con đường mang tên Trưởng Lão Hòa thượng Thích Minh Tâm là niềm tự hào của Phật giáo Việt Nam.

Trong lịch sử hình thành và phát triển của các cộng đồng tôn giáo ở hải ngoại, hiếm có sự kiện nào mang tính biểu tượng sâu sắc như việc một chính quyền thể tục Tây Phương đặt tên đường mang tên của một bậc tu hành.

Sau sự kiện đặt tên đường “Thích Nhất Hạnh Way” ở New York vào tháng 4 năm 2025, giờ tiếp nối đến sự kiện thành phố Evry-Courcouronnes, ngoại ô Paris, nước Pháp, quyết định đặt tên một đoạn đường cạnh Đại Tự Khánh Anh là *Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm - Đường Hòa Thượng Thích Minh Tâm*. Đây không chỉ là một sự kiện mang tính hành chánh thông thường, mà còn việc xác lập một giá trị : *Giá trị của đạo đức, của phụng sự và trí tuệ Phật giáo đã được xã hội Tây phương nhìn nhận như một phần di sản văn hóa chung của cả nhân loại.*

Từ Một Nghị Quyết Chính Quyền Địa Phương Đến Ý Nghĩa Lịch Sử

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, Hội đồng thành phố Evry-Courcouronnes chính thức thông qua nghị quyết đặt tên đoạn đường thuộc phố François Mauriac, nằm tiếp giáp khuôn viên Đại Tự Khánh Anh, mang tên một Tu sĩ Phật Giáo Việt Nam : *Trưởng Lão Hòa thượng Thích Minh Tâm (1940-2013). Đối với Cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại Pháp và Âu châu, đây là một thời khắc có ý nghĩa lịch sử : Lần đầu tiên, tên của một vị cao Tăng Việt Nam được ghi dấu chính thức trong không gian công cộng tại một đô thị Cộng Hòa Pháp, chỉ năm cách biểu tượng tháp Eiffel của thủ đô Paris khoảng 40 cây số.*

Ngày chủ nhật 14.12.2025, Ông Michel Bonnafous, đại diện Chính quyền thành phố đã đích thân đến Chùa Khánh Anh trao Quyết định ký ngày 11.12.2025 của thành phố Evry-Courcouronnes về sự kiện này. Tại ngôi Chánh điện của Đại tự Khánh Anh chư Tôn Đức đại diện Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN tại Âu Châu đã trân trọng tiếp nhận văn bản quyết định. Gồm có : *Hòa thượng Đệ Nhất Chủ Tịch Thích Tánh Thiết, Hòa thượng Đệ Nhị Chủ Tịch Thích Như Điển, Hòa thượng Thích Quảng Hiền, Hòa thượng Thích Thông Tri, cùng Thượng Tọa Thích Quảng Đạo, Trụ trì Đại Tự Khánh Anh, và chư Tôn Đức Tăng Ni, Phật tử tham dự.*

Bảng tên đường này đã được Đại diện của Tỉnh Essonne và Thành phố Evry-Courcouronnes, cũng như đồng Tăng Ni và Phật tử Việt Nam khánh thành vào thứ bảy 7.2.2026.



HT T. Tánh Thiết Đệ Nhất Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN ÁC cảm tạ Ông Thị Trưởng và Quan Chức thành phố Evry-Courcouronnes đã nghị quyết tên đường Cổ HT Thích Minh Tâm.

Sự kiện này vượt ra ngoài khuôn khổ của một buổi lễ vinh danh cá nhân. Nó chuyển chở cả một tiến trình hội nhập lâu dài của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại - một tiến trình được xây dựng không chỉ bằng những sự kiện lịch sử, mà bằng hành động bền bỉ, âm thầm và liên tục qua nhiều thập niên.

Trưởng Lão Hòa thượng Thích Minh Tâm là một trong những bậc tôn túc tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam hội ngoại trong nửa sau thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Cuộc đời tu học và hành đạo của Ngài gắn liền với vận mệnh của cộng đồng người Việt sau các biến cố lịch sử, khi hàng triệu người rời quê hương và phải tái kiến tạo đời sống tinh thần nơi xứ người.

Qua nhiều năm tu học và nghiên cứu Phật học và giảng dạy tại Việt Nam, Nhật Bản và Pháp, Hòa thượng sớm nhận ra rằng : *Sự tồn tại lâu dài của cộng đồng Việt nơi hải ngoại không thể chỉ dựa vào kỹ thuật văn hóa, mà cần có những trung tâm tâm linh vững chắc để nuôi dưỡng đạo đức và đời sống tinh thần cho các thế hệ tiếp nối. Từ nhận thức đó, Ngài đã dành trọn đời mình cho sự nghiệp hoằng pháp, đào tạo Tăng Ni và xây dựng nền móng cho Phật giáo Việt Nam tại Âu châu.*

Một Ngôi Nhà Tâm Linh Hình Thành Giữa Bối Cảnh Lịch Sử Đầy Thử Thách

Tháng 6 năm 1995, Hòa thượng Thích Minh Tâm khởi xướng công trình xây dựng Chùa Khánh Anh tại Evry trong bối cảnh còn quá nhiều giới hạn về pháp lý, tài chính và nhân lực. Sau 20 năm xây dựng ngôi Đại Tự Khánh Anh khánh thành vào 16.08.2015. Công

trình ấy không chỉ nhằm kiến tạo một không gian lễ bái, mà còn hướng đến việc hình thành một Trung tâm Văn hóa - Giáo dục - Tâm linh mang tầm vóc quốc tế.

Trải qua nhiều năm hình thành và phát triển, Đại Tự Khánh Anh đã trở thành ngôi chùa có quy mô lớn nhất châu Âu, là trung tâm sinh hoạt tôn giáo và văn hóa của cộng đồng Phật giáo Việt Nam, đồng thời là điểm gặp gỡ tâm linh của Phật tử quốc tế. Dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng, ngôi chùa đã đóng vai trò cầu nối giữa các truyền thống Phật giáo, giữa Phật giáo và xã hội đa văn hóa của nước Pháp.

Việc chính quyền thành phố Evry-Courcouronnes đặt tên đường mang tên Trưởng Lão Hòa thượng Thích Minh Tâm là một biểu hiện rõ nét cho thấy những giá trị mà Phật giáo mang lại đã được xã hội thể tục trân trọng và ghi nhận. Trong một quốc gia đề cao nguyên tắc và giá trị văn hóa thể tục như Cộng hòa Pháp, sự vinh danh này không đến từ góc nhìn tôn giáo, mà đến từ những hiệu quả của sự đóng góp cụ thể cho đời sống xã hội : *Tinh thần hòa bình, bao dung, đối thoại và phụng sự cộng đồng.*

Con đường mang tên Hòa thượng vì thế trở thành một biểu tượng : *Biểu tượng cho sự gặp gỡ hội hòa giữa đạo và đời, giữa truyền thống tâm linh Á Đông và nền văn minh phương Tây.*

Riêng đối với Phật giáo Việt Nam, sự kiện này là một niềm tự hào không chỉ mang tính cộng đồng. Nó khẳng định rằng Phật giáo Việt Nam đang hiện diện nơi xứ người không chỉ như một di sản tôn giáo của quá khứ, mà đã và đang đóng góp tích cực cho xã

hội sở tại, được nhìn nhận như một điểm son văn hóa và tâm linh, đáng trân trọng. Di sản này cần thiết cho đời sống của mọi con người trên hành tinh này, không kể màu da hay sắc tộc.

Tên tuổi của Trưởng Lão Hòa thượng Thích Minh Tâm vì thế không chỉ gắn với một ngôi chùa hay một địa danh, mà gắn với cả một thế hệ Tăng Ni đã dẫn thân xây dựng đạo pháp trong hoàn cảnh tay nạm xa quê hương, bằng trí tuệ, từ bi và tâm nguyện phụng sự không mệt mỏi.

Như Những Đợt Sóng - Lớp Sau Nổi Lớp Trước

Trong cùng dịp này, *Thượng tọa Thích Quảng Đạo*, Trụ trì Đại Tự Khánh Anh, một đệ tử của Hòa Thượng, cũng đã được Quốc hội Cộng hòa Pháp trao tặng Huy chương danh dự nhằm ghi nhận những đóng góp thiết thực của Thượng tọa cho cộng đồng trong giai đoạn đại dịch Covid-19. Sự ghi nhận ấy không chỉ mang ý nghĩa cá nhân, mà còn cho thấy tính kế thừa liên tục của một hạnh nguyện đã được khởi xướng và ươm mầm từ thế hệ đi trước.

Giữa những ngày xã hội Pháp đối diện khủng hoảng y tế chưa từng có, hình ảnh một vị tu sĩ Phật giáo dẫn thân vào công tác cứu trợ, an ủi tinh thần, hướng dẫn tang lễ cho người quá vãng đã thể hiện rõ tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Phật Giáo không đứng ngoài nỗi đau của xã hội, mà hiện diện như một vai trò hỗ trợ tinh thần có ý nghĩa đối với cộng đồng nhân loại trong giai đoạn khủng hoảng, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo.

Khi bảng tên *Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm* được gắn lên, con đường mang tên Hòa thượng Thích Minh Tâm sẽ không chỉ dẫn bước cho người qua lại, mà còn âm thầm chuyển tải một thông điệp. *Đó là thông điệp về một đời sống phụng sự không tìm cầu danh xưng, về một lý tưởng xây dựng đạo pháp gắn liền với lợi ích của xã hội. Con đường này vì thế mang ý nghĩa biểu trưng đặc biệt đối với cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại Âu châu.*

Di sản mà Trưởng Lão Hòa thượng Thích Minh Tâm để lại không dừng ở công trình kiến trúc, không chỉ ở Khánh Anh và nhiều ngôi Già Lam khác trên cả Âu Châu. Không chỉ là danh xưng hay sự vinh danh, mà nằm ở con đường tu tập hành trì Phật Pháp, phụng sự và xiển dương Bồ Tát hạnh mà Ngài đã khai mở. *Sống kiến của Ngài về các Khóa Tu Học Âu Châu hằng năm - đến cuối năm 2025 đã 36 lần - trong các Khóa Tu Học luôn có một "Đại Học Oanh Vũ", như tổ chim gieo những hạt giống đạo đức đầu đời cho các cháu thiếu nhi. Hay truyền thống "An Cư Kiết Đông" hằng năm cho Tăng Ni Phật Tử ở Âu Châu, nhằm gìn giữ huyết mạch Đạo pháp.*

Trách nhiệm của các thế hệ Tăng Ni và Phật tử chúng ta hôm nay và mai sau không chỉ dừng lại ở việc tưởng niệm, mà là tiếp bước. Tiếp bước theo bước chân Ngài bằng hành động cụ thể, bằng sự dẫn thân tinh thức và bằng tinh thần Lục độ Ba-la-mật mà Ngài đã suốt đời xây đắp và vun bồi.

Trong bối cảnh xã hội Âu châu nhiều biến động, những gì Trưởng Lão Hòa thượng Thích Minh Tâm để lại, đã được chính quyền và xã hội sở tại ghi nhận như một giá trị chung, vượt qua ranh giới tôn giáo và chủng tộc. Con đường mang tên Hòa thượng ở thành phố Evry-Courcouronnes, ngoại ô thủ đô Paris, vì thế không chỉ giới hạn trong ý nghĩa một địa danh, một bảng tên đường.

Đó chính là một lời nhắc nhở lặng lẽ nhưng đầy sức thuyết phục rằng : *Khí Chánh pháp được hành trì bằng trọn vẹn từ bi và trí tuệ, thì không bao giờ bị động khung trong bất kỳ phương xứ, biến cố nào. Ở đâu có người sống đúng Chánh pháp, ở đó tuệ đăng tỏa sáng, nhân sinh được thừa hưởng nhiều phúc lạc./*

Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn

"Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn". Người phụ nữ gốc Việt hành khất ở Paris

(tiếp theo trang 32)

việc xa nhà, thân tàn tật di chuyển khó khăn, tôi xin nghỉ việc để có thời gian lo săn sóc mẹ. Thời gian rảnh rỗi, tôi vẫn tiếp tục làm việc thiện nguyện cho Hội Chữ Thập Đỏ.

Rồi chiến tranh ở Bắc Phi, chiến tranh ở Trung-Đông liên tiếp xảy ra, tôi có dịp theo hội cứu giúp trong các trại tỵ nạn nơi xảy ra chiến cuộc. Sự tàn phá, chết chóc do chiến-tranh tạo ra gây cho tôi kiệt lực. Người ta nhân danh chiến tranh để giải phóng con người ra khỏi đói nghèo và áp-bức, nhưng sau chiến-tranh, đói nghèo và áp bức càng gia-tăng do hậu quả cuộc chiến để lại và lòng tham muốn quyền lực chiếm đoạt và sự trả thù của bên thắng cuộc đối với kẻ thua cuộc.

Cường-độ của độc-ác, bóc lột, đói nghèo gia tăng thì lòng nhân-dạo giúp đỡ nhau đi xuống. Chiến-tranh ở Việt-Nam có "Kéo" ác-độc chủ động tham dự, "Lực" bị cưỡng bách, có "Chết" là tôi, một thường dân vô-tội, thì các nạn nhân chiến-tranh ở Trung-Đông, Bắc-Phi cũng không khác. Tôi nói lòng nhân đạo đi xuống là muốn nói lòng nhân đạo tự nguyện đối với nạn-nhân của mọi biến cố xa gần, trực-tiếp hay gián-tiếp đã trở nên cần cỗi... nên một số anh chị

em trong hội tự chọn cho mình một phương cách hữu-hiệu, an toàn để tạo thêm nguồn tài-chánh cho trung ương, và tôi đã chọn là mỗi tuần tôi để ra ba buổi chiều xin tiền trong hòm xe điện ngầm.

Lúc đầu chuyện không đơn giản, vì anh chị em trong nhóm thấy quyết-định của tôi có vẻ sẽ gây bất mãn và gây dị nghị cho tổ chức, nhưng tôi đã thuyết phục được họ vì tôi làm không nhân danh hội, chỉ có tính cách cá-nhân. Những tuần lễ đầu tiên, khách qua lại trong đường hầm xe điện ngầm ném cho tôi những cái nhàu mảy tò về bọc bọ. Tôi biết, một người khuyết tật ở xứ Pháp này sẽ được xã-hội bảo bọc chu toàn nên xin ăn là điều sỉ nhục cho đất nước. Tôi để hộp xin tiền trước mặt, ngồi im, hai mắt nhắm lại. Một ngày qua đi, ba ngày trong tuần qua đi, không có một xu nào được ném vào hộp.

Qua tuần lễ thứ hai, lác đác tôi nghe có tiếng tiền kim loại được ném vào hộp... Rồi một tuần sau đó, niềm vui và tin tưởng đến với tôi. Một nhóm học trò cũ của tôi được cô thầy giáo hướng dẫn du hành nghiên cứu thực tế bên ngoài xã-hội để áp-dụng cho một chương trình học trong lớp đi ngang qua chỗ tôi ngồi xin. Có lẽ do sự giải thích của cô thầy giáo đồng nghiệp cũ của tôi về việc làm của tôi nên các em vây quanh tôi vỗ tay reo hò, nhiều em bỏ tiền vào hộp. Có em giải thích việc làm của tôi với khách qua lại dừng chân vì hiếu kỳ, họ cũng bỏ tiền vào hộp. Hôm đó, lần đầu tiên trong những ngày bắt đầu xin tiền, tôi nhận được khá nhiều tiền, lòng thật vui, đầy phấn khởi. Cũng có lẽ sau ngày hôm đó, những cái nhìn của khách qua lại ném cho tôi nhiều thiện cảm hơn, có khách dừng chân, nhẹ nhàng bỏ những tờ giấy bạc hay những đồng tiền bằng kim loại vào hộp, không quên kèm thêm một nụ cười. Hạnh-phúc nhất đến với tôi là sau một năm thực-hiện việc xin tiền, đài truyền hình France 3 đưa tin-tức công việc của tôi cho mọi người biết. Có một câu hỏi mà câu trả lời tôi thích nhất từ đó cho tới nay.

Người ta hỏi :

- Bà là người Pháp, gốc Việt-Nam, có phải việc làm của bà nhằm mục-đích có tiền góp cho hội Chữ-Thập-Đỏ dành riêng giúp cho những nhu cầu cần-thiết hàn gắp những vết thương do thiên tai tạo ra bên Việt-Nam ?

- Thưa không phải là như vậy. Việc tôi làm là để đóng góp tài chánh cho hội Chữ-Thập-Đỏ. Sự đóng góp của tôi không bằng một hạt cát trong đại dương mênh-mông. Việc phân phối giúp đỡ theo nhu cầu ở một nơi nào đó là do Hội nghiên-cứu và quyết-định. Hội Chữ-Thập-Đỏ làm việc cho toàn thế-giới, không riêng cho một nước nào. Ngay tại nước Pháp của chúng ta, cũng có những lúc, có những nơi cần có sự góp sức của hội Chữ-Thập-Đỏ.

Tôi nháp cạn phần còn lại của tách cà-phê, lòng cảm thấy nhói vì câu chuyện.

Nguyễn Đại Thuật

RUE DU TRÈS VÉNÉRABLE THÍCH MINH TÂM - L'HÉRITAGE BOUDDHIQUE VIETNAMIEN EN OCCIDENT

La rue portant le nom du Très Vénérable Thích Minh Tâm est une fierté pour le Bouddhisme vietnamien.

Dans l'histoire de la formation et du développement des communautés religieuses à l'étranger, peu d'événements ont été aussi profondément symboliques que le fait qu'un gouvernement laïc occidental donne à une rue le nom d'une figure religieuse.

Suite à la dénomination de la rue "Thích Nhất Hạnh Way" à New York au mois d'avril 2025 ; c'est autour de la ville Evry-Courcouronnes, une banlieue de la France, de décider de nommer une portion de rue près de la Grande Pagode Khánh Anh *Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm*. Il ne s'agit pas simplement d'une formalité administrative ordinaire, mais une reconnaissance des principales valeurs du Bouddhisme : la moralité, le service et la sagesse sont reconnues par les sociétés occidentales comme faisant partie du patrimoine culturel commun à toute l'Humanité.

De la décision d'une collectivité locale à une signification historique

Le 11 décembre 2025, le conseil municipal d'Evry-Courcouronnes a officiellement approuvé le nommage d'une portion de la Rue François Mauriac, adjacente à la Grande Pagode Khánh Anh, d'après le nom d'un Moine bouddhiste vietnamien : *Le Très Vénérable Thích Minh Tâm (1940-2013). Pour la communauté bouddhiste vietnamienne en France et en Europe, c'est un moment historiquement significatif : Pour la première fois, le nom d'un éminent Moine bouddhiste vietnamien a été officiellement inscrit dans un espace public d'une ville de la République française, située à une quarantaine de kilomètres de l'emblématique tour Eiffel à Paris.*

Le dimanche 14.12.2025, M. Michel Bonnafous, représentant de la municipalité, s'est rendu en personne à la pagode Khánh Anh pour remettre la décision signée le 11 décembre 2025 par la ville d'Evry-Courcouronnes. Dans la salle principale de la pagode Khánh Anh, les Vénérables représentant le Conseil exécutif de la Congrégation Bouddhique Vietnamienne en Europe, ont reçu solennellement le document. Les personnes présentes sont : *Le Très Vénérable Premier Président HT Thích Tấn Thiệt, le Très Vénérable Deuxième Président HT Thích Như Điền; les Très Vénérables HT Thích Quảng Hiên et HT Thích Thông Trí ; le Vénérable TT Thích Quảng Đạo, Abbé de la Grande Pagode Khánh Anh ; et les Vénérables Moines et Nonnes du Sangha ainsi que de nombreux amis et fidèles bouddhistes.*



Thượng Tọa Thích Quảng Đạo, trụ trì Đại Tự Khánh Anh Evry-Courcouronnes có đôi lời niệm ân Hòa Thượng Đệ Nhất Chủ tịch, chư Tăng Ni GHPGVN TN Âu Châu, Ông Thị Trưởng Evry-Courcouronnes và quý quan khách tham dự lễ đặt tên đường Cô Hoà Thượng Thích Minh Tâm.

La "Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm" a été inaugurée le samedi 7 février 2026 en présence de représentants du département d'Essonne et de la Ville d'Evry-Courcouronnes, ainsi que de nombreux Moines et Nonnes, et de laïcs bouddhistes vietnamiens.

Cet événement dépasse le cadre d'une simple cérémonie d'hommage. Il symbolise un long processus d'intégration du Bouddhisme vietnamien à l'étranger – un processus qui s'appuie non seulement sur des événements historiques, mais aussi sur des actions discrètes, constantes et menées avec persévérance depuis des décennies.

Le Très Vénérable Thích Minh Tâm est une des figures les plus importantes et les plus respectées du Bouddhisme vietnamien à l'étranger, de la seconde moitié du XXe siècle jusqu'au début du XXIe siècle. Sa vie, consacrée à l'étude et à la pratique du Dharma, est étroitement liée au destin de la communauté vietnamienne après les événements historiques, lorsque des millions de personnes ont quitté leur patrie et ont dû reconstruire leur vie spirituelle en terre étrangère.

Les nombreuses années d'étude et de recherche sur le Bouddhisme, et l'enseignement dispensé au Vietnam, au Japon et en France, ont permis au Très Vénérable de se rendre compte rapidement que : *La pérennité de la communauté vietnamienne à l'étranger ne peut reposer uniquement sur la mémoire culturelle ; elle exige des centres spirituels solides pour cultiver la moralité et la vie spirituelle des générations futures. C'est pourquoi il a*

consacré sa vie entière à la diffusion du Bouddhisme, à la formation de Moines et de Nonnes, et à l'établissement des fondements du Bouddhisme vietnamien en Europe.

Un centre spirituel édifié dans un contexte historique plein de défis

En juin 1995, le Très Vénérable Thích Minh Tâm a lancé la construction de la pagode Khánh Anh à Evry, malgré d'importantes contraintes juridiques, financières et humaines. Vingt ans plus tard, la magnifique Grande Pagode Khánh Anh a été inaugurée le 16 août 2015. Ce projet vise non seulement à créer un espace de culte, mais aussi à établir un centre culturel, éducatif et spirituel de renommée internationale.

Au fil des années, la Grande Pagode Khánh Anh est devenue la plus grande pagode bouddhique d'Europe, un centre d'activité de culte et culturel pour la communauté bouddhiste vietnamienne et un lieu de rencontre spirituelle pour les bouddhistes du monde entier. Sous l'égide du Très Vénérable, la pagode a joué un rôle de médiateur unissant les différentes traditions du Bouddhisme, et entre le Bouddhisme et la société multiculturelle française.

Le fait que la municipalité d'Evry-Courcouronnes ait baptisé une rue au nom du Très Vénérable Thích Minh Tâm témoigne de la reconnaissance et de l'appréciation des valeurs du Bouddhisme par la société laïque. Dans un pays comme la République française, qui attache une grande importance au principe de laïcité et aux valeurs culturelles, cet honneur ne relève pas d'un point de vue de religion, mais bien de l'efficacité d'une contribution concrète du

Bouddhisme à la vie sociale des citoyens : *Un esprit de paix, de tolérance, de dialogue et de service à la communauté.*

La rue portant le nom du Très Vénérable devient ainsi un symbole : *Symbole de la rencontre harmonieuse entre la vie spirituelle et vie sociale, entre les traditions spirituelles de l'Asie orientale et la civilisation occidentale.*

Cet événement est une source de fierté, pour le Bouddhisme vietnamien en particulier et pour la communauté vietnamienne en général. Il affirme que le Bouddhisme vietnamien, présent à l'étranger, n'est pas un simple héritage religieux du passé, mais qu'il a contribué et continue de contribuer positivement à la société locale, et qu'il est reconnu comme un précieux atout culturel et spirituel. Cet héritage est essentiel à la vie de tous les êtres humains sur cette Terre, sans distinction de couleur de peau ou d'origine ethnique.

Par conséquent, le nom du Très Vénérable Thích Minh Tâm n'est pas seulement associé à une pagode ou à un lieu, mais à toute une génération de Moines et de Nonnes qui consacrent toute leur vie à l'étude et à la pratique du Dharma dans le contexte de l'exil, loin de leur patrie, avec sagesse et compassion, et d'un engagement indéfectible au service de tous les êtres sensibles.

Comme les vagues qui se succèdent - La relève est assurée

À cette même occasion, le Vénérable TT Thích Quảng Đạo, Abbé de la Grande Pagode Khánh Anh et disciple du Très Vénérable, a également reçu une médaille d'honneur de l'Assemblée nationale française en reconnaissance de son action concrète auprès de la communauté durant la pandémie de Covid-19. Cette distinction revêt une importance particulière à titre personnel et témoigne de la perpétuation d'un vœu initié et nourri par les générations précédentes.

Face à la crise sanitaire sans précédent qui a frappé la société française, l'image d'un Moine bouddhiste se consacrant aux secours, offrant réconfort et accompagnant les défunts lors des funérailles a particulièrement illustré l'engagement du Bouddhisme vietnamien. Loin de rester indifférent à la souffrance collective, le Bouddhisme a joué un rôle essentiel en apportant un soutien spirituel à l'Humanité durant cette crise, sans distinction de race ni de religion.

Lorsque la plaque indiquant *Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm* sera installée, la rue portant le nom du Très Vénérable Thích Minh Tâm guidera non seulement les passants, mais transmettra aussi silencieusement un message. *Il s'agit*

d'un message prônant une vie de service désintéressé, un idéal d'accomplissement des œuvres du Dharma étroitement lié aux intérêts de la société. Cette rue a donc une signification symbolique particulière pour la communauté bouddhiste vietnamienne en Europe.

L'héritage que laisse le Très Vénérable Thích Minh Tâm dépasse largement le cadre architectural et ne se limite pas à Khánh Anh ni à de nombreux autres Monastères et Pagodes en Europe. Cela ne fait pas seulement référence à un titre ou un honneur, mais aussi à la voie de pratique du Bouddhisme - aux services de tous les êtres sensibles en honorant les vertus des Bodhisattva - que le Très Vénérable a établie. *Initié par le Très Vénérable, le Séminaire annuel d'étude et de pratique du Dharma en Europe - le 36e a eu lieu en 2025 - comprend systématiquement une « Université des Loriots » où les premières graines de la moralité sont semées pour les jeunes enfants. De même, la traditionnelle « Retraite d'hiver » - rassemblant tous les ans des Moines et des Nonnes, et des laïcs bouddhistes d'Europe - vise à préserver l'essence même du Dharma.*

La responsabilité des générations de Moines et de Nonnes, et de laïcs bouddhistes, aujourd'hui et demain, ne se limite pas à la commémoration, mais consiste à perpétuer l'héritage du Très Vénérable, à suivre ses traces par des actions concrètes, avec un engagement consciencieux et un esprit des Six Paramitas tels qu'il a cultivées et enrichies tout au long de sa vie.

Dans un contexte européen très fluctuant, l'héritage laissé par le Très Vénérable est reconnu par les autorités locales et la société comme une valeur partagée, transcendait les clivages religieux et raciaux. La rue qui porte son nom à Evry-Courcouronnes, en banlieue parisienne, dépasse ainsi le simple cadre d'un nom de lieu ou d'un panneau de signalisation.

C'est un rappel discret mais puissant que : *Lorsque le Dharma est pratiqué pleinement avec compassion et sagesse, aucun lieu ni aucune frontière ne peut le contenir. Partout où les gens vivent selon le Dharma juste, la lumière de la sagesse illumine intensément et tous les êtres humains sont comblés de nombreuses et d'abondantes bénédictions.*

Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn

Cùng đường Lễ Thanh Minh 2025

Pt Phạm t.Quỳnh Trang 20, Pt Pt Lương Minh Phát 20, Pt Pt Mouliot Daniel 200, Pt Hoàng Thế Bồi Bernard 100, Pt Trinh t.Thanh 40, Pt Ng.Thieu Giang Kenji 20, Pt Francois Giao 100, Pt Ng t.Thuon 100, Pt Decoux Như Thái 20, Pt Chan Tha Vong Lek 50, Pt Ng.Hieu Tri 50, Pt Pages Bopha 50, Pt Vương t.Thu v.50, Pt Dufraisse t.Thanh Hong 25, Pt Duong Nguyen Khanh 100, Pt Cao Trieu Phong 100, Pt Hua Helene 50, Pt Ng Tan Kiet 200, Pt Dang Quoc Tien 20, Pt Mahari Batcha Juliette 100, Pt Hue v.Linh 50, Pt Dieu Anh 150, Pt Huynh Thu Anh 20, Pt Trouillet Marie 50, Pt Grenet Tran Thuc Lien 100, Pt Lê t.Mỹ 75, Pt Lê Hue Huong 20, Pt Ly v.Manh 100, Pt Bùi

t.Như Tuyết 100, Pt Trương Minh Cuong 30, Pt Ng t.On 30, Pt Abdoul Hamid 60, Pt Phạm t.Thuy 100, Pt Diép Ngoc Yen 60, Pt Huynh Tuyet Trinh 20, Pt Huynh v.Loc 50, Pt Ng t.Ngoc Nhung 50, Pt Diaga Radjou Marie 30, Pt Đinh Patricia 50, Pt Dupuis t.Thu Anh 100, Pt Tran t.Thanh My 30, Pt Do t.Thu Thuy 100, Pt Cao v.Nghia 100, Pt Phạm t.Hoa 50, Pt Tran t.Thanh Thuy 50, Pt Virasth Hà Ngoc Oanh 50, Pt Pierre Cornet 230, Pt Ng t.Kim Loan 25, Pt Ng v.Nhiều 50, Pt Fontaine Joan Martine 20, Pt Lư Kiên Sanh 30, Pt Trần Bình 50, Pt Đặng t.Mỹ Hoa 200, Pt Sơn t.Chin 100, Pt Bùi t.Quý 30, Pt Phan Ng Yen Loan 50, Pt Huỳnh Ngoc Trung 20, Pt Ng Alice 40, Pt Hồ t.Vân Anh 30, Pt Semon Phuong Thao 50, Pt Võ t.Saophia 30, Pt Lê Thierry 100, Pt Ng t.Phúc 50, Pt Ng t.Ngà 100, Pt Lê Hoàng Lộc 10, Pt Châu t.Lý 40, Pt Sambeth 50, Pt La Ngoc Lien 50, Pt My Anh Soret 20, Pt Ng Kim Cương 50, Pt Lê Xuan Stephanie 50, Pt Tran Thanh Thuy 20, Pt Ng v.Tuan 100, Pt Hoan Intrala 100, Pt Thanh Tam 100, Pt Ng Thanh Tai 50, Pt Vũ t.Thái 30, Pt Ng t.Cap 100, Pt Cosson Didier 50, Pt Vo Mylene 30, Pt Ng Ngoc Tri 20, Pt Trần t.Thu Hằng 20, Pt Ng v.Cường 20, Pt Ng t.Phương Mai 10, Pt Trần t.Hong 20, Pt Tiang Hong 50, Pt Giang Quốc Tiến 50, Pt Cols Patrick Hùng 20, Pt Vương t.Huy Hoàng 30, Pt Hồ t.Vân Anh 30, Pt Duong Huyen Lan Denise 100, Pt Hoa Deunette 20, Pt Ng Bùi Lise 50, Pt Ng t.Phương Anh 20, Pt Đậu t.Hà Trang 5, Pt Richat Báo Thái 20, Pt Trang Tran Kien 20, Pt Ng Thanh Phương 40, Pt Phạm t.Hoa 20, Pt Kim Nguon 40, Pt Laverd Francois 20, Pt Tran Vu 20, Pt Lê t.Hương Trà 50, Pt Ng t.Thien Nga 50, Pt Ng Hồng Phước 30, Pt Vo Ding 20, Pt Ng t.Mỹ Nga 100, Pt Chan Tha La 20, Pt Đỗ t.Thu Thuy 20, Pt Phan Ng Yen Loan 50, Pt Luong Veronique 100, Pt Lê t.Đinh 30, Pt Bùi t.Cẩm Châu 20, Pt Trần t.Huyen Trinh 20, Pt Đặng Daniel 30, Pt Đào t.Ngoc Lan 40, Pt Davions Galielle Thu Tâm 100, Pt Ng Ngoc Thanh Hà 20, Pt Lưu Hữu Long 30, Pt Ng v.Lộc 20, Pt Phạm Tấn Lộc 30, Pt Ravat 10, Pt Cao t.Hoàng Mai 10, Pt Vương Mỹ Thời 30, Pt Hồ Mộng Dăng 10, Pt Ng Lê Thanh Tú 10, Pt Fattouma Nisha 50, Pt Đào t.Liên 20, Pt Ng t.Thu Thuy 20, Pt Trần Isabelle 100, Pt Ng t.Bich Loan 50, Pt Bùi Ng Minh Khang 50, Pt Trương t.Thanh Thao 50, Pt Lưu Huu Long 20, Pt Ng Khánh Chúc 50, Pt Kim Christine 50, Pt Lê Xuan 50, Pt Ly t.Hồng Hoa 20, Pt Phạm Xuan Toan 100, Pt Phạm Xuan Dung Anais 120, Pt Lâm Xuân Hương 100, Pt Phomoliansy 50, Pt Ng t.Kim Phước 20, Pt Lê t.Kim Phương 30, Pt Chu Kim Yên Jacqueline 50, Pt Ng Trúc Quỳnh 20, Pt Koun Ngo Amelie 20, Pt Ng t.Đieu Thuy 20, Pt Hà Ng t.Thanh Tâm 20, Pt Ton Thanh Tuong Vi 10, Pt Trương t.Lê Nhung 100, Pt Ng t.Ngoc Hanh 50, Pt Ng Anh Tuan 20, Pt Phạm Duc Hieu 25, Pt Đoàn Trần Nghi 20, Pt Tran Ngoc Lay 100, Pt Trần Hoàng Nam 50, Pt Phan t.Lê Thuy 50, Pt Phạm t.Nhung 50, Pt Nagaretinane 350, Pt Vo Dinh t.Lang 100, Pt Ng t.Ngoc Cuc 100, Pt Hoàng t.Kim Ngân 50, Pt Phạm t.Ngoc Dung 50, Pt Covindassamy Venou 50, Pt Huỳnh Ngoc Thuy Therese 60, Pt Trương Thanh Phuong 100, Pt Dam t.Anh Tuyet 20, Pt Reynold Mercelle 78, Pt Ly Hoa Lien 50, Pt Ng t.Hoàng Liên 20, Pt Ng t.Bich Ngoc 30, Pt Trần Thanh Phong 50, Pt Davison Galielle Thu Tam 100, Pt Phạm t.Ngoc Anh 20, Pt Hoàng Phương hai 20, Pt Phạm t.Hoa 50, Pt Dương Công Hào 100, Pt Ng t.Hoa 30, Pt Lục Sỹ Tú 50, Pt Lê Hong Duc 20, Pt Phạm Dang Kim Phuong 30, Pt Phung Tran t.Thanh Huong 100, Pt Phạm thu Nguyen 50, Pt Lưu t.Bich Phuong 100, Pt Ng t.Thu Lan 50, Pt Kev Michelle 50, Pt Tran Ngoc David 50, Pt Lê t.Ut 50, Pt Trần Thuy Julie 20, Pt Võ t.Duy Hoàng 20, Pt Ly v.Manh Mỹ 50, Pt Ng Thu Cúc 20, Pt Ng v.Duc 20, Pt Cohem Izma Ngoc 50, Pt Luong Dang t.Hiep 50, Pt Lê t.Dung 30, Pt Ng t.Lan 50, Pt Phạm Đăng Kim Liên 20, Pt Sam t.Ba Nho 100, Pt Tran Trung Huan 30, Pt Ng v.Phù Bernard 50, Pt Ng Hong Kim Lien 100, Pt Trần Sơn Hùng 100, Pt Lê t.Hồng Diép 50, Pt Hồ Kim Chi 100, Pt Ng Malliga 150, Pt Ng Rosalie 100, Pt Ng t.Bích Phương 40, Pt Ng Kim Chu 25, Pt Mariette Rita 60, Pt Ng t.Cúc 50, Pt Ng t.Bích 25, Pt Phan Đình Gialice 100, Pt Hồ Đào t.Nho 50, Pt Lê Hoa 50, Pt Hoàng Minh Kỳ 50, Pt Huỳnh Đăng Phước 100, Pt Lê t.Bách Yên 38, Pt Ng Mỹ Hoa 200, Pt Đào t.Ngân 50, Pt Rugolino Joseph 100, Pt Chea Carolzne 20, Pt Ly Han Say Vek 20, Pt Vương t.Thu v.50, Pt Tran Du Phuoc Mui 25, Pt Bùi Phạm Ngoc Diép 40, Pt Bruneau Ng t.Liên 100, Pt Ng Ngoc Diêu 600, Pt Ng Khánh Chúc 100, Pt Vong Tony 200, Pt Võ v.Thăng 50, Pt Ng Lê t.Hường 400, Pt Ng t.Tú, Phuong 100, Pt Echegut t.Loc 200, Pt Lê Ngoc Yen 38, Pt Ngô Ng t.Lộc 30, Pt Ng v.Cần 50, Pt Ng t.Quyên 20, Pt Ng Ai Thanh 50, Pt Ng t.Thom 35, Pt Tinh Hào 150, Pt Ng Xuan Lan 50, Pt Ng Trung Thu 200, Pt Ng v.Đinh Jules 100, Pt Trương Duy Lương 40, Pt Huynh Văn Nhung 20, Pt Ng v.Liu 400, Pt Marie Theres Priou Mui 40, Pt Dzaghli Mai Lien 30, Pt Ly Phuong Lan 35, Pt Huỳnh Ngoc Thuy Therese 60, Pt Lê Ba Miêng 30, Pt Phan Kim Oanh 20, Pt Cao t.Mỹ Khanh 100, Pt Trương t.Lang 20, Pt Lê v.Đôn 50, Pt Đinh Hoàng 40, Pt Dương Tôn Bảo 50, Pt Trần Phong Nhiên Hưng 60, Pt Trần Vinh Tiên 150, Pt Ng t.Minh Trí 60, Pt Vornou Viviane 20, Pt Quach v.Tuan 50, Pt Lê t.Nghĩa 50, Pt Phạm t.Hồng 20.

Cúng đường lễ Cầu An Giải Hạn 2026

Pt Trần Việt Giang 50, Pt Trần t.Hiến 50, Pt Ng Tôn Cường 100, Pt Ng Hữu Thiện 100, Pt Ng t.Xuân Thảo 180, Pt Huỳnh Quang Tuấn 50, Pt Ripert Mỹ Oanh 50, Pt Huỳnh t.Bích Thủy 50, Pt Barat Michel 50, Pt Tea Tea Ying 80, Pt Phương Hà 20, Pt Phan t.Mỹ Trung 50, Gd Châu 30, Pt Võ Đình 40, Pt Khamly Khuong 50, Pt Lê Chánh Lý, Pt Huỳnh Tuyết Trinh 20, Pt Ng v. Quý 100, Pt Ng Minh Tuấn 100, Pt Ng v. Phái 100, Pt Ng v. Thùng 100, Pt Ng Thanh Quang 100, Pt Ly Ngọc Hằng 110, Pt Phạm Trần Thu Hằng 100, Pt Chaharot Phạm t.Bách Tuyết 100, Pt Đặng t.Mỹ Hoa 200, Pt Brassert Phạm t.Hồng 20, Pt Ng t.Thanh Bình 150, Pt Ramany Prom Spinga, Pt Phạm t.Kim Minh 50, Pt Hà v. Thạch 200, Pt Ng v. Bà Hoàng Oanh 15, Pt Trang t. Thu Hương 70, Pt Ng Đình Nhân 100, Pt Diệu Nghĩa 50, Pt Đỗ Phương Hùng Daniel 100, Pt Alice Võ 300, Pt Trần Thiên Thanh 10, Pt Lưu t.Mỹ 50, Pt Tôn t.Hai 100, Pt Phạm Kim Oanh 20, Pt Ng t.Xuân Hương 40, Pt Trung Thiên Liên Bảo 50, Pt Phạm Đức Lã Meko 50, Pt Ng t. Tuyết Minh 100, Pt Ng t. Anh Tuyết Marguerite 200, Pt Lê v. Phú Sác 50, Pt Vũ Đường Văn Liên 200, Pt Venzen Frederic Mingie 20, Pt Bùi t. Bích Nga 65, Pt Ngụy Ai Thanh 50, Pt Ng v. Tri 150, Pt Dufraisse t. Thanh Hồng 20, Pt Ng Khanh Chuc 20, Pt Lê t. Thu Hà, Pt Trần t. Kim Liên, Pt Vyxieng Võ t. Tuyết Mai Marie 50, Pt Mai t. Mui 50, Pt Lê Xuân 20, Pt Ôn Tú Châu 560, Pt Ng Hồng Phước 30, Pt Lê t. Giao 50, Pt Phạm t. Kim Liên 20, Pt Lê Tuấn Hải 20, Pt Yuen Tak Lan 50, Pt Luong Veronique 100, Pt Phan t. Thanh Văn 100, Pt Trương Duy Lương 50, Pt D' Audigier Huguette 180, Pt Ng t. Lan 50, Pt Ng t. Minh Phương 50, Pt Phan Đức Huân 20, Pt Ng t. Ngọc An 50, Pt t. Hoa Đăng 50, Pt Hoàng t. Đức Lucie 50, Pt Lê Nicole 200, Pt La Bât Cha 200, Pt Au t. Bach Văn 20, Pt Tao Helene 200, Pt Trần t. Mui 100, Pt Võ Thánh Brucker 150, Pt Ng t. Quyên 20, Pt Lê t. Hồng Diệp 50, Pt Ly v. Mạnh Mỹ, Pt Ng t. Hương 50, Pt Trần t. Ngọc An Annie 150, Pt Ng t. Minh Kiều 30, Pt Ng t. Thiên Hương 300, Pt Huỳnh t. Hồng Văn 50, Pt Ng Henri 20, Pt Trần Isabelle 50, Pt Ng t. Mỹ Nga 50, Pt Hà Laverda 30, Pt Ng Kim Sơn 20, Pt Ng Vinh Bảo 100, Pt Trương Quốc Lang 50, Pt Trần v. Minh Thọ Renée, Pt Ng Catherine 30, Pt Ng t. Tuyết Nhung 30, Pt Trần Thanh Phong 50, Pt Ng t. Mui 350, Pt Võ t. Hạnh 60, Pt Sơn Thi Chin 100, Pt Lê Hoàng Vũ 50, Pt Ng Thanh Phương 50, Pt Vũ t. Hoa Juliette 50, Pt Ng t. Ngọc An 135, Pt Lê Thu Huyền 20, Pt Trần Banchong Leon Trần 30, Pt Lê t. Hòa 50, Pt Samboun Sylvie 10, Pt Châu Bích Phấn 100, Pt Ng. Thiệu Giang Kenji 20, Pt Ng t. Kim Loan 15, Pt Hà Trần Mỹ Hạnh 50, Pt Ta Félix 20, Pt Padeau Allain 50, Pt Vũ t. Trang 20, Pt Hồ t. Ngọc Khanh 20, Pt Ng Anh Quốc Dũng 20, Pt Đỗ t. Thu Thủy 20, Pt Ng t. Thiên Hương 300, Pt Trương Ngọc Nhan 200, Pt Bùi t. Thiên 200, Pt Ly t. Hà 20, Pt Ng t. Đậu 50, Pt Isabelle Trương 50, Pt Ng Trọng Phước Henri 40, Pt Phạm t. Liên 50, Pt Ng v. Dương 100, Pt Ng t. Tuyết Madeleine 500, Pt Trần Ng Tầm 100, Pt Trần Hoàng Nhân 200, Pt Trần t. Kiều Lâm 20, Pt Dương t. Tâm 20, Pt Bruneau Ng t. Liên 100, Pt Hoàng t. Kim Ngân 50, Pt Lê t. Hoa 100, Pt Colombie Louis 100, Pt Phanthavong t. Thanh Tuyền 50, Pt Chu Kim Yên 300, Pt Trương t. Thu Trang 30, Pt Ng t. Thu Việt, Pt Phạm t. Phúc 20, Pt Đặng Hoàng Hồng 30, Pt Marc Soudaros 500, Pt Phạm t. Nhung 50, Pt Tô Kim Hoa 50, Pt Lương An Siêu 20, Pt Trouillet Marie 50, Pt Ng Mạnh Hùng 20, Pt Lê t. Kim Phương 30, Pt Lê Minh Catherine, Pt Lê Minh Christine, Pt Lê Minh Yvonne 10, Pt Lê Minh Hải, Pt Lê Minh Christopher, Pt Hằng Phở Hồ 30, Pt Dương Thanh Huệ 50, Pt Ng Bình Du Uyên 50, Pt Huỳnh Văn Nhung 40, Pt Marie Thérèse Priou 30, Pt Phạm t. Nhung 100, Pt Đoàn Thể Kim Liên 20, Pt Din Thong Xay 30, Pt Đặng Thanh Thư, Pt Ng Việt Anh 50, Pt Ng t. Thanh Tuyền 20, Pt Trần Anne 70, Pt Bùi t. Khanh Hằng 30, Pt Bùi t. Sinh 100, Pt Ng v. Thái 100, Pt Ng t. Tâm 100, Pt Ng t. Thanh Tâm 20, Pt Lê t. Thanh Hằng, Pt Quách t. Huệ 100, Pt Hồng Bắc Lang, Pt Phạm t. Hồng Nathalie 20, Pt François Horn 100, Pt Đào Ramasamy 30, Pt Phan Ly Ai Liên 100, Pt Ng Xuân Lan 50, Pt Ng Minh Nga 50, Pt Marechal Fatima 40, Pt Ng Ngọc Quê 50, Pt Ng Tường Văn Suzanne 30, Pt Bùi Minh Châu 50, Pt Ng Ng t. Lộc 50, Pt Ng Minh Trí 50, Pt Perreux Froment Suzanne 20, Pt Lay Bắc Lang 100, Pt Mach Cúc 50, Pt Diệu Thành 20, Pt Ng t. Bích Phương 25, Pt Phạm t. Ngọc Diệp 100, Pt Ng Tam Thanh 50, Pt Lambert Bà Toàn 20, Pt Trần Huỳnh Mai 250, Pt Lâm Đăng Hải Nhung, Pt Ta Lim Valerie 100, Pt Ng t. Lê Hoàng 250, Pt Ng Anh Tuấn, Pt Lê Bà Miêng 30, Pt Nguyễn Anh Pomonti 100, Pt Ng Hồng Phước 30, Pt Sam t. Banho 150, Pt Lê Thủy Hằng 40, Pt Ng Irene 40, Pt Trần Thanh Phong 80, Pt Ng Cécile 50, Pt Lam Ng Ngọc Sương 50, Pt Ng v. Hữu 100, Pt Ng v. Nhiêu 50, Pt Chanthavong 50, Pt Dương Tôn Bảo 40, Pt Bùi t. Bạch Tuyết 50, Pt Henocq Evlyne 10, Pt Trần Ngọc Hiền 50, Pt Ng Hữu Thoại v. 250, Pt Ng t. Bích Phương 200, Pt Ng t. Lành 25, Pt Lê t. Dũng 50, Pt Đào t. Ngọc Lan 40, Pt Ng t. Thanh Tùng 100, Pt Trần Dũ Phước Mui 30, Pt Ng Thu Hương 30, Pt Hoàng Phương Hải 20, Pt Dương Phi Dao 50, Pt Mai t. Ngọc Trâm 50, Pt Lim Marie 50, Pt Cois Mai 30, Pt Ng t. Minh Phương 20, Pt Ng Tôn Cường 100, Pt Cohen Irma Ngọc 50, Pt Fontaine Martine 20, Pt Lưu Ngọc Dũng 100, Pt Hứa Phi Kiều 100, Pt Đoàn Hữu Quang 450, Pt Joseph Phạm 50, Pt Hạnh Nguyễn 20, Pt Ly Phương Lan 35, Pt Ta Chi Dũng 100, Pt Ng

v. Phú 50, Pt Ng t. Ly 60, Pt Phạm t. Ngọc Anh 30, Pt Phan Nguyệt Thanh 50, Pt Phạm Đăng Kim Phương 30, Pt Phan Jean Raymond 50, Pt Huỳnh Ngọc Thủy Thérèse 60, Pt Lâm Kim Oanh 30, Pt Đỗ v. Minh 20, Pt Ngô Phùng Vinh 25, Pt Creput Diệu Hồng 100, Pt Phạm Anh Tuấn 50, Pt Ong Kim Thanh 40, Pt Ng Minh Thắng 20, Pt Trần t. Hovg 50, Pt Ng t. Thanh Văn 10, Pt Hồng Hải Khâm 20, Pt Trần Hoàng Nam 50, Pt Hugot Ly v. Mạnh 50, Pt Vial Thảo, Pt Giang t. Hòa 20, Pt Lai Thanh Phương 10, Pt Ng Minh Quang 50, Pt Ly t. Thu Trang 50, Pt Trần Huy Bảo Trâm 20, Pt Vương t. Huy Hoàng 20, Pt Ng t. Khuê Mỹ 100, Pt Huỳnh v. Lộc t. Lê Thu 20, Pt Trần Diễm Ngân 10, Pt Vũ t. Nhung 50, Pt IEM Sophie 60, Pt Ng t. Phương 50, Pt Quang t. Luông 20, Pt Lâm Xuân Hương 100, Pt Lâm Đăng Hải 50, Pt Trần Hồng Phước 50, Pt Ng Ngọc Thủy Anh, Pt Trần Thanh Chiêu 20, Pt Võ Thu Nguyệt 50, Pt Đào Công Thanh 50, Pt Kim Christine 50, Pt Ng Trọng Phước Henri, Pt Ng t. Thu Lan 100, Pt Vũ Duy Khanh 100, Pt Fitté Duval Stéphanie 50, Pt Perreux Froment Suzanne, Pt Tea Linany 20, Pt Trần t. Hiếu Hiền 20, Pt Trần Huy Bảo Trâm 20, Pt Đào Công Thanh 20, Pt Trần Hoàng Nam 20, Pt Trần t. Hồng 50, Pt Trương Võ t. Nu 30, Pt Ng t. Tung Lâm, Pt Đào t. Thanh Phú 50, Pt Phùng Giang Tân Bảo 10, Pt Trần Trọng Khanh Hằng, Pt Lê t. Kim Phương 50, Pt Hoàng Anh Thư 20, Pt Gérard Brigitte 20, Pt Wong Wai Ching 20, Pt Ng Thanh Loan 30, Pt Phan t. Thu Văn 100, Pt Ng t. Thanh Tú 20, Pt Ng t. Kim Xuyến 50, Pt Colombie Louis 20, Pt Ravat 20, Pt Lê t. Phú 20, Pt Đoàn Hữu Quang 500, Pt Phùng t. Thu Loan 30, Pt Trần t. Thanh Mỹ 30, Pt Fatouma Nisha 30, Pt Hồ Mộng Dũng 30, Pt Phạm Tân Lộc 50, Pt Ly Nathalie 50, Pt Heng Siu Meng 35, Pt Đoàn Minh Châu 20, Pt Lưu Hữu Long 50, Pt Huỳnh Tuyết Trinh 20, Pt Đỗ Ngọc Xuân 20, Pt Phan Jean Paul 20, Pt Ng t. Mui 200, Pt Trần t. Minh Nguyệt, Pt Hoàng t. Chưc 100, Pt Brassert Alexandre 50, Pt Huỳnh Georgette 25, Pt Trần Vinh Tiến 100, Pt Lăng Vi Quân 40, Pt Ng v. Liu 200, Pt Hinh Di Dung 500, Pt Cao t. Mỹ Khanh 100, Pt Ng Thanh Văn 500, Pt Hậu Hiệp 50, Pt Phạm Đức Hiếu 100, Pt Ng v. Minh 50, Pt Phạm t. Hoa 50, Pt Trần t. Phương Mai 50, Pt Lê t. Lang 30, Pt Đoàn t. Ngọc Lê 40, Pt Ng Thanh Loan 30, Pt Ng t. Phương Dung 20, Pt Ng Duy Kim Ngọc 50, Pt Ly Hoa Liên 20, Pt Ng v. Đình 100, Pt Bin Martine 100, Pt Ng t. Bích Thủy 30, Pt Huỳnh Ngọc Long 100, Pt Ng Kim Cương 50, Pt Bùi v. Long 100, Pt Đinh t. Ngọc Hoàn 100, Pt Davion t. Gabrielle 200, Pt Trương t. Lang 20, Pt Anh Tuấn Bach Lan Vuong 30, Pt Ng Trọng Lương Vincent 50, Pt Ng Ngọc Tuấn 100, Pt Hoàng Thể Bôi Bernard 100, Pt Ng v. Dương 100, Pt Bùi t. Như Tuyết 100, Pt Phan Kim Oanh 20, Pt Bích Ngọc Ruttiger 10, Pt Serv Gisele Bích 50, Pt Bùi t. Khanh Hằng 30, Pt Huỳnh Thủy Mai 100, Pt Trần Mộng Xuân 100, Pt Ng. André Monique Thủy 100, Pt Trần v. Toàn 50, Pt Tang Aurore 80, Pt Ng t. Lê Hong Gisele 50, Pt Đào t. Thu Thủy 25, Pt Mai t. Kim Hoa 50, Pt Võ t. Anh Huyền 50, Pt Abdoul Kim Văn 60, Pt Trần t. Bạch Nga 50, Pt Ng An Chantal 100, Pt Đỗ t. Thu Thủy 50, Pt Ly Ngọc Đào 30, Pt Ng t. Kim Loan 20, Pt Lê Xuân 50, Pt Trinh Thanh Xuân 50, Pt Chu t. Duyên 100, Pt Lê t. Tường 100, Pt Gleises Trần t. Kim Chi 100, Pt Pierre Cornet 300, Pt Ng t. Tung Lâm, Pt Au t. Thu Hà, Pt Ng Mathieu Triêu 20, Pt Leon Tác Fong 50, Pt Ng t. Mỹ Anh 20, Pt Lê Thu Liêm 30, Pt Hugot Monique 50, Pt Thái t. Tu 20, Pt Ng t. Mai Anh 20, Pt Ng t. Anh Mai 50, Pt Vương t. Huy Hoàng 50, Pt Trần Thanh Thủy 20, Pt Cao t. Kim Hoa 30, Pt Võ v. Ngọc 50, Pt Trần Julie 20, Pt Trần t. Văn 30, Pt Vũ Duy Khanh 50, Pt Lưu t. Bích Châu 20, Pt Lê Thủy Hằng 20, Pt Ng t. Ngọc Tuấn 20, Pt Barbara Aellen 20, Pt Ng t. Anh Nguyệt 20, Pt Phạm Thu Hoài 30, Pt Huỳnh t. Hoa 50, Pt Phạm Đăng Thủy Dương 30, Pt Decras Annie 20, Pt Lê t. Xuân Chi 20, Pt Lê Minh Phương Thảo 50, Pt Au t. Thu Hà 20, Pt Beaumont Helene 20, Pt Phạm Trần Huyền Trâm 50, Pt Ng Ngọc Tú 20, Pt Vương Thanh Mỹ 30, Pt Phạm t. Liên Hương 50, Pt Ng Mỹ Hoa 100, Pt Huỳnh t. Thanh Tuyền 50, Pt B t. Bích Ngọc 30, Pt Đặng t. Hồng Lê 100, Pt Ng t. Bạch Tuyết 20, Pt Legros Beaumont Helene 100, Pt Ng Trung Thu 200, Pt Tasteyre François 50, Pt Đặng Thanh Hằng 150, Pt Ng t. Tâm 100, Pt Ng Xuân Thơ 20, Pt Dương Héléne 50, Pt Diệp Ngọc Yên 150, Pt Dương Héléne 50, Pt Huỳnh Phước Vinh 100, Pt Lê t. Huỳnh Hoa 200, Pt Đoàn t. Diệu Oanh 50, Pt Ngọc t. Minh Kiều 20, Pt Boutouiller 20, Pt Ng Quang Lam 100, Pt Trần Ngọc Diệp 100, Pt Võ v. Thắng 50, Pt Hồ Huệ Phương 110, Pt Đặng Quốc Tiến 20, Pt Luc Sy Tú 50, Pt Lưu Daniel 50, Pt Trần Quang Liêm 10, Pt Hannoteaux Madeleine 30, Pt Đặng t. Thanh Huyền 20, Pt Ly Christine 20, Pt Lê Thanh Phước 50, Pt Ng Minh Khang 50, Pt Cao t. Ly 100, Pt Ng Jacqueline 100, Pt Ngô Đức Thuong 50, Pt Bùi Hữu Lộc Laurent 50, Pt Trần t. Tuyết Hoa 180, Pt Lê Thanh Long 30, Pt Lưu Nghiêch Chấn Lucas 50, Pt Từ Nga 20, Pt Ng t. Thu Lan 100, Pt Leon Tác Fong Prosper 50, Pt Bùi t. Thủy Phương 100, Pt Trương t. Trương Xuân 500, Pt Lê t. Phương Trang 40, Pt Chung Jeannine 100, Pt Ng t. Mỹ Văn 20, Pt Trần Ngọc Anh 40, Pt Trần Sum 300, Pt Phạm t. Sam 200, Pt Ng Chánh Thiên 210, Pt Mai Ng Phương 100, Pt Ng Thành Tài 50, Trương Dung 50, Pt Ng t. Ngọc Cúc 100, Pt Pt Mai v. Hồng 40, Pt Castaing Thi Anh Hồng 30, Pt Đặng t. Hương, Pt Trinh Lim Chan 50, Pt Phạm Đặng Kim Long 30, Pt Lê Xuân Stephanie, Pt Đinh Kim Hòa 50, Pt Ng t. Kim Oanh 30, Pt Quang t. Quang 100, Pt Trần Toàn Mỹ, Pt Hồ t. Ngọc Anh 100, Pt Trần Anne 20, Pt

Dương Mỹ Tường 30, Pt Guillemot Vu Thy 30, Pt Ng t. Hồng 20, Pt Ng t. Ngọc Dung, Pt Ng Quách Mỹ Hoa 20, Pt Trần t. Bích Văn 50, Pt Bourgeois Gérard 20, Pt Vũ Xuân Tường, Pt Ng Thế Vinh 50, Pt Nelet Martine 100, Pt Phan t. Trang 50, Pt Đặng t. Hương, Pt Trần Ngọc David 50, Pt Kim Aline 50.

Cúng đường Đền Dược Sư 2026

Pt Briere t. Vương 100, Pt Ng t. Bích Thủy 20, Pt Trinh Lê t. Ngọc Dung 50, Pt Trần t. Phương Mai 50, Pt Ng t. Bích Phương 20, Pt Trần Phong Nhiên Hưng 30, Pt Phạm Elise-Lê v. Jacqueline 100, Pt Ngauv Lê 100, Pt Ngauv Sody 200, Pt Ngauv Baphary 100, Pt Đinh t. Phương Lan 100, Pt Võ Ngọc Hà 100, Pt Ng t. Phương Dung 10, Pt Maréchal Fatima 30, Pt Võ t. Hạnh 20, Pt Ng v. Tác 10, Pt Hà Trần Mỹ Hạnh 30, Pt Vũ t. Trang 100, Pt Ng t. Kim Loan 20, Pt Ng t. Lê Thu 70, Pt Đoàn t. Ngọc Lê 10, Pt Ng Minh Phước 20, Pt Mounet Hồng Hương 50, Pt Dương Công Hòa 150, Pt Võ v. Thắng 50, Pt Diệp Ngọc Yên 20, Pt Bùi t. Quý 100, Pt Ng t. Hữu Thoại Văn 50, Pt Lương Tôn Bảo 30, Pt Trolliet Somas 200, Pt Lê Thủy Hằng 20, Pt Kirsch Trương t. Hải Đường 27, Pt Ng t. Quyên 20, Pt Boissard Ng t. Tuyết Mai 70, Pt Lê t. Thanh Nhân 100, Pt Ng v. Liu t. Hương 200, Pt Ng t. Bạch Tuyết 20, Pt Ng Mỹ Hoa 100, Pt Rossetot Marguerite Cúc 50, Pt Ng t. Kim Dung Julie 100, Pt Diệp v. Quý 50, Pt Ng t. Thiên Nga 50, Pt Vũ t. Thái 30, Pt Hồng Tuấn Hà Anatole 50, Pt Ng t. Minh An 50.

Cúng đường Bửu Cơm Xã Hội 2025

Pt Tăng t. Bạch Tuyết 100, Pt Lê Thanh Quang 50, Gd Huỳnh t. Hạnh-Điêu Tâm 100, Pt Dương t. Ngọc Thảo 50, Pt Ly Kiên Cường 25, Pt Ly t. Huỳnh Hoa 50, Gd Adiceon-B t. Tánh- Lê t. Tuyết- Lê Bích Thủy 150, Pt Lê t. Ngọc Dung 20, Pt Trần t. Nguyễn 50, Pt Ng t. Nhâm 150, An danh 50, An danh 50, Pt Huỳnh Simone 30, Pt Christiane et Claude Bouriot 200, Pt Lê Thủy Hằng Viviane 30, Pt Lê Hồng Bích 100, Pt Nasset Jacques 100, Pt Ng v. Long 100, Pt Ng t. Bích Khuê 50, Pt Trần Tristan 1.000, Pt Lizieux Amourjavalley 250, Pt Dương t. Lan Phương 80, Pt Lai Viên Michel 300, Pt Ng Lam Bích Liên 50, Pt Phomnouansy Jean 100, Pt Hoàng Đình Hiến 30, Pt Lê Kim Lan 50, Pt Kim Chi 50, Pt Gateau t. Thu Hà 100, Pt Vương Anh Tuấn 30, Pt Dương Nguyễn Hiệp 100, Pt Trinh Lê Ngọc Dung 20, Pt Lê t. Bích Khuê 50, Pt Trần Đức Trung Khải 50, Pt Phạm t. Ngọc Anh 30, Pt Minh Nga 60, Pt Chea Caroline 20.

Cúng đường Đại Lễ Phật Đản 2025

Pt Huỳnh Đăng Phước 100, SC Khánh Đức 300, Pt Ng t. Hiều 250, Pt Angela Ameng 100, Pt Ng t. Nga 100, Pt Pierre Carrus 80, Pt Bùi t. Thủy Phương 100, Pt Ngô Phùng Vinh 25, Pt Vũ Duy Kha 50, Pt Võ Tấn Mỹ Lê 165, Pt Trần Ngọc Anh 20, Pt Huỳnh Thu Anh 50, Pt Kissya Lê t. Bích 50, Pt Diệu Giác 300, Pt Lê t. Thu Thủy 70, Pt Ng Bích Ngọc Ruttiger 10, Pt Tuyết Mai 40, Pt Ng Ngọc Dung 60, Pt Phùng Két Mai 100, Pt Diệu Quang 50, Pt Huỳnh t. Cẩm Tuyết 50, Pt Nhu Huỳnh 50, Pt Ng Ngọc Diệu 100, Pt Magarettiname Minatchy 100, Pt Tông Khanh Hạnh Mien 200, Pt Lê Xuân 50, Pt Bùi Phở Mui 50, Pt Bùi Donunique 200, Pt Ng t. Ngọc Bao 50, Pt Fatoma Nisha 50, Pt Ng Thanh Phương 20, Pt Trương Xuân Phùng 100, Pt Ng Vinh Mai 100, Pt Ng Anh Tuấn 50, Pt Quach t. Phương 200, Pt Phùng Mỹ Trâm 200, Pt Lương t. Lợi 50, Pt Ng t. Thanh 30, Pt Trinh t. k. hiem 120, Pt Trương Phương 100, Pt Lam Dang Hai 200, Pt Ng Đoàn Việt 25, Pt Ng t. Ngọc Bích 50, Pt Nguyễn Phước 50, Pt Quảng Giai 200, Pt Do Cao Thiên 1000, Pt Deschamel Antoine 30, Pt Deschamel Tham Kim 200, Pt Ng Kevin 200, Pt Phùng Mỹ Trâm 200, Pt Lương t. Lợi 50, Pt Phan Ngọc Bích 80, Pt Lê v. Mien Martin 50, Pt Trần t. Nô 250, Pt Michel Hồng Minh 50, Pt Guyenon Caroline Nguyệt 100, Pt Ng t. Bạch Tuyết 25, Pt Tran t. Thanh Mỹ 30, Pt Ba Mieng 20, Pt Thanh Tùng 100, Pt Ng Tran t. Kiều Trang 50, Pt Lê t. Bích Khuê 400, Pt Phan t. Lê Thủy 40, Pt Wong Cầu 100, Pt Lê Hoàng Vũ 50, Pt Huỳnh t. Ngọc Bích 40, Pt Ng t. Bích Phương 50, Pt Auger Maxime Dang Khoi 50, Pt Leon Tác Fong Victor 2000, Pt Phạm t. Hồng Ngọc 100, Pt Luong Fong 50, Pt Trương t. Lang 20, Pt Ng Ngọc Nathalie 1000, Pt Maurice Beroff 1000, Pt Duong Ton Bao Minh 25, Pt Phùng Jacques Hoa 100, Pt Charlene Ng 25, Pt Ng v. Men 50, Pt Lay Bắc Lang 80, Pt Ng Huu Thoi Van 50, Pt Ng Duc Hoan 100, Pt Sibard t. Dung 80, Pt Ng Tran Ngoc Eric 10, Pt Doan Huu Dung 500, Pt Doan v. Linh 65, Pt Tuyết t. Lê 20, Pt Ng Ngọc Dung 60, Pt Phùng Két Mai 100, Pt Diệu Quang 30, Pt Huỳnh t. Cam Tuyết 50, Pt Nhu Huỳnh 50, Pt Ng Ngọc Diệu 100, Pt Nagarettiname Minatchy 100, Pt Ng t. Hieu 250, Pt Huỳnh Đăng Phước 100, Pt Lê t. Bích 50, Pt Huỳnh Thu Anh 20, Pt Diệu Giác 300, Pt Bích Ngọc Ruttiger Ng 10, Pt Tuyết Mai 20, Pt Angele Ameng 100, Pt Ngat Nguyen 100, Pt Bùi t. Thủy Phương 100, Pt Vo Tan My Lê 65, Pt Ng t. Hương 400, Pt Phạm t. Bạch Tuyết 50, Pt Mounet Hồng Hương 50, Pt Gnet Tran Thuc Lien 50, Pt Ng t. Ly 50, Pt Phạm t. Ngọc Diệp 20, Pt Phan Duc Huan 10, Pt Cois Mai 30, Pt Lê t. Tuong 35, Pt Phạm Claude 150, Pt About Kim Van 50, Pt Lê t. Mai Trang 20, Pt Ng v. Minh 50, Pt Ng t. Mui 150, Pt Brucker Hortensia 100, Pt Lê Ng t. My Chi 20, Pt Roben Ng Tran t. Bích Thảo 50, Pt Bui Dinh Mai Duyen 15, Pt Tran t. Cúc 50, Pt Lê Thanh Long 30, Pt Hà Minh Châu 25, Pt Ng t. Bích Phương 20, Pt Lê Frederic 30, Pt Vo v. Thắng 100, Pt Bùi t. Quý 100, Pt Dinhthongxay Kim Chung 30, Pt Hoàng Phương Hải 20, Pt Dương Công Hao 100.

Cúng dường đức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát thờ trong tháp Quan Âm

Phật tử : Pháp danh :

Địa chỉ hiện tại :

..... Tél : e-mail :

Xin phát tâm cúng dường tùy tâm : - Xin phát tâm cúng dường **1 tượng 100€**, có ghi tên dưới tượng :

Xin hồi hướng công đức pháp thí : **Cầu An** :

hay **Cầu Siêu** cho :

04/2026

Phiếu cúng dường Đại Lễ Phật Đản 2650 - 2026

Phật tử :

Địa chỉ hiện tại :

..... Tél :

Xin phát tâm cúng dường **Đại Lễ Phật Đản 2650 - 2026** số tịnh tài là :

Xin hồi hướng công Đức pháp thí cúng dường :

Cầu An :

hay **Cầu Siêu** cho :

04/2026

Phiếu Ủng Hộ Gạo Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 37 tại Marseille - Pháp Quốc

Phật tử : Pháp danh :

Địa chỉ hiện tại :

..... Tél : e-mail :

- Xin phát tâm Ủng hộ **bao Gạo** (mỗi bao trị giá **35€**)

Xin thiết tha kêu gọi mọi người tùy hỷ **Ủng hộ 1 bao Gạo**, đó là góp phần chia sẻ với Ban tổ chức địa phương.

Cầu An :

hay **Cầu Siêu** cho :

04/2026

Cúng dường chư Tăng Ni An Cư Kiết Hạ từ 1/6 đến 28/8/2026

Phật tử : Pháp danh :

Địa chỉ hiện tại :

..... tél : e-mail :

Xin phát tâm cúng dường chư Tăng Ni trong 3 tháng **An Cư Kiết Hạ** tại **Chùa Khánh Anh Evry-Courcouronnes - Pháp** số tịnh tài là :

Xin hồi hướng công đức pháp thí :

Cầu An :

hay **Cầu Siêu** cho :



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP ÂU CHÂU - KỲ 37

Lycée La Cadenelle



134 Bd des Libérateurs, 13012 Marseille - France

TỪ 21/07/2026 ĐẾN 30/07/2026

Ô dành riêng cho Ban Phòng Ốc

PHIẾU GHI DANH - LẬP HỒ SƠ

• Để Ban Văn Phòng dễ dàng làm việc, xin **MỖI HỌC VIÊN ĐIỀN 1 PHIẾU GHI DANH**. Nếu gia đình nhiều người ghi danh thì cũng xin điền nhiều phiếu chứ không điền chung trong 1 phiếu.

• Nếu ghi danh theo tiêu chuẩn **GDPT** thì xin ghi danh qua đơn vị GDPT của mình đang sinh hoạt.

Ngày đến:
Giờ đến:
Đến phi trường/ga:
Chuyến bay/xe:
Ngày về:
Giờ đi:
Đi từ phi trường/ga:
Chuyến bay/xe:

Họ và tên (xin điền đủ họ, chữ lót, tên) :				Pháp danh :			
Nữ : ☐	Ngày, tháng, năm sinh :	Xin ghi danh lớp: (có phần thay đổi)					
Nam : ☐		Oanh Vũ : ☐	1a : ☐ (giới trẻ)	2a: ☐ (người lớn mới)	3 : ☐ (người lớn đã dự nhiều lần)	4 : ☐ (Chỉ dành cho tu sĩ)	
Đã tham dự Khóa tu học Phật Pháp Âu châu lần nào chưa ? Có ☐ Lần đầu tiên ☐ Nếu đã dự xin cho biết Khóa thứ mấy, năm nào ?.....							
Xin tham dự ban chấp tác khóa học :	Trật tự 1 : ☐	Rửa chén 1 : ☐	Vệ sinh 1 : ☐	Hành đường 1 : ☐	Trai soạn 1 : ☐	Miễn: ☐ (chỉ dành cho 70 tuổi trở lên)	
	Trật tự 2 : ☐	Rửa chén 2 : ☐	Vệ sinh 2 : ☐	Hành đường 2 : ☐	Trai soạn 2 : ☐		
	Trật tự 3 : ☐	Rửa chén 3 : ☐	Vệ sinh 3 : ☐	Hành đường 3 : ☐	Trai soạn 3 : ☐		
Ghi danh theo tiêu chuẩn :	tập thể : 180 €			GDPT : 120 €		Oanh Vũ (4-12 tuổi) : 50 €	
Xin Quy y, thọ Năm giới : ☐				Xin thọ Bồ Tát : ☐			
Địa chỉ :							
Điện thoại :				Email :			

Trường hợp ghi danh theo tiêu chuẩn gia đình, xin ghi tên 1 người có quan hệ :

Họ và tên (của thân nhân trong gia đình đã ghi danh)	Quốc gia

Tiền học phí : Cúng dường Khóa Học : Trai Tăng : Gạo :

☐ Nhớ đem theo túi ngủ, dụng cụ vệ sinh cá nhân, tập, viết... đặc biệt năm nay quý học viên nhớ mua Bảo Hiểm Du Lịch khi tham gia Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 37 này.

☐ Nên có đồ vật hồ để mặc trong thời gian khóa học và 1 áo tràng để mặc trong giờ hành lễ và quá đường.

Lưu ý: Quý vị muốn tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu Kỳ thứ 37 tại Marseille, xin điền vào "Phiếu ghi danh" cho đầy đủ rồi gửi e-mail : TT T. Quảng Đạo, Khánh Anh Đại Tự tại Évry, Pháp quốc.
 Mobile : +33.770.0733.99 E-mail : khoatuhocppac@gmail.com.
 NS TN. Quảng Trâm, Tô Đình Khánh Anh, Pháp quốc. Mobile : +33.609.0901.19.
 ĐD T. Thiện Toàn +33.749.7288.78. SC TN. Chân Đàn +49.179.1282.186. Xin đăng ký qua QR-code bên trên.

Kêu gọi Ủng hộ Gạo Khóat Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 37 tại Marseille - Pháp từ ngày 21.7-30.7.2026

Évry-Courcouronnes 15/4/2026

Trích yếu : V/v Kêu gọi Ủng hộ Gạo, thực phẩm...
cho Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu Kỳ thứ 37

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát tác đại chứng minh

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức,

Kính thưa quý Tự Viện, quý Chùa, quý Hội, quý
Tiệm, quý Phật tử học viên, quý bà con đồng hương.

Theo truyền thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt
Nam Thống Nhất Âu Châu, mỗi năm đến kỳ nghỉ hè
vào tháng 7 đều tổ chức một Khóa Tu Học cho Phật
Tử và 10 ngày An Cư Kiết Hạ cho chư Tăng Ni.
**Năm nay Giáo Hội sẽ tổ chức tại Marseille, Pháp Quốc
từ ngày 21.7 đến ngày 30.7.2026.**

Từ khi cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh
Tâm còn tại thế, Ngài đã vận dụng nhiều phương cách
để cho Khóa Tu Học được thành tựu viên mãn, trọng
đó có việc kêu gọi các Tự Viện và Phật Tử đồng
hương đóng góp ủng hộ một bao gạo giá tương trưng
là **35 Euros** để Ban Tổ Chức khỏi bị thâm hụt sau
khi mãn khóa.

Xin thiết tha kêu gọi mọi người tùy hỷ ủng hộ
một bao Gạo, để góp phần chia sẻ với Ban tổ chức.
Vậy kính mong Quý Ngài và Quý Vị hoan hỷ đóng
góp.

Kính nguyện Tam Bảo gia hộ cho Quý Ngài và
Quý Vị luôn được an vui trong niềm hỷ lạc của năm
Bính Ngọ 2026.

TM. Trưởng Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật
Pháp Âu Châu kỳ thứ 37 tại Marseille

Tỳ Kheo Thích Quảng Đạo

Appel au soutien-don de Sac de riz - 37e Séminaire bouddhique européen à Marseille - France du 21.7 au 30.7.2026

Évry-Courcouronnes 15/4/2026

Extrait de : Appel au soutien-don de sac de riz,
d'alimentation...pour le 37e Séminaire bouddhique européen

Hommage au Bodhisattva du Mérite, témoin de nos actes méritants

Chers respectueux Vénérables moines et nonnes du Sangha,

Respectueusement à l'attention des monastères, pagodes, associations,
bienfaiteurs, apprenants bouddhistes, compatriotes, amis et fidèles
bouddhistes,

Suivant la tradition de la Congrégation Bouddhique
vietnamienne Unifiée (GHPGVNTN) en Europe, chaque année
en juillet, pendant les vacances d'été, est organisé pour les
bouddhistes laïcs un séminaire d'étude et de pratique du
Bouddhisme, et se tient pour Vénérables moines et nonnes du
Sangha une Retraite d'Été de 10 jours. **Cette année, cet événement
aura lieu à Marseille, en France, du 21 au 30 juillet 2026.**

Du temps du regretté Très Vénérable Supérieur Thích Minh
Tâm, de nombreuses actions ont été menées pour assurer la réussite
du Séminaire, notamment l'appel au soutien-don aux
monastères, compatriotes, amis et fidèles bouddhistes pour
qu'ils contribuent à l'événement en donnant un sac de riz d'une
valeur symbolique de **35 Euros** afin que le Comité
d'organisation ne soit pas en déficit à la clôture du séminaire.

Nous, le Comité d'organisation, nous permettons de faire
appel à votre générosité. Votre soutien-don **d'un sac de riz** sera
pour nous un encouragement et une aide dans la réalisation de
nos missions. Chers membres du Sangha, chers toutes et tous,
votre contribution attestera de votre volonté de vous joindre à
nous, en associant à notre souhait de mener au succès
l'événement.

Chers membres du Sangha, chers toutes et tous, nous prions
pour que sous la bénédiction des Trois Joyaux, la sérénité, la
joie et la prospérité vous accompagnent tout le long de cette
année du Cheval de Feu 2026.

Responsable du Comité d'organisation du 37e Séminaire
bouddhique européen à Marseille

Vénérable Thích Quảng Đạo

Phiếu ủng hộ Gạo Khoá tu học Phật pháp Âu châu kỳ 37-Marseille Bulletin de don Sac de riz - 37e Séminaire bouddhique européen à Marseille

Họ và tên người gửi - NOM et prénom - Nom bouddhique - Pháp danh :

.....

Địa chỉ hiện tại - Adresse.....

.....Tél :.....E-mail :.....

Xin phát tâm ủng hộ - Fait le don de.....Euros cho - et.....bao gạo - sac (s) de riz.

Tên người nhận - virement possible sur le compte Association Bouddhique KHANH ANH.

Tên ngân hàng - de la banque SOCIETE GENERALE.

Số - Compte N°. 00037286040. IBAN : FR76 3000 3015 7900 0372 8604 078.

BIC-ADRESSE SWIFT : SOGEFRPP.

Đại Tự Khánh Anh Évry-Courcouronnes : Tél : 01.64.93.55.56 - 07.70.07.33.99 // E-mail : thichquangdao@khanhanh.fr



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU
LA CONGRÉGATION BOUDDHIQUE VIETNAMIENNE UNIFIÉE EN EUROPE
THE UNIFIED VIETNAMESE BUDDHIST CONGREGATION IN EUROPE

Chùa Association Bouddhique **Khánh Anh**

Évry-Courcouronnes, 18/3/2026

Thông Báo số 4

V/v Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu Kỳ thứ 37 tại Marseille, Pháp Quốc

từ 21.7.2026 đến 30.7.2026

**La Cadenelle, 134 Boulevard des Libérateurs
13012 Marseille.**

Nam Mô Bồ Đề Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni

Kính thưa toàn thể quý Đồng Hương Đồng Bào Phật tử

Kính thưa quý vị,

Một mùa Tết Nguyên Đán Bình Ngộ 2026 tha hương đã trôi qua trong dòng tâm thức của mọi người dân Việt trên đất khách, đặc biệt là những người con Phật Việt Nam, đều tất bật chuẩn bị và đón Tết Nguyên Đán, theo ý nghĩa Phật Giáo Việt Nam là Mừng Xuân Di Lạc, là nói đến một vị Phật ra đời trong tương lai, sẽ tiếp tục sứ mệnh khai thị chân lý trí tuệ hoá độ chúng sanh thay thế cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong hiện tại. Với ý nghĩa như vậy, cho nên sau những ngày đón Tết vui Xuân với quê hương, những người con Phật còn phải nỗ lực tu tập thiện pháp gieo trồng hạt giống phước hữu lậu và công đức vô lậu như bỏ thí phóng sanh, khai đàn tụng kinh cầu nguyện cho Thế Giới Nhân Loại một năm bình an, gia quyền an lạc v.v... Vì vậy, tại Âu Châu các Tự Viện thường đón Tết Nguyên Đán cho đến hết tháng Giêng âm lịch. Sau tháng Giêng âm lịch, lại tiếp tục những Khóa tu học ngắn hạn như: *Tu Bát Quan Trai, Huân Tu Tịnh Độ, Thiền Quán Minh Sát* v.v... Chư Tôn Đức trong Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu cùng hòa minh cùng các Tự Viện thực thi tất cả mọi Phật sự như thuyết pháp hướng dẫn Phật tử tu học. Và cứ thế Phật sự kéo dài đến *Mùa Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2570-2026*, sau *Mùa Đại Lễ Phật Đản*, tùy duyên các Tự Viện tổ chức khóa *An Cư Ngạn Hạn 10 ngày, 2 tuần lễ hoặc có những Tự Viện An Cư suốt 3 tháng (16.04 âm lịch đến 16.07 âm lịch)*. Riêng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu sẽ tổ chức khóa *An Cư 10 ngày* lồng vào trong Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu truyền thống lâu năm, năm nay là kỳ 37.

Kính thưa chư Tăng Ni và Phật tử,

Như trong Thông Báo III, chúng ta đã biết Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 37 năm 2026 sẽ tổ chức tại trường trung học La Cadenelle thành phố Marseille nước Pháp. **Thời gian Khóa Tu Học từ ngày 21/7/2026 đến ngày 30/7/2026.**

Thứ Ba, 21.7.2026 Chư Tăng Ni và Học Viên Phật tử vân tập.

Thứ Tư, 22.7.2026 Tác Pháp An cư & Khai giảng Khóa tu học.

Thứ Tư, 29.7.2026 Giải Chế An Cư & Bế Mạc Khóa Tu Học.

Thứ Năm, ngày 30.7.2026 Trở về lại bản xứ.

Thành phần Chứng Minh & Điều Hành Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 37 - 2026 là Chư Tôn Hòa Thượng Lãnh Đạo trong Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

Thành phần Ban Tổ Chức tại Địa Phương như sau:

- Cố Vấn: Hòa Thượng Thích Nguyên Lộc.
- Trưởng Ban: Thượng Tọa Thích Quảng Đạo.
- Phó Trưởng Ban: Đại Đức Thích Hạnh Quang.
- Phó Trưởng Ban: Ni Sư Thích Diệu Trăm.
- Ban Trần Thiết Khánh Tiết: Cố Vấn Hòa Thượng Thích Nguyên Lộc, Trưởng Ban: Thượng Tọa Thích Hạnh An, Đại Đức Thích Quảng An, Đại Đức Thích Thiện Toàn.
- Ban Phòng Ốc: Thượng Tọa Thích Viên Tịnh, Thượng Tọa Thích Tâm Nhật.
- Ban Văn Phòng: Ni Sư Thích Diệu Trăm, Đại Đức Thích Hạnh Bôn, Đại Đức Thích Thiện Toàn, Sư Cô Thích

Chân Đàn, Phật tử Hiền Tâm và quý anh chị em Gia Đình Phật tử Đức Quốc.

- Ban Vận Chuyển: Đại Đức Thích Hạnh Quang sẽ điều phối nhân sự tại địa phương Marseille.

- Ban Trai Soạn: Thượng Tọa Thích Quảng Đạo sẽ điều phối các chùa và các nhóm Phật tử lo ẩm thực.

- Quý chị em Phật tử Hoàng - Diệu Trang, Mỹ Thế - Diệu Dung tại Marseille sẽ đảm trách liên hệ khâu thực phẩm.

Còn nhiều tiểu ban khác sẽ được kiện toàn nhân sự sau.

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Ni

Kính thưa quý đồng hương Phật tử.

Đề Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 37 - 2026 được thập phân viên mãn, kính mong Chư Tôn Đức Tăng Ni sắp xếp mọi Phật sự tại Tự Viện về tham dự An Cư Kiết Hạ 10 ngày và quý Phật tử đồng hương sắp xếp duyên sự gia đình, để dành riêng 10 ngày cuối tháng 7 năm 2026 đồng trở về Khóa Tu Học Phật Pháp để kết thiện duyên công đức, tích lũy tư lương trí tuệ - phước đức cho hiện đời và mai hậu.

Như chúng ta cũng đã biết, thời gian sau một tuần lễ Tết Nguyên Đán Bình Ngộ năm 2026, thì cuộc chiến tranh vũ khí hạng nặng đã diễn ra một cách khốc liệt trên bầu trời Trung Đông nước Iran, đem lại sự hao tổn thất thoát tiền tài vật chất không ít của đôi bên nghinh chiến, và ảnh hưởng đến nền kinh tế của cả thế giới, bắt nguồn từ nhiên liệu xăng dầu v.v... Không biết cuộc chiến này còn kéo dài bao lâu. Nhưng chúng ta đồng thấy sự bất ổn của cả thế giới ngày càng lan rộng như vết dầu loang và sự ảnh hưởng toàn cầu trên nhiều phương diện. Cầu mong sao tất cả những cuộc chiến tranh từ nội tại và ngoại tại sớm chấm dứt, để nhân loại được hưởng sự bình an từ thân tâm và ngoại cảnh. *Vì vậy,*

- 10 ngày của Khóa Tu học là thiện duyên tốt đẹp, để chư Tăng Ni Phật tử Âu Châu được hội ngộ tương kiến, với ý niệm Tăng Già Hoà Hiệp, Tứ Chúng Đồng Tu.

- 10 ngày của Khóa Tu Học là cơ hội để hàng 4 chúng con Phật Âu Châu thực hiện thân hòa đồng trụ, kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu.

- 10 ngày của Khóa Tu Học là nhân duyên thù thắng, để hàng con Phật, đồng tu đồng học, Phật Pháp Đại Thừa, dựng cờ pháp lớn, phá lưới mạn nghi, tạo công đức lành, phát Bồ đề tâm, mong được thực hiện, tâm từ của Quán âm, nguyện lớn của Phổ Hiền.

Để trợ giúp cho Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 37 năm 2026 thành tựu viên mãn, Giáo Hội xin kêu gọi quý Tự Viện, đồng hương Phật tử ủng hộ mỗi bao gạo với trị giá **35€**.

Bao nhiêu công đức có được của 10 ngày Khóa Tu Học, tất cả đều hồi hướng về cho Thế Giới Nhân Loại được hoà bình thật sự từ nội tâm cho đến ngoại cảnh. Đứng như lời đức Phật dạy: **"TÂM BÌNH THẾ GIỚI BÌNH"**.

Kính chúc chư Tôn Đức Tăng Ni tứ đại điều hoà, phước trí nhị nghiêm, Phật sự viên thành, lợi lạc quần sanh.

Kính chúc quý đồng hương Phật tử cùng bảo quyền thân tâm thường an lạc, vạn sự thắng duyên, cát tường như ý và tín tâm Tam Bảo kiên cố, phước thọ diên niên.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát ma ha tát.

Thay mặt

Ban Điều Hành Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 37

Đệ nhất Chủ Tịch



Đệ nhị Chủ Tịch

Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt

Hòa Thượng Thích Như Điển

2 mã số phiếu ghi danh: mã số trên chư Tăng Ni, dưới là quý Học viên:

<https://forms.gle/SCHijGBAo8KsMqM16>

1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm - 91000 Évry-Courcouronnes, France.
 Tél: +33.164935556, +33.770073399. E.mail: thichquangdao@khanhanh.fr



Chữ in / Inscription
Tăng Ni / Moines et nonnes



Chữ in / Inscription
Học viên / Apprenants



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU
LA CONGRÉGATION BOUDDHIQUE VIETNAMIENNE UNIFIÉE EN EUROPE
THE UNIFIED VIETNAMESE BUDDHIST CONGREGATION IN EUROPE

Chùa Association Bouddhique **Khánh Anh**

Évry-Courcouronnes, 13/3/2026

Note d'information n°4

Le 37e Séminaire bouddhique européen à Marseille, France

du 21.7.2026 au 30.7.2026

La Cadenelle, 134 Bd des Libérateurs 13012 Marseille

Hommage à notre Grand Maître Shakyamuni Bouddha

Chers respectueux Vénérables moines et nonnes du Sangha,

Chers compatriotes, amis et fidèles bouddhistes,

Les célébrations du Nouvel An lunaire Tết Bình Ngô 2026 en ces lieux lointains ont marqué les esprits de tous les vietnamiens, en particulier les bouddhistes laïcs, qui se sont donnés à cœur joie à préparer et à célébrer la fête du Tết selon la tradition du Bouddhisme vietnamien, honorant les vœux du Bouddha Maitreya. Ce Bouddha du Futur poursuivra la mission de révéler la vérité sur la sagesse guidant tous les êtres vers la libération des souffrances, succédant ainsi au Bouddha Shakyamuni. Dans cet esprit, après avoir célébré le Nouvel An lunaire, les bouddhistes doivent tout mettre en œuvre pour pratiquer et réaliser des actes vertueux, et à semer des graines de mérites, fructueuses maintenant et dans les vies futures ; en faisant des offrandes, en libérant des animaux, en organisant des cérémonies et des prières pour la paix de l'humanité et le bien-être de êtres... C'est pourquoi, en Europe, les monastères et pagodes célèbrent généralement le Nouvel An lunaire jusqu'à la fin du premier mois lunaire. Après ce premier mois, ils proposent des retraites de courte durée telles que **la retraite des Huit Préceptes, la retraite de la Terre Pure et la méditation Vipassana...**

Les vénérables membres du Conseil exécutif de la Congrégation Bouddhique vietnamienne Unifiée (GHPGVNTN) en Europe s'associent aux monastères et pagodes pour mener à bien toutes les activités bouddhiques comprenant les conférences sur le Dharma et l'accompagnement des apprenants bouddhistes dans leur pratique. Ces activités se poursuivront ainsi jusqu'à la célébration de la **fête d'anniversaire Vesak du Bouddha Shakyamuni** (calendrier bouddhique 2570) ; après quoi si les conditions sont réunies, **les monastères et pagodes organiseront des Retraites de courte durée : 10 jours, 2 semaines, voire 3 mois** (du 16.04 au 16.07 du calendrier lunaire). La Congrégation Bouddhique vietnamienne Unifiée en Europe, quant à elle, organisera une retraite de 10 jours, intégrée dans le traditionnel Séminaire bouddhique européen d'étude et de pratique du Dharma, le 37e en 2026.

Chers respectueux Vénérables moines et nonnes du Sangha,

Chers compatriotes, amis et fidèles bouddhistes,

Comme annoncé dans la note d'information n°3, le 37e Séminaire se tiendra en 2026 au lycée La Cadenelle de Marseille, en France, du 21 au 30 juillet 2026.

- **Mardi 21.07.2026 : Accueil des participants, Vénérables moines et nonnes, et apprenants.**

- **Mercredi 22.07.2026 : Cérémonie d'ouverture de la Retraite et du Séminaire.**

- **Mercredi 29.07.2026 : Cérémonie de clôture.**

- **Jeudi 30.07.2026 : Retour aux domiciles.**

Sous la direction et la guidance des Vénérables Supérieurs responsables du Conseil exécutif de la Congrégation Bouddhique vietnamienne Unifiée en Europe, le comité d'organisation local est composé comme suit :

- **Conseiller : Vénérable HT Thích Nguyễn Lộc.**

- **Responsable : Vénérable TT Thích Quảng Đạo.**

- **Responsable Adjoint : Vénérable moine ĐĐ Thích Hạnh Quang.**

- **Responsable Adjointe : Vénérable nonne NS Thích Diệu Trâm.**

- **Comité Accueil : Conseiller : Vénérable HT Thích Nguyễn Lộc.**

Responsables : Vénérables TT Thích Hạnh An, ĐĐ Thích Quảng An, ĐĐ Thích Thiện Toàn.

- **Comité Hébergement : Vénérables TT Thích Viên Tịnh, TT Thích Tâm Nhật.**

- **Comité Administratif : Vénérables NS Thích Diệu Trâm, ĐĐ Thích Hạnh Bốn, ĐĐ Thích Thiện Toàn, SC Thích Chân Đàn ; Hiền Tâm et les membres de la Famille et Jeunesse bouddhiste (GDPT) d'Allemagne.**

- **Comité Transport : Vénérable ĐĐ Thích Hạnh Quang coordonnera les bénévoles de Marseille.**

- **Comité Restauration : Vénérable TT Thích Quảng Đạo coordonnera les pagodes et les groupes de bénévoles pour la préparation des repas.**

- **Les soeurs Hoàng (Diệu Trang) et Thế (Diệu Dung) de Marseille seront chargées de contacter les fournisseurs en alimentation.**

La composition des autres comités sera finalisée ultérieurement.

Chers respectueux Vénérables moines et nonnes du Sangha,

Chers compatriotes, amis et fidèles bouddhistes,

Afin d'assurer le succès du 37e Séminaire bouddhique européen de 2026, nous espérons vous que puissent dès maintenant vous organiser pour participer, chers respectueux Vénérables moines et nonnes, à la Retraite d'été ; chers compatriotes, amis et fidèles bouddhistes, au Séminaire. Lors de ces 10 jours d'étude et de pratique du Dharma à la fin du mois de juillet 2026 les conditions seront optimales pour apprendre à accomplir des actes vertueux, acquérir la sagesse - des mérites et des bénédictions dans cette vie et les suivantes.

Comme chacun sait, une semaine après le Nouvel An lunaire Tết Bình Ngô - Cheval de Feu 2026, un violent conflit armé a éclaté en Iran, au Moyen-Orient, causant d'importantes pertes financières et matérielles aux deux camps, et impactant l'économie mondiale, notamment en faisant bondir le prix du pétrole... On ignore combien de temps durera cette guerre. Cependant, nous constatons tous que l'instabilité se propage comme une marée noire, avec des répercussions mondiales sur de nombreux aspects. Nous espérons que toutes les guerres, internes et externes, prendront bientôt fin, afin que l'humanité puisse enfin retrouver la paix. **Ainsi, les 10 jours de la Retraite et du Séminaire seront :**

L'occasion inestimable pour les Vénérables Moines et Nonnes, et les bouddhistes laïcs d'Europe de se retrouver et d'échanger selon les concepts Harmonie du Sangha et Pratique harmonieuse du Dharma des quatre groupes de disciples du Bouddha.

L'occasion pour des quatre groupes de disciples du Bouddha d'Europe de pratiquer les concepts Harmonie entre les êtres, Harmonie dans les idées et Harmonie dans l'application des préceptes.

L'occasion propice pour tous bouddhistes d'apprendre et de pratiquer le Bouddhisme Mahayana, de hisser le grand étendard du Dharma, de se délivrer du filet du doute, d'accomplir des actes méritants, de développer l'esprit de Bodhicitta et d'aspirer à concrétiser l'esprit compatissant du Bodhisattva Avalokiteshvara et le grand vœu du Bodhisattva Samantabhadra.

Afin de soutenir et contribuer au succès du 37e Séminaire de 2026, la Congrégation appelle les monastères et pagodes, compatriotes, les amis et fidèles bouddhistes à faire don d'un sac de riz d'une valeur de 35 euros.

Tous les mérites acquis lors de cette Retraite et du Séminaire de 10 jours seront dédiés à l'avènement d'une paix véritable pour toute l'Humanité. Comme l'a enseigné le Bouddha : « **QUAND L'ESPRIT ESPRIT EST PAIX, LE MONDE EST EN PAIX** ».

Nous souhaitons respectueusement aux Vénérables Moines et Nonnes l'harmonie des quatre éléments, la concrétisation du duo mérites et sagesse, le succès des accomplissements du Dharma, profitant à tous les êtres sensibles.

Nous souhaitons aux compatriotes, amis et fidèles bouddhistes, et à leurs familles la paix de l'esprit et du corps, la prospérité, l'exaucement de leurs vœux, une foi inébranlable dans les Trois Joyaux, ainsi qu'une longue vie et de nombreuses bénédictions.

Hommage au Bodhisattva des actes méritants.

Au nom du Conseil exécutif de la Congrégation Bouddhique vietnamienne Unifiée en Europe

Le Premier président

Le Deuxième président



Très Vénérable HT Thích Tánh Thiệt

Très Vénérable HT Thích Như Điển

Inscription au Séminaire : 1er QRCode pour les Vénérables, 2e QRCode pour les apprenants

ou lien <https://forms.gle/SCHjiGBAo8KsMqM16>

1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm 91000 Évry-Courcouronnes, France. Tél : +33.164935556. +33.770073399.
E-mail : thichquangdao@khanhanh.fr





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU
LA CONGREGATION BOUDDHIQUE VIETNAMIENNE UNIFIÉE EN EUROPE
THE UNIFIED VIETNAMESE BUDDHIST CONGREGATION IN EUROPE

Chùa Association Bouddhique **Khánh Anh**

Évry-Courcouronnes, ngày 14 tháng 1 năm 2026

THÔNG BẠCH

Tết Nguyên Đán Xuân Di Lặc Bình Ngộ 2026 PL 2569

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Kính bạch chư Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, quý Ni Trưởng, Ni Sư, chư Đại Đức Tăng Ni

Kính thưa quý Đồng Hương, Đồng Bào Phật Tử

Kính thưa quý vị,

Lại thêm một năm Ất Tỵ sắp sửa ra đi, nhường lại vũ trụ nhật nguyệt tinh tú cho Bình Ngộ lên ngôi ngự trị. Đứng trước thêm năm mới Bình Ngộ, thay mặt Hội Đồng Chứng Minh và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, kính chúc chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni và quý Đồng Hương Đồng Bào Phật Tử vô lượng an lành trong ánh hào quang từ bi và trí tuệ của chư Phật Bồ Tát.

Kính thưa quý vị,

Một năm Ất Tỵ vừa qua, cả thế giới nhân loại trải qua những tháng ngày lo âu hồi hộp, do những từ trường xung động biến thiên, bởi chiến tranh, thiên tai, hoạn nạn, không ngừng nghỉ, hết châu này rồi lại châu kia, hết nạn khổ này rồi lại đến nạn khổ khác xuất hiện. Bao lo lắng đè nặng lên tâm khảm con người, cũng may mắn thay, tất cả chúng ta đời sống vẫn còn nguyên vẹn, mỗi sáng thức dậy hơi thở vẫn còn đều đặn ra vào. Âu độ cũng nhờ phước nhân bao đời mà chúng ta đã gieo trồng từ vô lượng kiếp trước.

Là người tu học Phật, chúng ta hãy thành tâm niệm tưởng Tứ Trọng Thâm Ân, đã bảo bọc, đã chở che cho chúng ta tránh khỏi những nạn tai từ nhân giới lẫn nhiên giới. Nhờ ơn giáo dưỡng của Tam Bảo, nên chúng ta đã gieo trồng những hạt giống thiện lành, nên được thọ thân người trong kiếp sống đây ác trước này. Nhờ ân Cha Mẹ sanh dưỡng, nhờ sự giáo dục của sư trưởng thiện hữu, nhờ sự chở che của đất trời sơn hà đại địa quốc gia xã hội, nhờ sự nâng đỡ tương duyên của pháp giới chúng sanh.

Kính thưa quý vị,

Bao nhiêu phước duyên may mắn ấy, nhân dịp Tết Nguyên Đán Bình Ngộ - 2026 trở về trên đất khách quê người, hàng con Phật Việt bốn chúng tại Âu Châu, nên phát huy những tinh thần truyền thống văn hóa 3 ngày Tết, 4 ngày Xuân của Dân Tộc Việt Nam, để con cháu Việt Nam sanh trưởng tại xứ người, biết được cội nguồn văn hoá những tập tục cổ truyền quê hương.

- Tại tư gia thì quý hàng cư sĩ Phật tử nên trang nghiêm bàn thờ Phật, Ông Bà Tổ Tiên, tùy nghi phương tiện dâng lên tất cả những phẩm vật vốn có, để thể hiện lòng thành kính tri ân, Trời Phật, Ông Bà Tổ Tiên, gọi là uống nước nhớ nguồn và tri ân báo ân. Nhờ ân đức ấy, mà chúng ta đã trải qua một năm cát tường.

- Tại các Tự Viện là mái ấm, là hồn thiêng của Dân Tộc, là nếp sống của người con Phật Việt Nam, cho nên chúng ta càng phải trang nghiêm mọi cảnh vật lòng lay nhưng không kiêu kỳ hoa lệ quá mức, vừa đủ để cho mọi người khi đặt chân đến là cảm nhận được cái không khí Tết Nguyên Đán Quê Hương Việt Nam, để cùng chung vui chan hòa tinh dân tộc, nghĩa đạo pháp ngay giây phút hiện tại, đồng thời hoài niệm cái không khí Tết Nguyên Đán tại quê hương, chia sẻ niềm vui cùng thân bằng quyến thuộc thân hữu tại quê nhà.

Đặc biệt, chúng ta không thể thiếu những buổi **Tụng Kinh Phổ Môn, Huân Tu Được Sự Sám Pháp, Pháp Hoa Quán Âm**, ngõ hầu hồi hướng cho Thế Giới sớm Hoà Bình, cho Thiên Tai, Bệnh Dịch, Hoạn Nạn sớm tiêu trừ. Nguyên cớ cho những nhà lãnh đạo các quốc gia trên toàn thế giới, hãy vì tình thương yêu nhân loại, mà phát huy trí lực và tâm hồn bác ái, sẽ làm những gì cho lợi dân ích nước, để toàn thể nhân loại được sống trong không khí yêu thương hoà bình tịnh lạc, được hưởng sự an no hạnh phúc.

Sau cùng là nguyện cho toàn thể nhân loại, thôi hãy chấm dứt sự hơn thua ganh ghét thù hận lẫn nhau, hãy xem nhau như tình huynh nghĩa đệ, là con chung của một mái nhà bởi bầu trời trong xanh bao la bát ngát trùm cả quả địa cầu. Tình thương yêu sẽ đem đến một tâm tư ôn hoà tịnh lự an bình đúng nghĩa. Theo quan điểm triết lý Phật Giáo thì Tâm Cảnh không hai, ngoài Tâm không Cảnh, vì vậy Phật giáo có một thành ngữ rằng : **"TÂM BÌNH THẾ GIỚI BÌNH"**, được như vậy, thì chiến tranh từ nội tại cho đến ngoại cảnh sẽ không bao giờ xảy ra và thiên tai, bệnh dịch cũng không có cơ hội xuất hiện.

Kính chúc chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni pháp thể an khương, phước trí nhị nghiêm, Phật sự viên thành, đạo nghiệp viên dung.

Kính chúc toàn thể quý Đồng Hương Đồng Bào Phật Tử cùng Bưu Quyền một năm mới Bình Ngộ phước thọ điển niên, vạn sự cát tường, sự nghiệp như Ngựa phi nước đại.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát ma ha tát.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát ma ha tát.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát ma ha tát.

Thay Mặt

Hội Đồng Giáo Phẩm - Hội Đồng Điều Hành

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất Âu châu

Đệ Nhất Chủ Tịch Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt

Đệ Nhị Chủ Tịch Hòa Thượng Thích Như Điển

Quý Đạo Hữu

Quý vị Phật Tử ở Đức Quốc có thể cho mượn hội thiện, cúng dường chùa Khánh Anh Évry-Courcouronnes-Courcouronnes - Pháp Quốc mới qua trường mục

CHUA KHANH ANH

(Rev.Le/ Nguyen)

Konto - Nr.549.189.900

BLZ 250 700 24

Deutsche Bank-Hannover-Germany

IBAN : DE55 2507 0024 0549.



Tràng pháo đón tiếp Hòa Thượng Đệ Nhất Chủ Tịch HĐDH GHPGVN TN Âu Châu và Ông Thị Trưởng Évry-Courcouronnes mở băng tên đường 1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm.



GIÀO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU
LA CONGRÉGATION BOUDDHIQUE VIETNAMIENNE UNIFIÉE EN EUROPE
THE UNIFIED VIETNAMESE BUDDHIST CONGREGATION IN EUROPE

Chùa Association Bouddhique Khánh Anh

Évry-Courcouronnes, le 14/01/2026

COMMUNIQUÉ

**NOUVEL AN LUNAIRE - PRINTEMPS MAITREYA
CHEVAL DE FEU BÌNH NGỌ 2026 PL 2569**

Hommage à notre Grand Maître Shakyamuni Bouddha

Hommage au Futur Bouddha Maitreya

Chers respectueux Vénérables moines et nonnes du Sangha,

Chers compatriotes, amis et fidèles bouddhistes,

Mesdames et Messieurs,

L'année Serpent de Bois Ất Ty s'apprête à s'achever, cédant le trône de l'univers des astres et des étoiles à l'année Cheval de Feu Bình Ngọ. À l'aube de cette nouvelle année du Cheval, au nom du Conseil Suprême et du Conseil Exécutif de la Congrégation Bouddhique Vietnamienne Unifiée en Europe, nous adressons nos plus sincères vœux à tous les Vénérables Moines et Nonnes, ainsi qu'à tous nos compatriotes, amis et fidèles bouddhistes en vous souhaitant une paix et un bien-être infinis, instruits par la lumière rayonnante de compassion et de sagesse des Bouddhas et des Bodhisattvas.

Chères toutes et chers tous,

Durant cette année du Serpent Ất Ty achevant, l'humanité entière a connu des jours et des mois d'angoisse et d'appréhension, à cause des changements climatiques, des guerres, des catastrophes naturelles et des calamités ; sans relâche les malheurs s'enchaînent les uns après les autres, et d'un continent à un autre. Tant d'inquiétudes pèsent lourdement sur les cœurs. Nous sommes bénis d'être encore en vie, de pouvoir observer chaque matin notre respiration, l'air qui entre et qui sort. C'est le fruit de nos actions méritantes semées au cours d'innombrables vies.

En tant qu'apprentis et pratiquants bouddhistes, souvenons-nous sincèrement des Quatre Reconnaissances qui nous ont protégés des malheurs infligés par des Hommes et par la Nature. La première Reconnaissance est les Trois Joyaux - Bouddha, Dharma, Sangha - qui nous ont enseigné à semer les graines du bien, nous permettant de naître en tant qu'humains dans ce monde où subsiste le mal. La 2e, c'est nos Parents qui nous ont donné la vie, et nos Maîtres et Amis vertueux qui nous ont instruit et guidé. La 3e est la Nature, la Nation et la Société qui nous offrent leur protection. Et la 4e est tous les êtres sensibles qui nous apportent soutien et opportunités.

Chères toutes et chers tous,

Bénéficiant de ces bénédictions, à l'occasion du Nouvel An Lunaire du Cheval de Feu Bình Ngọ 2026 arrivant sur cette terre étrangère, en tant que membres des quatre groupes de disciples vietnamiens du Bouddha en Europe, nous devons promouvoir l'esprit culturel traditionnel des trois jours du Tết, des quatre jours du Printemps du peuple vietnamien, afin que nos descendants vietnamiens nés et élevés dans des pays étrangers puissent connaître leur racine, ainsi que la culture et les coutumes ancestrales de leur pays d'origine.

- A la maison, les bouddhistes laïcs devront orner solennellement les autels du Bouddha et des Ancêtres, garnir ces derniers d'offrandes, en fonction de leurs capacités, en guise de leurs sincères remerciements envers les Saints, le Bouddha, les Ancêtres... En effet, comme nous devrions nous souvenir de la source d'où vient l'eau que nous buvons, nous allons montrer notre gratitude et remercier les Reconnaissances grâce à qui nous avons connu une année propice.

- Les monastères et les pagodes sont des foyers chaleureux, des lieux sacrés de la Nation, révélant le mode de vie des bouddhistes vietnamiens. C'est pourquoi nous devons y préserver une atmosphère solennelle et de fête, sans excessivité ni extravagance, de telle sorte que tous ceux qui y viennent puissent ressentir l'esprit du Nouvel An lunaire vietnamien, être heureux de pouvoir partager ensemble la joie et l'harmonie d'un même peuple, et une des devises du Bouddhisme " vivre dans la pleine conscience l'instant présent " ; de pouvoir se remémorer le Nouvel An lunaire dans son pays d'origine et d'associer ce bonheur ressenti avec celui de la famille, des proches et des amis restés au pays.

Surtout, nous ne pouvons pas nous passer de la récitation du Sûtra de la Porte Universelle, du Sûtra de Repentance du Bouddha de la Médecine et du Sûtra du Lotus d'Avalokiteshvara. À la suite de quoi, nous pourrions dédicacer tous nos mérites à l'accomplissement de la paix dans le monde, et à l'éradication des catastrophes naturelles, des épidémies et des calamités. Nous prions également pour que les dirigeants des nations du monde entier, par amour pour l'humanité, développent leur sagesse et leur compassion, œuvrant pour le bien de leur peuple et de leurs pays, afin que toute l'humanité puisse vivre dans un climat d'amour, de paix et de sérénité, et jouir de la prospérité et du bonheur.

Enfin, prions pour que toute l'humanité mette fin à la rivalité, à la jalousie, à la haine et à l'animosité. Soyons comme des frères et sœurs, comme les enfants d'une même famille vivant sous le même toit qu'est ce vaste ciel bleu infini englobant cette Terre entière. L'amour engendrera une paix et une sérénité d'esprit véritables. Selon la philosophie bouddhique, l'esprit et l'environnement ne font qu'un ; hors de l'esprit, il n'y a pas d'environnement. Cela est décrit par l'expression imagée suivante : « Un esprit paisible mène à un monde paisible. ». Dans ce cas, les guerres, tant internes qu'externes, n'auraient jamais lieu, et les catastrophes naturelles et les épidémies n'auraient aucune chance de se produire.

Nous souhaitons respectueusement à tous les Vénérables moines et nonnes une bonne santé, la bénédiction et la sagesse, l'accomplissement des œuvres du Dharma et de l'illumination spirituelle.

Que la nouvelle année du Cheval de Feu Bình Ngọ apporte à tous les compatriotes, amis et fidèles bouddhistes, et à leurs proches, la bonne santé, la prospérité et la réussite des projets entrepris à l'image d'un cheval au galop.

Hommage au Bodhisattva du Mérite.

Hommage au Bodhisattva de la Sérénité et de la Joie.

Au nom du Conseil Suprême et du Conseil Exécutif de la Congrégation Bouddhique Vietnamienne Unifiée En Europe

Premier Président Très Vénérable HT Thích Tánh Thiệt

Deuxième Président Très Vénérable HT Thích Như Điền

CUỘC SỐNG...!!!

1. Là một con người có thể nghèo tiền, nghèo bạc chứ đừng bao giờ nghèo nhân cách và đạo đức.
2. Sự thủy chung và lòng chân thành là nền tảng của hạnh phúc trong bất kỳ mối quan hệ nào.
3. Bề ngoài sang đẹp đến đâu mà tâm hồn khuyết tật thì cũng không có giá trị. Vì vậy, cái đẹp cần siêng năng trau dồi mỗi ngày chính là cái đẹp từ trong tâm hồn.
4. Nếu không dùng lời nói để xoa dịu, yêu thương thì nên im lặng. Đừng nên nói những lời dèm pha, xâm soi, gây đau khổ cho bất cứ ai vì ta không là họ, không thể hiểu được những góc khuất mà họ đã trải qua.
5. Khi bạn nói ra bí mật của mình, chính bạn còn không giữ được thì trông mong gì người khác giữ bí mật cho bạn.
6. Mím cười không mệt, tức giận mới mệt. Đơn thuần không mệt, phức tạp mới mệt. Chân thành không mệt, giả dối mới mệt. Rộng rãi không mệt, ích kỷ mới mệt. Được mất không mệt, tính toán mới mệt. Thể chất mệt không hẳn là mệt. Tâm can mệt mới là mệt.
7. Đừng sợ khi bị chỉ trích. Nếu nó không đúng sự thật, bỏ qua nó. Nếu nó không công bằng, tránh bị tổn thương vì nó. Nếu nó khờ khạo, mím cười với nó. Còn nếu nó đúng, học từ nó...!!!

LỜI CHÚC TẾT

Mừng Một Tết Bình Ngộ

Khánh Anh Đại Tự Évry-Courcouronnes

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni

Kính thưa quý quan khách đại diện chính quyền địa phương

Kính thưa quý đồng hương đồng bào Phật tử

Kính thưa quý vị,

Đêm trừ tịch Giao Thừa giữa hai năm Ất Tỵ và Bình Ngộ, vừa trải qua vài tiếng đồng hồ thời gian và cũng ngay tại Đại Hùng Bảo Điện này, chúng ta đã có một thời Kinh Tụng Nguyên Cầu linh thiêng mẫu nhiệm. Trước đề tri ân Tam Bảo, Hộ Pháp Long Thiêng Thánh Chúng, Lịch Đại Tổ Sư và Ông Bà Tổ Tiên Cha Mẹ, Thầy Tổ và khắp pháp giới chúng sanh trong ba cõi sáu đường.

Và hôm nay đúng ngày Mừng Một Tết Nguyên Đán, ngày đầu tiên của năm mới Bình Ngộ, Chúng ta đồng nhất tâm hướng về Tam Bảo tụng kinh cầu nguyện cho địa cầu vũ trụ, sơn hà trăng sao, tốt lành tươi đẹp, tiết trời an hoà, quốc gia phú cường, nhơn loại thịnh vượng. Mong cho các cuộc chiến tranh sớm chấm dứt, thế giới hoà bình chúng sanh an lạc.

Kính thưa quý vị,

Hôm nay tất cả chúng ta, ngoài sự tri ân báo đức với Tam Bảo, với ông bà tổ tiên, với đất trời vũ trụ ra, chúng ta còn làm một việc siêu phàm vượt thánh, đó chính là sự Báo Phật Ân Đức. Bằng cách chúng ta vâng lời đức Phật dạy và khởi sanh niềm tin với đạo lý Nhân Quả. Vì niềm tin ấy mà tất cả chúng ta hôm nay đã y giáo phụng hành lời dạy Thế Tôn, bằng cách chúng ta tha thiết phụng tụng những lời vàng ngọc của đức Phật cho thấm vào tận thâm tâm và cũng là năng lực khiến cho hạt giống Phật tăng trưởng là dừng lại tất cả việc ác, làm tất cả việc thiện và lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Đây chính hạt giống phước đức thế gian vừa là công đức siêu xuất thế gian.

Kính thưa quý vị,

Trong giờ phút năm mới tinh khôi này, chúng tôi xin cầu chúc quý quan khách cùng bửu quyền năm mới Bình Ngộ đầy an vui cát tường hạnh phúc và thành tựu tất cả công việc ích nước lợi dân. Nguyên xin Tam Bảo gia hộ cho tất cả những người con Phật chúng ta, có được một năm mới luôn tinh tấn tu học Phật Pháp mỗi ngày.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát ma ha tát.

Vœux du premier jour du

Nouvel An Cheval de Feu

Grande pagode Khánh Anh à

Evry-Courcouronnes

Hommage au Bouddha Shakyamuni

Hommage au Bouddha Maitreya à venir,

Chers vénérables moines et moniales,

Chers représentants des autorités locales,

Chers compatriotes et fidèles bouddhistes,

Chers invités,

Lors du passage entre l'année du Serpent et celle du Cheval, ici même, dans cette Grande Salle du Bouddha, nous venons de passer quelques heures ensemble pour une cérémonie de prières, exprimant notre gratitude envers les Trois Joyaux, les divinités protectrices, les patriarches, nos ancêtres, nos maîtres et tous les êtres vivants dans les trois royaumes et les six voies.

Aujourd'hui, premier jour du Nouvel An Cheval de Feu, nous nous tournons ensemble vers les Trois Joyaux pour prier pour la paix de la planète, la prospérité des nations. Que les guerres prennent bientôt fin, que le monde connaisse la paix et que tous les êtres vivent en tranquillité.

Chers invités,

En ce moment solennel, outre le fait de témoigner notre gratitude envers les Trois Joyaux, envers les ancêtres et envers l'univers, nous accomplissons un acte noble : rendre hommage à la gratitude envers le Bouddha, en suivant ses enseignements et en cultivant la foi dans la loi du karma. C'est en raison de cette conviction que nous suivons fidèlement et pratiquons tous aujourd'hui les enseignements du Bouddha, en récitant ses paroles précieuses pour nous semer en nous la graine de la bonté qui nous guide à éviter le mal, à faire le bien et à œuvrer pour le bonheur de tous. C'est là la source de mérite et de vertu, aussi bien dans ce monde que dans l'au-delà.

Chers invités,

En cette nouvelle année, nous souhaitons à chacun, aux invités et à leurs familles, une année du Cheval de Feu pleine de joie, de réussite et de bonheur. Que les Trois Joyaux vous protègent et vous accompagnent dans votre pratique spirituelle quotidienne.

Hommage au Bodhisattva de la Vertu.



Sau khi Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt và Ông Thị Trưởng Évry-Courcouronnes chính thức mở bảng tên đường 1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm tất cả cùng nhau chụp hình lưu niệm.

LỊCH SINH HOẠT TRỌN NĂM 2026

CHƯƠNG TRÌNH SINH HOẠT

TẠI TỔ ĐÌNH KHÁNH ANH - BAGNEUX

- Chủ nhật 26.4.2026 (10.3 BN) Tụng kinh Pháp Hoa
- Chủ nhật 3.5.26 (17.3 BN) Tụng kinh Pháp Hoa/Huân Tu
- Chủ nhật 10.5.26 (24.3-Bình Ngộ) Tụng kinh Pháp Hoa
- Chủ nhật 17.5.26 (1.4 BN) Tụng kinh Pháp Hoa
- Chủ nhật 24.5.26 (8.4 BN) Phật Đản Khánh Anh Bagneux
- Chủ nhật 5.7.26 (21.5 BN) Tụng kinh Pháp Hoa
- Chủ nhật ngày 12.7.26 (28.5 BN) Tụng kinh Pháp Hoa
- Chủ nhật 19.7.26 (6.6 BN) Tụng kinh Pháp Hoa
- Thứ ba 21-30.7.26 (? 16.6 BN) Khóa giáo lý Ân châu kỷ 37 - Đại hội Khổng đạo.
- Chủ nhật 2.8.26 (20.6.6 BN) Huân Tu và Đức Quan Thế Âm
- Chủ nhật 9.8.26 (27.6.6 BN) Tụng kinh Pháp Hoa
- Chủ nhật 23.8.26 (11.7.6 BN) Vu Lan Khánh Anh Bagneux.

"Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn". Người phụ nữ gốc Việt hành khát ở Paris

Mỗi ngày hai buổi đi, về sở làm, Quốc phải đi qua ga xe điện-ngầm Montparnasse làm trạm trung chuyển. Có một ngày, đường xe điện ngầm về nhà Quốc tạm ngừng hoạt-động để sửa chữa, Quốc phải sử dụng đường xe điện ngầm khác trên cùng một ga trung chuyển, nhưng phải mượn lối đi qua hai hầm thang máy khá dài...

Khi vừa qua khỏi hầm thang máy thứ hai vài bước, Quốc thoáng thấy có một người phụ nữ ngồi xin tiền. Một chân bà bị teo nhỏ co quắp lại, ngắn hơn chân kia, một cặp nặng bằng kim loại sáng bóng sạch-sẽ nằm hai bên. Bà có vóc dáng của một người Á-Châu và ánh mắt của bà khiến Quốc cảm nhận như đã nhìn thấy ánh mắt này ở một nơi nào đó rất mơ hồ...

Đồng người phía sau Quốc thúc đẩy Quốc tiến về phía trước. Quốc vẫn đi, lòng tự hỏi, tại sao giữa Paris của nước Pháp lúc này lại có người khuyết tật ăn xin ?

Chính-sách an-sinh xã-hội của Pháp không thể để sự việc như thế này xảy ra, trừ trường hợp người nhập-cư bất hợp-pháp chưa được chính-quyền chấp thuận cho cư-trú dài hay ngắn hạn. Người khuyết tật là ưu-tiên của chính-sách an-sinh xã-hội Pháp.

Những ngày sau đó, buổi chiều đi làm về, khi bước ra khỏi hầm thang máy thứ hai Quốc vẫn thấy người đàn bà khuyết tật ngồi ngay tại một địa-điểm như những ngày hôm trước, dưới đất, trước mặt là một hộp giấy nhỏ để người hảo-tâm bỏ tiền vào. Bà ngồi im-lặng, không một lời hỏi xin khách đi ngang qua. Có lúc Quốc nhìn bà, mỉm cười. Quốc định ngừng lại bỏ tiền vào hộp giấy, nhưng một

ý-nghĩ chợt đến, Quốc tiếp tục đi. Quốc tự nhủ : "Những người như bà này được xã-hội ưu-tiên giúp đỡ, không đến nỗi nào phải xin ăn... làm ẽ mặt nước Pháp quá !"

Một ngày giữa tuần, sở làm có công việc cần giải-quyết gấp, tám giờ tối Quốc mới ra khỏi sở làm. Khi đến cuối hầm thang máy thứ hai Quốc không nhìn thấy người đàn bà khuyết tật ngồi nơi chỗ cũ. Sau giờ cao-điêm trong hành lang ga rất thưa người, Quốc có thể nhìn thấy bà nếu bà đang đi-chuyên một nơi nào gần đó...

Nhưng khi đến bến xe điện, Quốc thấy người đàn bà khuyết-tật đang đứng chờ chuyển xe đến, trên cùng hướng của tuyến đường Quốc sử-dụng. Quốc đến bên cạnh bà, cũng vừa lúc xe đến. Quốc đưa tay đẩy nhẹ sau lưng bà bước lên tàu. Một hành-động tự phát nhận-cách của một người trước một đồng-loại khuyết tật dù không được yêu-cầu.

Xe thưa thớt khách. Vừa ngồi xuống ghế, người đàn bà khuyết tật xếp hai nặng chung với nhau để qua phía bên chân bị tật. Quốc ngồi vào ghế đối-diện. Bà mỉm cười nhìn Quốc, nói bằng tiếng Pháp :

- Cám ơn ông.

- Thưa bà không có gì, Quốc trả lời.

Bà nhìn Quốc, hai mắt mờ lớn, Quốc vẫn thấy ánh mắt này mình đã gặp ở một nơi nào đó. Bà hỏi :

- Nhìn ông, nhận ra ông là người Châu-Á, nhưng không biết ông là người nước nào ?

- Tôi là người Việt-Nam.

Bà cười, giọng cười đầy thiện-cảm :

- Tôi cũng là người Việt-Nam như ông, tiếc rằng tôi không nói được tiếng Việt, còn ông, ông nói được tiếng Việt không ?

Quốc gật đầu :

- Tôi qua đây không lâu lắm nên còn nói được tiếng Việt như người trong nước.

Về mặt bà thoáng suy-tư :

- Minh người Việt, không nói được tiếng Việt, cũng thiệt-thời phải không ông ?

Quốc chưa kịp trả lời câu hỏi thì loa phát-thanh trên tàu điện ngầm thông báo trạm đến để Quốc đổi tàu. Quốc hỏi :

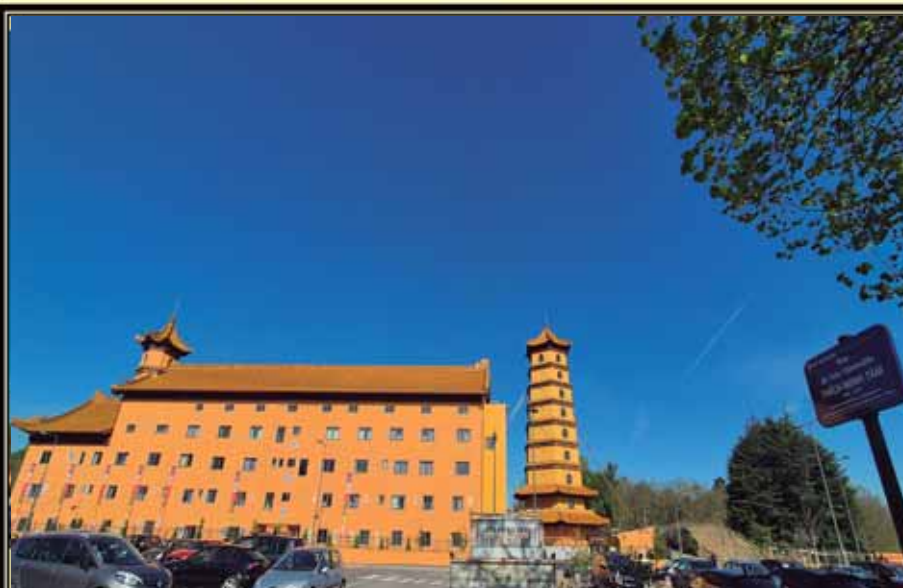
- Bà xuống trạm nào ?

- Tôi sẽ xuống trạm cuối của đường tàu này, nhà tôi gần đó.

Đúng lúc, cửa tàu tự động mở, Quốc xuống xe. Khách xuống xe và khách lên xe che khuất tầm nhìn của Quốc đang quay người lại để chào bà.

Ngày hôm sau, đường xe điện ngầm tạm ngừng lưu-thông để sửa chữa hoạt động trở lại, Quốc sử dụng đường xe điện ngầm cũ nên không còn gặp, nhìn lại người đàn bà khuyết tật, tuy nhiên lòng Quốc vẫn phân-vấn : "Bà ta, người gốc Việt-Nam, không biết nói tiếng Việt, chỉ nói được tiếng Pháp, đi xin tiền giữa thủ-đô nước Pháp, không bị người Pháp có lòng tự ái dân-tộc pha lẫn bản chất kỳ-thị màu da xưa quở ! Ngay chính bản thân, khi nhìn thấy người đàn bà khuyết-tật này xin tiền Quốc cũng cảm thấy khó chịu...bà làm tổn thương đến chính sách an sinh xã hội nước Pháp ! Quốc nghĩ, không biết có cần-thiết gặp lại người đàn bà này không ? Vì bà là đồng-hương cơ-cư ? Vì sao bà bị tật nguyên như vậy ?"

Thời gian trôi qua, Quốc đã không còn nhớ gì đến người đàn bà khuyết-tật. Khoảng sáu tháng sau, buổi tối ngồi xem tin-tức thời-sự của đài truyền-hình France 3, một đài địa-phương của thủ-đô Paris và vùng phụ cận, một bản tin được phát ra với hình ảnh người đàn bà khuyết tật xin tiền trong hầm xe điện ngầm đang trao một phong bì cho cho một người, cùng lời của người phát tin : "Hôm nay là năm thứ sáu, bà Therèse Tran một người tàn-tật, đã trao tặng cho hội Chữ Thập Đỏ nước Pháp 5.000 Francs Pháp, số tiền này do bà quyên được hàng ngày của khách lại vãng trong những hầm xe điện ngầm của thành phố Paris. Quý khán thính giả của đài đã từng được xem bằng tương trình bằng hình ảnh công việc của bà trong một chương-trình ĐỒNG GÓP CHỖ TÔI CHÚC NHAN-ĐẠO trước đây trên đài truyền hình của chúng tôi. Bác-sĩ đại-diện hội Chữ Thập Đỏ Pháp đang nhận số tiền này từ tay bà".



Hiện giờ bảng tên 1 Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm đã được đặt trên 2 góc đường. Khi công trình thành phố hoàn thành, thì sẽ có thêm 2 tấm bảng khác từ bảng bình hướng dẫn vào chùa.

Bản tin tức khích-dộng trí tò mò của Quốc. Ngày hôm sau trên đường từ sở làm trở về nhà, Quốc chọn tuyến đường xe điện ngầm thời gian trước đây đã cùng bà sử dụng chung một chuyến. Khi đi qua khỏi trạm thang máy thứ hai, Quốc nhìn thấy bà vẫn còn ngồi tại chỗ. Quốc tiến thẳng vào hành lang đường hầm, đến tuyến đường xe điện, cố ý ngồi chờ gặp bà. Gần mười chuyến tàu ngừng cho khách lên xuống rồi tiếp tục chạy... Quốc nhìn thấy bà đang chống nạng xuất hiện đầu đường hầm, Quốc đi nhanh về phía bà ngơ lờ chào. Bà chào lại và đưa tay bắt tay Quốc. Bà cười rất tươi, nói với Quốc :

- Lần đầu tiên gặp ông cùng trên tuyến xe này cũng khá lâu, tưởng là không còn gặp lại ông nữa, Paris có hơn mười tuyến đường xe điện ngầm và hàng vài chục ga trung chuyển... gặp nhau lại trên cùng tuyến xe rất hiếm. Gặp ông lúc đó, thấy ông lạnh lùng đối diện với một người ăn xin vì đói ăn và tàn tật như tôi. Hôm nay có khác, thấy nét mặt ông tươi vui và còn chờ tôi để kể mấy chuyện xe ? Nếu tôi đoán không sai, ông muốn gặp tôi hôm nay vì đêm qua ông đã nhìn và nghe được mẩu tin-tức về tôi trên đài truyền-hình France 3 : Một người đàn bà Pháp gốc Việt, tội nguyên ăn xin để làm việc thiện ? Và rất tiếc phải để ông chờ... vì tôi thấy ông đi qua chỗ tôi vừa rồi... giờ này ông vẫn còn ở đây ? Quốc cảm thấy bối-rối trước những lời khẳng định và nghi bện của bà, Quốc chưa kịp đáp lời thì chiếc tàu điện ngừng, cửa mở, hành khách lên tàu. Một hành khách lịch-sự nhường chỗ cho bà. Quốc đứng bên cạnh và có dịp quan sát khuôn mặt thanh tú của bà, mái tóc đen chen lẫn vài sợi trắng hai bên thái dương. Cặp mắt của bà có một sức lôi cuốn kỳ lạ, người nhìn cảm thấy như bản thân mình bị thu hút lại như bị hút vào bên trong... cặp mắt mà Quốc đã nhìn thấy một nơi nào đó vào một thời kỳ rất xa, và rất xa. Xe ngừng. Khách xuống, không có khách lên. Quốc ngồi xuống chiếc ghế trống bên cạnh bà. Hai người không nói gì với nhau cho đến lúc loa tàu báo tên trạm ngừng sắp tới, bà hỏi Quốc :

- Chắc ông xuống trạm này vì kỳ trước ông đã xuống đây. Quốc cười, lắc đầu :

- Hôm nay tôi không xuống đây, xin được theo bà để được nghe bà cho nghe chuyện bà đi quyền xin tiền làm từ thiện.

Bà cười, hai tay ôm hai chiếc nạng vào người, nói :

- Ông thấy đó, vừa rồi tôi nói có sai đâu, hôm nay ông đón gặp tôi chỉ vì tin tức về tôi trên đài truyền-hình tôi hôm qua. Có lẽ trước đây ông không theo dõi tin-tức trên truyền hình France 3 nên không biết. Tàu chạy ổn quá, vậy hãy đợi đến trạm cuối, bên ngoài ga có quán nước, chúng ta đến đó nói chuyện thoải mái hơn, và đây cũng là người Việt-Nam đầu tiên trực tiếp muốn biết chuyện này. Mong rằng ông không phải là người của tòa Đại-sứ Việt-Nam, phòng văn, ghi âm lên rồi tráo trở chình súa, viết lại... trái với trung thực rồi họ cho là đài France 3 tuyên truyền, hư

cấu, giàn dựng... Chuyện của tôi là chuyện của tôi, chỉ vậy thôi.

Hai người đi vào một quán nước gần kề lối ra của hầm xe điện ngầm. Thời tiết đang vào cuối tháng tư nhưng vẫn còn se lạnh, bà chọn một bàn bên ngoài quán và nói với Quốc : - Chắc là hôm nay tôi sẽ về nhà trẻ, mẹ tôi sẽ phải đi tìm đón về, ngồi bên ngoài để bà dễ tìm thấy, trời còn lạnh, nếu ngồi bên trong thì ấm hơn. Tôi vẫn có thói quen, những chiều tôi không việc gì làm, ở nhà buồn lắm hay ra ngồi đây uống cà-phê nhìn người qua lại, về nhà trẻ, bà cụ đi tìm đón về... lại nghe những lời trách hàm chứa yêu thương... đã trở thành thói quen không bỏ được. Nhà cũng gần đây nhưng cũng tôi cho bà cụ, vào mùa đông, khi có tuyết rơi, bà cũng đội tuyết đi tìm đứa con tàn tật này !

Hai tách cà-phê được mang đến, bà đưa tay phải lấy viên đường. Quốc nhìn thấy bàn tay của bà bị co quắp trừ ngón cái và ngón trỏ còn cử động được, ba ngón còn lại áp chặt vào lòng bàn tay. Bà cầm muỗng khuấy tách cà-phê nhẹ nhàng và rất bình thường, không vướng víu... Quốc thấy lòng dâng lên nỗi ái-ngại khi vừa khám phá thêm bàn tay của bà, Quốc quên đi ly cà-phê của mình... đến khi cà-phê được nhấm nháp rồi để xuống bàn, Quốc đang tìm lời để vào câu chuyện thì bà nói như đề nhắc Quốc :

- Không biết tôi phải gọi ông là gì đây ? Còn tên tôi thì ông đã biết rồi, trên đài truyền-hình France 3, nay giờ thiếu thì quá trễ. Khôi cần lập lại phải không ông ?

Bà cười vui vẻ, tự nhiên. Quốc nhận ra sự vụng về của mình, áp-ung trả lời :

- Được gặp bà hôm nay, lòng tôi phần khởi vô cùng, nên quên giới thiệu tên, mong bà thông cảm. Xin bà gọi tôi là Nguyễn... Nguyễn-Minh Quốc.

- Việt-Nam mình sao nhiều Nguyễn thế ! Đi đầu trên xứ Tây này cũng gặp Nguyễn. Bà cười, hai mắt nhिều lại nhìn Quốc, tay bị tật cầm chiếc muỗng gỗ nhẹ vào thành miệng tách cà-phê.

Quốc vui theo cái vui của bà, đề cập thẳng vào chuyện :

- Bà Trần có thể kể cho tôi câu chuyện về trường hợp nào đưa bà vào việc làm ăn xin để có tiền giúp cho Hội Từ Thiện ?

Bà trầm ngâm một chốc rồi bắt đầu câu chuyện :

- Tôi rời Việt-Nam vào năm tôi được sáu tuổi vì lý do thương tật của tôi. Vào thời đó Việt-Nam đang có chiến tranh và tôi cũng là một nạn-nhân của chiến tranh. Tôi là nạn nhân của chiến-tranh, nhưng bị thương tật do bị tra-tấn, không phải do bom đạn. Lúc đó ba tôi lái xe cho bệnh-viện Grall của Pháp ở Sài-gòn, trong khi mẹ tôi và tôi sống ở quê nhà, thị trấn Vĩnh-diện, miền trung Việt-Nam, chỉ cách xa thành phố có Hội An không tới mười cây số. Mẹ tôi có một tủ kính nhỏ buồn bán vòng vàng trong chợ. Buổi sáng tôi theo mẹ ra chợ, buổi chiều tan chợ, theo mẹ về nhà. Buổi tối, thỉnh-thoảng mẹ tôi dạy tôi đọc và tập

viết chữ a, b, c, d. Tôi chưa đến trường, mẹ nói tôi còn quá nhỏ, chưa đủ tuổi đến trường. Đêm nằm ngủ với mẹ, tôi nghe có tiếng i-âm từ xa xa vọng vào nhà, tôi hỏi mẹ đó là tiếng gì thì nghe mẹ thờ dài, giọng buồn buồn trả lời :

- Đó là tiếng súng đại-bác, chắc là hai bên đang đánh nhau một nơi nào đó, chiến tranh ngày một rộng ra, dân ở quê bắt đầu khổ rồi, buồn bán i-âm.

Nói xong, mẹ ôm tôi vào lòng, im lặng, tôi nghe tiếng đập của tim mẹ.

Rồi một đêm đang ngủ, tôi giật mình thức dậy vì nghe tiếng súng nổ "cắc bùm"... "tạch... tạch", tiếng "chéo chéo" của đàn bay... tiếng gà kêu "cục tác" "cục cục" tiếng heo kêu "ut...ut", có tiếng trẻ con khóc ré lên có lẽ vì sợ... rồi có tiếng ai đó nói to : "Chắc mấy ông đang đánh úp quận. Ở đâu mà mấy ông về từ bề, đông thiệt là đông ?" Mẹ lôi tôi ra khỏi giường, đẩy tôi xuống gầm giường, mẹ nằm bên cạnh. Người mẹ tôi run rẩy, tôi cũng run như mẹ.

Trước đây không lâu, nghe lời khuyên của bạn bè trong chợ, mẹ đã nhờ người ta mua bao cát nhô chắt quanh giường ngủ thay vì đào hầm để tránh đạn... nay hai mẹ con tôi có chỗ nằm để tránh đạn.

Rồi tiếng súng im bất. Tiếng chân người chạy vội vã, tiếng đập cửa liên hồi, tiếng gọi tên người này rồi người khác... tiếng năn nỉ, âm-ức khóc... Lại một tiếng la to : - "Bắn"... một tiếng súng nổ... tiếng đạn bà con nít khóc ré lên nghe thảm thiết. Mẹ ôm chặt tôi rồi. Mẹ kéo nhẹ tôi ra khỏi gầm giường vừa lúc có tiếng đập cửa âm ầm, tiếng chân đá vào cửa rầm rầm... Có tiếng ra lệnh : - "Mở cửa ! mở cửa ! Nếu không tuân lệnh, quân Giải-phóng sẽ phá cửa... nếu không mở, chúng tôi, quân Giải phóng sẽ bắn tại chỗ !"

Mẹ khóc, run lẩy bẩy tiến về phía cửa, trả lời lập cập :

- Tôi mở... tôi mở... nhà không có đàn ông, con trai, chỉ có hai mẹ con tôi là đàn bà con gái !

Cửa mở, ánh sáng tràn vào. Tôi nhìn thấy có mấy người ulla vào nhà. Mẹ tôi co rúm người lại. Những người này có mạng súng chạy tìm kiếm, lục lạo khắp nơi trong nhà, họ nhìn xuống hầm giường mẹ con tôi ngủ và hét lên : "Có còn ai trốn trong đó không thì ra ngay, bắt được quân Giải phóng sẽ không tha !"

Áo quần họ mặc không giống như áo quần quân lính Quốc gia ở quận. Người mặc quần ngắn, kẻ mặc quần dài, áo tay ngắn, tay dài. Người đi chân không, người mang dép vô lốp xe. Đàn ông mang súng, con gái có người cầm gậy, có người tay không.

Sau khi lục soát nhà xong, một người trong toán lục soát tiến ra cửa nói lớn :

- Báo cáo đồng chí, đã lục soát xong, không có gì khả nghi.

Một người đi vào. Lưng có đeo một súng ngắn. Tôi nhận ra ngay là

anh Kéo vì anh mặc cái quần kaki đen có cái lỗ bị cháy nơi đầu gối. Cái quần kaki đen này ba tôi mua ở Sài-gòn tặng anh Kéo nhân dịp về ăn Tết với gia đình hơn một năm trước đây mặc đầu anh đội cái mũ tai bèo che phủ hơn nửa phần mặt. Cái lỗ bị rách của cái quần nơi đầu gối là do anh Kéo tạo ra một phần, một phần do tôi. Ngày hôm đó mong bốn Tết mẹ mở cửa hàng, sau Tết nên có không ít người đến mua bán. Anh Kéo làm việc cho tiệm vàng của mẹ. Anh thử vàng thật hay giả, anh làm nhẫn, làm giấy chuyển.

Hôm đó khách hơi đông, anh Kéo quên tắt lửa ống hàn xì khi anh đang trao đổi chuyện với khách hàng, vô-ý, mò hàn xì làm quần anh bị cháy thủng một lỗ nơi đầu gối, cái quần kaki đen ba tôi mua tặng mặc dịp tết. Khi không còn khách hàng, tôi tình-nghịch chọc ngón tay trở vào cái lỗ bị cháy của ống quần kéo mạnh tay, cái lỗ bị cháy rách rộng ra, anh Kéo không nói gì, chỉ cúi xuống vuốt vuốt chỗ bị thủng rách. Nhưng tôi bị mẹ phát cho mấy bản tay vào mông vì cái tội tình-nghịch.

Mặt trời đã mọc. Anh Kéo lôi mẹ vào góc nhà, anh rút khẩu súng đeo bên hông đi vào trán mẹ. Mẹ tựa lưng vào tường, người khụy xuống nhưng đứng vững bằng hai tay chống trên hai đầu gối. Miệng mẹ há ra, hai mắt mở to, đầy nước mắt. Anh Kéo hỏi lớn :

- Vàng để đâu, đem hết ra đây đóng góp cho Mặt-Trận.

Mẹ ngồi bệt xuống đất, hai tay chấp lại, vừa vãi anh Kéo liền hỏi vừa chỉ cái bình hoa cắm hoa giấy trên bàn thờ, nói không thành tiếng :

- Có bao nhiêu tôi giấu hết trong cái bình hoa đó, lấy ông, ông lấy hết đi và tha cho hai mẹ con tôi.

Lúc anh Kéo đi đến bàn thờ cầm cái bình hoa lên, vứt những vòng vàng giấy rồi trút hết những vòng vàng trong bình xuống mặt bàn thờ, tôi thấy hai mắt anh sáng lên, mặt mắt dần về hung ác. Trọng lúc anh Kéo đang lấy những chiếc nhẫn vàng đeo vào những ngón tay, tôi bò đến ngồi bên cạnh mẹ, khóc âm-ức.

Khi anh Kéo lấy hết vàng trên bàn, anh quay lại đứng trước mẹ, lúc này mặt anh trở lại hung dữ như trước. Anh dí mũi súng vào trán mẹ hét lên :

- Vàng còn giấu nơi nào nữa hãy chỉ mau, nếu còn giấu giếm Cách-mạng sẽ không tha chết đâu !

Mẹ lại khóc, lại chấp tay vái lạy anh Kéo. Lần này mẹ quỳ hai gối, đầu rạp xuống trước chân anh Kéo, mẹ nói đứt từng hơi một :

- Ông biết rồi mà, trước đây ông làm việc với tôi, ông biết tôi chỉ có vốn liếng ba lượng vàng, làm thành mấy mà bày trong tủ kiếng. Khi bán gần hết tôi phải vào Hội-An mua thêm vàng cho đủ số vốn ba lượng. Nay còn bấy nhiêu đã chỉ



Chư Tăng Ni và quý Phật Tử tại Marseille, Đại diện Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 37 - Marseille có buổi giao lưu với ông Hiệu Trưởng và các vị phụ trách Lycée La Cadenelle.

cho ông rồi đó, ông đã lấy hết rồi, đâu còn nữa mà giấu.

Anh Kéo ra đầu tay kêu hai người cùng trong nhóm rồi ra lệnh :

- Hãy trói con mẹ này lại hỏi còn vàng giấu đâu, nó ngoan cố, thay mặt chính quyền Cách-mạng bắn bỏ.

Tôi nghe nói bắn chết mẹ, tôi vùng đứng lên chạy đến ôm cánh tay anh Kéo, nước mắt chan hòa, tôi xin anh Kéo tha cho mẹ, đừng bắn mẹ. Anh Kéo vùng tay thật mạnh làm tôi té nhào xuống đất. Anh ra lệnh :

- Các đồng chí cột chân con nhỏ này lại treo lên xà nhà để xem mẹ nó còn ngoan cố tới đâu, còn giấu vàng mà không chịu khai báo.

Tôi bị hai người đè xuống nền đất, họ cột một chân của tôi rồi kéo lên treo lơ lửng giữa nhà. Tôi vùng vẫy, kêu la trong sự đau đớn. Mẹ nằm co rúm trên nền nhà, dường như sợ hãi chen lẫn đau đớn tốt cùng làm mẹ mất trí, làm nhảm :

- Anh làm cho tôi, anh biết mà, vốn liếng của tôi chỉ có ba lượng làm mồi cho khách lựa chọn... khi gần hết hàng... phải vào Hội-an mua thêm vàng cho đủ ba lượng... nay anh làm Cách-mạng, anh lấy hết rồi... còn đâu nữa mà giấu ! Anh tha cho con tôi, nó còn nhỏ, nó có biết gì đâu !

Tôi nghe có tiếng họ nói với nhau :

- Con mẹ này còn ngoan cố, không nên tha cho nó, các đồng chí đồng ý không ?

- Đồng-ý... đồng-ý !

Cái chân bị cột của tôi càng lúc càng làm tôi đau thêm. Tiếng đồng-ý, đồng-ý làm tôi khiếp người. Đến một lúc tôi nghe từ cái chân bị cột căng đến tận cùng, tôi nghe từ khớp xương mông phát ra một âm thanh như một cành cây khô có ai đâm lên làm gãy, tôi hét lên và không còn nghe biết gì quanh tôi.

Rồi tôi nghe có tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập, tiếng súng nổ thưa thớt, tiếng trẻ con gọi cha, gọi mẹ, gọi anh, gọi chị. Tiếng khóc rung-rức âm độ khác nhau trong cả khu xóm. Tôi mở mắt nhìn quanh nhà, duy nhất chỉ còn mẹ đang đứng trên ghế, nâng người tôi lên, với tư thế này tôi cảm thấy chân bị trói của tôi bớt đau một chút. Mẹ tìm cách mở giày đỡ tôi xuống đất không được, mẹ đứng như vậy vừa nâng người tôi vừa ôm tôi vào ngực, áp mặt vào thân tôi. Hơi thở của mẹ dồn dập, nóng hổi, thôn thức. Toàn thân tôi, tay chân tê lạnh, chỉ có đầu và mặt tôi nóng hừng hực, hai mắt tôi như có những ngôi sao nằm bên trong.

Cả khu xóm lại yên-lặng... Tiếng một ai đó nói lớn như muốn cho mọi người cùng nghe :

- Chứng nó rút đi rồi. Linh Quốc-gia từ Đà-nẵng kéo vô, từ Hội-an đổ xuống đông lắm.

Có tiếng vỗ tay rời rạc, có tiếng nói với nhau mang âm hưởng vui mừng và bình tĩnh hơn.

Mẹ thở ra một hơi dài thật mạnh, rồi kêu lớn :

- Bà con ơi, có ai đó cứu con tôi với... không thì nó chết mất. Bà con ơi, xin cứu con tôi...

Tiếng kêu cứu của mẹ như muốn làm vỡ tung ngôi nhà mái tôn. Nhiều người chạy đến, những ông bà lớn tuổi và con nít. Mấy ông mấy bà tìm cách tháo giày trói không được. Họ dùng dao cắt đứt giày, tôi rơi xuống. Mẹ và mấy ông mấy bà cố đỡ tôi cho khỏi rơi xuống đất, nhưng đã rơi và sức nặng của cơ thể tôi đã không giữ lại được giữa những bàn tay. Tôi rơi xuống nền đất, mẹ ngã trên người tôi vì cố giữ tôi trên tay.

Tôi hét lên...và không còn biết gì nữa.

Chị Thérèse nói tiếp, giọng nhẵn nhụi :

- Khi tôi tỉnh lại, mẹ đang ngồi bên tôi, mặt mũi và buồn rầu. Mẹ cười, hai môi như bị méo, để bàn tay lên trán tôi, mẹ hỏi giọng nghẹn ngào :

- Con tỉnh lại rồi, con còn bị đau nhiều không ? Con ráng chịu đựng rồi sẽ khỏi, con của mẹ !

Tôi cảm thấy một nửa thân tôi và toàn chân bên trái bị bó cứng, bàn tay bên phải cũng bị bó cứng, tôi không cựa quậy được. Toàn thân tôi còn đau đớn nhưng tôi cảm thấy chịu đựng được nên gật đầu trả lời cho mẹ tôi rằng không còn đau nhiều, tôi muốn nhìn thấy mẹ an-tâm.

Tôi được điều trị thương tật ở bệnh-viện Hội-An. Chân phải của tôi bị trật xương khớp háng, các mạch máu không dẫn máu đến được nên toàn chân phải bị chết. Bàn tay phải của tôi bị gãy mấy ngón tay, vì khi được cắt giấy bị treo trên xà nhà rơi xuống, bàn tay tôi chống đất trước. Hội đồng bác sĩ của bệnh-viện không chấp thuận đề nghị của bác sĩ điều trị cắt một phần chân của tôi vì sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Ba tháng sau tôi được xuất viện, chân tôi không đau thặng được, vẫn cong, nên tôi phải dùng nạng. Ba ngón tay của bàn tay phải bị gãy, khẹp vào lòng bàn tay không cử động được.

Mẹ bán nhà, hai mẹ con vào Sài-gòn sống với ba. Biết được tình trạng thương tật của tôi, bác sĩ người Pháp giám-đốc bệnh viện Grall cũng là hội-trưởng hội Chữ Thập Đỏ của Pháp tại Việt-Nam đã làm thủ tục đưa tôi qua Pháp để được tiếp tục chữa trị.

Một gia-đình người Pháp không con nhận bảo trợ cho tôi. Tôi rời Việt-Nam năm 1967, vừa đúng sáu tuổi.

Gia-đình người Pháp bảo trợ cho tôi gốc Bô-đao-Nha rất sùng đạo Thiên-chúa. Chống làm việc cho một hãng bảo chế thuốc. Vợ là y-tá điều dưỡng của một bệnh-viện, Gia-đình cư ngụ vùng Bắc thành-phố Paris.

Một tuần có hai ngày tôi được xe bệnh-viện đón đưa đến trung tâm Phục hồi Chức năng để được săn sóc thương tật. Những ngày còn lại trong tuần tôi cũng được xe đưa đón đi học tại một trường dành cho trẻ em khuyết-tật.

Mặc dầu được chữa trị bằng phương tiện y-khoa tân-tiến vào thời đó, thương tật của tôi không trở lại bình thường... và tôi trở thành khuyết tật vĩnh viễn. Gia-đình bảo trợ tôi không muốn tôi trở lại Việt-nam, làm thủ-tục xin nhận tôi làm con với sự đồng ý của ba mẹ tôi.

Tôi tiếp-tục được đi học chữ tại trường cho người khuyết-tật đến hết chương-trình trung-học. Cuối tuần hay những ngày nghỉ lễ, tôi phụ giúp cho chi hội Chữ-thập-Đỏ địa phương, làm nhiệm vụ tiếp nhận tặng phẩm và

tiền bạc của những người hảo-tâm đem đến ủng hộ cho hội hoặc đôi khi lập thành phóm đi lạc-quyên ngoài đường phố hay tại các trung-tâm thương mại lớn.

Năm 1975, tôi đang chuẩn bị vào trung-học đệ nhị cấp thì tại Việt-Nam chính quyền Cộng sản Miền Bắc đánh chiếm và cai-trị Miền Nam. Ba mẹ tôi được sử-quân Pháp cho phép theo nhân viên người Pháp phục-vụ tại bệnh-viện Grall qua Pháp tị-nạn vì sợ chính quyền mới qui tội làm việc cho ngoại bang. Tôi tiếp tục học hết trung-học, vào đại-học, rồi ra trường đi dạy. Hai người bảo trợ cũng đi chạ mẹ nuôi tôi sau này lần lượt theo hầu Đức Chúa Trời vì cao tuổi. Ba tôi cũng rời bỏ hai mẹ con tôi sau một cơn bệnh đột-ngột vì tim.

Năm đó, tôi ba mươi bảy tuổi. Mẹ rời bỏ tinh, lên Paris sống chung với tôi. Theo lời trần trời của ba muốn đem tro cốt về quê nhà, mẹ và tôi quyết định đi về thăm Việt-Nam.

Sau khi tro cốt của ba được được gởi trong chùa ở Hội-An và vài ngày thăm viếng bạn bè quen biết, mẹ và tôi trở ra Vĩnh-Điện thăm làng xóm cũ. Tôi không còn ghi nhớ gì phiêu khung cảnh ở đây vì đã rời gần ba mươi năm trước, Chỉ nghe người thân quen của mẹ nhắc lại chuyện giặc giã ba mươi năm trước tàn công và chiếm đóng thị-xã và tôi là một phần nhỏ trong vùng tại u xóm cũ lên đường vào Sai-Gòn, trở lại Pháp, mẹ mời vài người thân quen ngày trước cùng buôn bán trong chợ cạnh tủ vàng của mẹ, tham dự một bữa cơm thân mật tại một nhà hàng nhỏ. Đang lúc ăn và chuyện trò vui vẻ thì bỗng dưng mọi người ngừng nói. Một ông bác hỏi mẹ :

- Thím Ba có nhận người này là ai không ? Ông nhìn về hướng cửa vào nhà hàng ăn. Tôi và mẹ nhìn theo hướng nhìn của ông... Một ông già chống nạng cụt một chân, hai mắt bị mù, được một cô gái có cổ nghêng qua một bên, mặt hướng lên Trời dẫn đi. Hai người tiến gần đến bàn ăn của chúng tôi. Họ đang đi xin ăn.

Mẹ tôi lắc đầu trả lời bác, nói "không biết".

- Thằng Kéo mà thím không nhận ra sao, ngày trước nó là thợ làm vàng cho thím đó..., ông bác nói với mẹ.

Mẹ mở to mắt, miệng há ra, rồi nhắm mắt lại thờ ra, khi nhận ra tên người làm hồi trước. Tôi thấy toàn thân cứng lạnh, sợ hãi khi nhìn lại kẻ đã cột treo mình lên xà nhà để tra khảo mẹ nơi giàu vàng mấy chục năm trước. Ông bác kể :

- Sau cái năm nó kéo du-kích về đánh chiếm Vĩnh-Điện mình một đêm, một ngày, thì thị xã được lính Quốc-gia chiếm lại bọn nó rút về Gò-nổi, bị máy bay Quốc-gia đập bom banh càn, nó mất một chân...

Sau chiến tranh, chính-quyền mới cho làm khóm trường đầu bên Gò-nổi, một đêm tối, sau khi đi vận động

nông-dân vào hợp tác-xã nông-nghiệp, trên đường về, nó bị mấy người lạ mặt chặn lại đánh bị thương nặng, làm mù hai mắt, rồi trói lại bỏ trong ruộng dàu. Đưa con gái dẫn nó đi ăn xin là con của nó, khi sinh ra đã bị tật như vậy.

Tôi nhìn cô gái, mặt cứ ngửa nhìn lên trời. Tôi chợt nhớ đến cái đêm tôi bị trói, treo lên xà nhà, mặt mẹ lúc nào cũng ngược lên nhìn tôi, đau đớn, sợ hãi và chan hòa nước mắt. Còn cô gái này suốt đời phải ngược mặt nhìn trời là tại làm sao vậy ? Trần gian này đang quá khổ đau nên không dám nhìn xuống ? Cầu xin ơn trên tha lỗi cho cha mình đã một thời gieo rắc tang thương cho đồng bào mình ? Nếu đúng vậy thì tội tình này đã đến với cô một cách bất công và cay nghiệt ! Lòng tôi ái-ngại khi nhìn thấy cô.

Ông bác kể tiếp :

- Chính-quyền địa-phương xếp nó vào diện thương binh liệt-sĩ, được trợ cấp, nhưng không đủ sống, dân địa-phương xa lánh vì sự tàn bạo nó đã gây ra trước đây, rồi vợ bỏ, để lại đứa con rồi đi biệt xứ. Hàng ngày hai cha con rời làng vào đây xin ăn.

Khi hai người ăn xin đến gần bàn ăn, mẹ tự nhiên đứng lên vội vàng đi vào nhà vệ-sinh. Tôi cũng đứng lên, đi "lọc cọc" theo mẹ. Hai mẹ con đứng yên-lặng trong nhà vệ-sinh, không trao đổi với nhau một lời, chỉ nhìn nhau...

Khi hai mẹ con trở ra lại bàn ăn, hai người ăn xin đã đi qua những bàn thực khách khác.

Bữa cơm thân mật chấm dứt, mọi người chia tay với những chúc lành đẹp nhất. Dưới ánh sáng vàng vọt của những cột điện ven đường, hai người ăn xin đang đi phía trước, dưới những hàng cây khăng khiu, thưa lá. Khi vượt qua hai người ăn xin, tôi dừng lại, cho tay vào túi xách lấy ra mấy tờ bạc dúi vào tay cô gái rồi theo mẹ băng qua đường một cách vội vàng. Trong đêm tối yên tĩnh, tôi nghe rõ tiếng nạng "cộp...cộp" của anh Kéo vang lên chen cùng tiếng nạng "cộp...cộp" của tôi nghe buồn da diết.

Trong những ngày chờ đợi chuyển bay về lại Pháp tại Sài-Gòn, một buổi sáng, mẹ và tôi dùng điểm tâm tại một tiệm phở. Khi hai mẹ con tôi vừa ăn xong thì một người đàn ông không còn chân lết đến bên cạnh nhìn thẳng vào hai mẹ con tôi, đưa một túi nhựa ra trước mặt, hỏi :

- Hai bà ợn xong rồi, phần dư còn lại không ăn hết, xin cho vào túi nhựa của tôi.

Mẹ e-ngại trút phần ăn còn lại của hai tô phở vào túi nhựa với nét mặt đầy xúc động, rồi lặng lẽ lấy mấy tờ bạc để vào tay ông, mẹ nói :

- Chú giữ lấy tiền này để mua thêm thứ gì để ăn.

Người đàn ông cầm tiền, cứ chăm chăm nhìn mặt mẹ rồi lết ra bên ngoài

tiệm phở. Bên ngoài có một đám con nít, tay xách thùng đánh giày, tay cầm vé số, tay cầm lon xin tiền, tay cầm túi nhựa xin thức ăn thừa, muốn vào tiệm nhưng bị người quản lý ngăn chặn. Khi mẹ và tôi bước ra khỏi tiệm phở, lũ con nít ủa tới vây quanh, mỗi đứa nói một câu lao nhao, mẹ đưa tay nhẹ nhàng gạt chúng qua một bên để có lối đi cho hai mẹ con. Giữa lúc đó, từ trong một góc, người ăn xin cút hai chân lết lết về phía chúng tôi, hỏi lớn :

- *Có phải bà là thím Ba ngày xưa có tú vàng trong chợ Vĩnh-Điện không ? Cháu phình không sai đâu. Hồi đó thím nói tiếng khu Vĩnh-Điện, mọi người đều nói như vậy. Mắt thím đẹp, ai cũng biết. Con Chút, con gái của thím cũng có cặp mắt giống thím như vậy. Cô này chắc là con Chút ngày xưa, bị mấy thằng trong rừng ra quấy phá phố Vĩnh-Điện bắt treo lên khảo vàng nhà thím, làm nó bị thương, phải không thím ?* Ông vừa nói vừa chỉ tay vào tôi.

Tôi ngạc nhiên, cố tìm trong trí nhớ người này là ai... Thấy mẹ do dự một lúc rồi gật đầu xác nhận. Mẹ lại hỏi :

- *Tôi nay lớn tuổi rồi, trí nhớ không còn như trước, không nhớ chú là ai vậy ?*

Người ăn xin cút hai chân nói giọng vui mừng :

- *Cháu là con ông Tự Cải cùng xóm với thím đó, cháu là thằng Lự đây. Hồi thằng Kéo đem đu-kích của nó đánh Vĩnh-Điện, nó bắt ông già cháu đi theo vì ông không chịu đóng thuế nông-hội cho chúng. Mấy tháng sau dân chúng mới được xác ông già cháu nổi trên bên đò Hoa-Trà. Đêm đó thằng Kéo vào nhà thím treo con Chút lên kèo nhà để khảo vàng, chuyện ấy ai cũng biết.*

Mẹ thừ người ra, mặt đượm nét sầu đau. Còn tôi, khi được nghe nhắc đến tên Chút, cái tên mà ba mươi năm nay không còn ai nhắc đến, đã vào trong quên lãng của mọi người, nay được nghe lại, tôi bồi hồi xúc-động. Ký ức tuổi thơ của tôi chợt thức giấc : *Thằng Lự đây sao ? Hồi đó hai đứa cùng lũ bạn trong xóm, suốt ngày lêu-lồng ngoài xóm, chơi lò-cò, chơi nhây đây, chơi u, chơi ném lon... thằng Lự khỏe mạnh, thường hay hiep vực tôi mỗi khi bị bọn trẻ khác hiep đáp !*

Tôi đang nghĩ đến ngày xa xưa, thì nghe tiếng mẹ :

- *Tại sao cháu ra nông-nôì tàn tật như thế này ?*

- *Năm 1979, cháu bị bắt vào lính, đưa ra Bắc đánh nhau với Tàu-quốc, cháu bị thương cút hai chân. Đời sống khổ lắm thím, nhà nước trợ cấp nhưng sống vẫn thiếu trước hụt sau... người ta quy kết trước đây ông già cháu có tội với cách mạng vì không nộp thuế nông-hội, nay mặc dầu cháu hy sinh một phần cơ thể cho đất nước, nhưng cháu phải tiếp tục trả cái nợ trước đây của ông già, vì vậy phần trợ cấp thương binh của cháu bị địa phương cắt giảm không đủ vào đâu nên cháu phải xin ăn.*

Tôi nhìn thân thể tật nguyền và eo gầy của Lự, nước mắt ứa ra. Tôi bước lần đến bên Lự, buông nạng, quỳ một

chân trước Lự, nhìn sững Lự rồi bật khóc như ngày nào bị chúng bạn hiep-đáp, khóc to lên để Lự chạy đến bênh vực, che chở. Tôi nghe từ phía Lự cũng có tiếng nặc lên, thốn thốn. Trong lặn nước mắt, tôi thấy tôi đang chạy trốn thật nhanh, đằng sau, Lự đứng giang hai tay như người hiệp-sĩ ngăn cản lũ cướp là đám con nít dưới theo sau trong khi hơn thua nhau trong một trò chơi giành giật nhau của trẻ con.

Tôi im-lặng. Lự im-lặng. Mẹ nhẹ nhàng kéo tay tôi đứng dậy. Tôi đứng lên. Lự vẫn ngồi bất động. Chung quanh có nhiều người hiếu kỳ đứng lại nhìn chúng tôi.

Mẹ gọi hai xe xích-lô, mẹ một chiếc, tôi ngồi chung xe với Lự. Trên đường dẫn về nhà Lự, tôi chẳng nhìn thấy gì ngoài những hình ảnh một thời thơ ấu của tôi cuộn chảy về như một dòng sông ký ức. Tôi nhìn thấy một con bé lúc nào cũng được che chở, được bênh-vực dù con bé sai quấy, ngay cả khi con bé đổ tham lam lấy đồ chơi của người khác làm của mình. Nhưng rồi cũng có lúc con bé trở nên hung dữ, ném dép và đá sỏi vào Lự vì con bé bị ngăn chặn không cho leo lên cây hái mấy trái ổi, sợ bị té. Một viên đạn đã làm trán Lự chảy máu, Lự kéo áo lau máu, chạy về nhà.

Con bé chạy theo, Lự khép cửa không cho nó vào nhà, Lự giận, con bé ngồi bên ngoài lo sợ cho vết thương của Lự, khóc âm ức...

Kỷ niệm đang trở về, trong vô thức, tôi đưa bàn tay thương tật sờ lên trán Lự, nơi vết thương của ngày nào... Bỗng nhiên Lự cũng đưa một tay lên vỗ nhẹ vào tay tôi đang đặt trên trán Lự. Lự cười và nói như nói với tôi và phụ nói với chính mình : - *Sẹo của vết thương đã phai theo thời gian, nhưng kỷ-niệm về vết thương vẫn nhớ mãi.*

Lự nói, mắt vẫn nhìn về phía trước, Lự đã hiểu lòng tôi khi bàn tay tôi để lên trán Lự để nhớ về tháng năm thơ ấu thân yêu. Tôi nhìn Lự, ngậm nói lên lời cảm ơn tình bạn thân ái vẫn còn lại với tháng năm.

Lự sống với gia-đình em gái trong khu ngả tư Bảy Hiền, nơi dân Quảng-Nam, vùng Gò-Nôi, vốn tiếng tăm với nghề trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa, Thao, Đũi, bỏ xứ vào đây lập nghiệp, tránh chiến-tranh ác-liệt. Vợ chồng em gái Lự làm nghề vệ-sinh, hót rác trong khu phố, nuôi ba đứa con, thiếu trước hụt sau nên việc ăn uống cá-nhân Lự tự giải quyết. Lự cần một nơi tránh gió tránh mưa nắng nơi nhà em gái. Tôi rất đau lòng cho cuộc sống của Lự. Có lúc tôi vu-vơ nghĩ quanh : *"Cái đêm anh Kéo bắt treo tôi lên xà nhà... Lự lúc đó đang ở đâu mà không xuất hiện cứu tôi ? Rồi tôi tự cười mình... ba mươi bảy tuổi rồi... còn nghĩ đến ngày xưa còn bé ! Tiểu hiệp sĩ ngày xưa oai nghi như một thiên-thần, nay thiên thần đã gãy cánh !"*

Mẹ đồng-ý xin hoãn chuyến bay về lại Pháp ba ngày theo đề nghị của tôi. Tôi có thời gian giúp Lự khám sức khỏe toàn diện cũng như đi mua cho Lự một chiếc xe lăn. Mẹ tôi giúp Lự và gia-đình em gái Lự một số tiền để xoay sở sinh sống. Có một điều Lự phân nản với tôi là tại sao không gọi Kéo là tên Kéo, thằng Kéo mà gọi là anh Kéo, nó là tên ác ôn mà. Tôi trả lời một cách thần nhiên :

- *Đó chỉ là thói quen thôi, dù gọi tên Kéo, thằng Kéo hay là gì gì đi nữa thì Kéo vẫn là kẻ độc ác, đáng nguyên rủa.*

Sau chuyến về Việt-Nam rồi trở lại Paris, sức khỏe của mẹ bắt đầu sa sút. Cùng lúc trường học giảm tôi đa giáo viên giảng dạy vì số lượng học sinh ngày một giảm vì người Pháp không muốn sinh con. Lợi dụng bị thuyên chuyển làm (xem tiếp theo trang 16)



Hình toàn cảnh Lycée La Cadenelle tại Marseille, nơi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu sẽ Tổ Chức 10 ngày Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 37, từ ngày 21/7 đến 30/7/2026.

Hòa Thượng Thích Viên Dung - Minh Tâm Đệ Tam Hiệu Trưởng Trường Trung Học Tư Thục Bồ Đề Tuy Hoà (1940-2013)

Hòa Thượng Thích Viên Dung - Minh Tâm thế danh là Lê Minh Tâm. Sinh ngày 18/01/1940, (mùng 10/12/Kỷ Mão) tại thôn Thanh Lương - Chi Công - Tuy Phong - Bình Thuận. Thân Phụ: Ngải là cụ ông Lê Minh Quang (bản thế xuất gia với Pháp hiệu là Đại Đức Thích Minh Hỷ). Thân Mẫu là bà Hồ Thị Lang Pháp danh Nguyễn Mỹ.

Năm 1949 song thân của Ngài đưa lên chùa Bửu Tích - Phan Rí Cửa - Bình Thuận thế phát với Hòa Thượng Viên Trí - Tâm Bửi (Môn phái Hương Tích Phú Yên) được ban pháp danh Nguyễn Cảnh nổi dòng Lâm Tế Liễu Quán đời thứ 44.

Năm 1953 Bôn sư cho phép nhập chúng tu học tại Tăng Học Đường Nha Trang (Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang).

Năm 1956 cầu y chỉ sư với Hòa Thượng Thích Huyền Quang được phú pháp: Tự Viên Dung, hiệu Minh Tâm, thọ Sa Di Giới tại Đại Giới Đàn Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang: Đản chủ Hòa thượng Trí Thủ, Đản Đầu Hòa Thượng Ôn Giác Nhiên (Thiền Tôn-Huế), Hòa thượng Vạn An (Yết Ma), Hòa thượng Huyền Tân (Tôn chứng), Hòa thượng Giác Tánh (Tôn chứng).

Năm 1961-1962 tu học tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam.

Năm 1962-1967 Giảng sư GHPGVNTN tỉnh Phú Yên và Hiệu Trưởng, Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp Trường Trung Học Bồ Đề Tuy Hòa - Phú Yên là một trong những vị lãnh đạo phong trào đấu tranh chống kỳ thị tôn giáo tại Phú Yên.

Năm 1965-1967 làm Hiệu Trưởng Trường Trung Học Bồ Đề Nguyễn Thiệu, Bình Định.

Năm 1967 thọ giới Tỳ Kheo và xuất dương sang Nhật Bản du học.

Năm 1967-1968 học Nhật Ngữ tại trường Kokksai ở Tokyo.

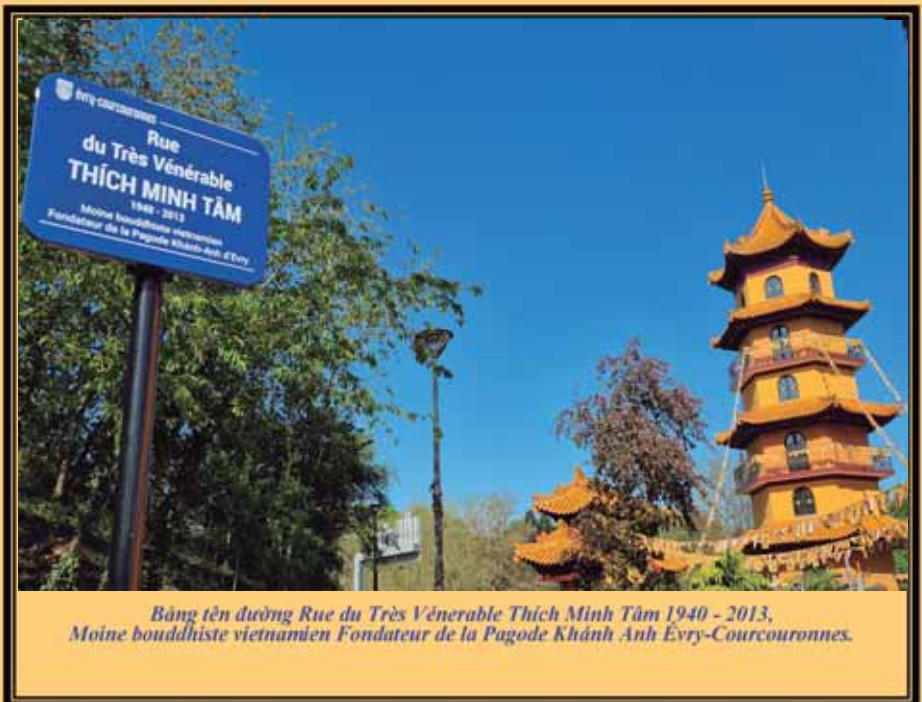
Năm 1968-1973 học xong chương trình hậu đại học tại Đại Học Rikko (Lập Chánh) ngành Triết học Phật Giáo, Tokyo.

Từ năm 1970 đến năm 1973 Ngài làm Chỉ Bộ Trưởng Chỉ Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Nhật.

Sau Hiệp định Paris ký kết vào đầu năm 1973, Ngài vâng lệnh Hòa Thượng Thích Huyền Quang - Tổng Thư Ký GHPGVNTN - sang Pháp để hoạt động với Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh.

Năm 1974 sáng lập Niệm Phật Đường Khánh Anh tại Accueil, Pháp.

Năm 1977 chùa Khánh Anh chính thức được dời về trụ sở mới ở đường Henri Barbusse vùng Bagneux, phụ cận của Paris.



Bảng tên đường Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm 1940 - 2013, Moine bouddhiste vietnamien Fondateur de la Pagode Khánh Anh Evry-Courcouronnes.

Năm 1983 nhân Đại Giới Đàn Thiện Hòa được tổ chức tại Phật Học Viện Quốc Tế - California - Hoa Kỳ, Ngài được tôn phong lên hàng Giáo Phẩm Thượng Tọa.

Năm 1999 Ngài được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Ái Châu tôn phong lên hàng Giáo Phẩm Hòa Thượng tại Na Uy.

Ngày 8 tháng 7 năm 2011 tại Thủ Đô Columbo, Tích Lan, Ngài được Hội Đồng Tăng Già và chính quyền Tích Lan phát phần thưởng danh dự cao quý của Quốc Gia cho những người có công mang Phật Pháp đến các xứ Âu Mỹ.

Từ năm 2006 đến nay, Ngài là Phó Chủ Tịch của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (WBSC), trụ sở đặt tại Đài Loan.

Năm 2013 Ngài là Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Phẩm Tối Cao Phật Giáo tại Pháp.

Ngài sáng lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu và là lãnh đạo tinh thần Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu. Ngài chủ xướng phong trào học Phật của chư Tăng Ni và Phật Tử tại gia qua các Khóa Tu Học Phật Pháp tại chùa Khánh Anh (5 khóa) và 25 khóa của Âu Châu.

Trong các Đại Giới Đàn được tổ chức tại Hải Ngoại như Hoa Kỳ, Úc châu, Canada, Âu Châu... Ngài thường được cung thỉnh vào các ngôi vị như Yết Ma, Giáo Thọ A Xà Lê cũng như Đản Đầu Hòa Thượng.

Năm 2011 Đại Giới Đàn Quảng Đức tổ chức tại chùa Thiện Minh-Lyon - Pháp Quốc, Ngài được cung thỉnh vào ngôi vị Đệ Nhất Giáo Thọ.

Trong Khóa Học Phật Pháp Âu Châu kỷ thứ 25 tổ chức tại thành phố

Turku, Phần Lan, mặc dầu cơ thể khiêm an nhưng Ngài vẫn cộng trụ cùng chư Tăng tu học cho đến kết thúc khóa học. Sau lễ bế giảng, Ngài đã an nhiên xả bỏ báo thân thị tịch vào lúc 9 giờ 29 phút (giờ Pháp) sáng ngày 8/8/2013, nhằm ngày mùng 2/7/Quý Tỵ. Thế thọ 75 tuổi. 46 hạ lạp.

Nam Mô Tôn Viên Tịch Tự Lâm Tế Chánh Tông Liễu Quán Pháp Phái Tứ Thập Tứ Thế, Khai sơn Khánh Anh Tự, hỷ thượng Nguyễn hạ Cảnh, tự Viên Dung, hiệu Minh Tâm Giác Linh Hòa Thượng.

Calif March 18.2026 - Thầy Nẫu



Le Très Vénérable Thích Viên Dung - Minh Tâm Troisième directeur du lycée d'enseignement du Bouddhisme à Tuy Hoà (1940-2013)

Le Très Vénérable Thích Viên Dung - Minh Tâm, de nom laïc Lê Minh Tâm est né le 18/01/1940, (10/12 Ky Mão - année lunaire du Chat) au village Thanh Lương - commune Chí Công - district Tuy Phong - province Bình Thuận. De père Lê Minh Quang (devenant moine plus tard, nom de Dharma : Đại Đức Thích Minh Hân). De mère Hồ Thị Lang, nom bouddhique Nguyễn Mỹ.

1949 Confié par ses parents à la pagode Bửu Tích - Phan Rí Cửa - Bình Thuận, il a été ordonné par le Vénérable HT Viên Trí - Tâm Bi (La lignée Hương Tích Phú Yên) et reçu le nom bouddhique Nguyễn Cảnh, disciple de la lignée Lâm Tế Liễu Quán 44e.

1953 Autorisation du maître pour étudier à l'École bouddhique de Nha Trang (Institut bouddhique Hải Đức).

1956 auprès du Maître spirituel le Vénérable HT Thích Huyền Quang, a reçu le nom Dharma Viên Dung et le pseudonyme Minh Tâm ; a été ordonné Novice à l'Institut bouddhique Hải Đức par les Très Vénérables Trí Thủ, Très Vénérables Ôn Giác Nhiên, Très Vénérables Vạn An, Très Vénérables Huyền Tân, Très Vénérables Giác Tấnh.

1961-1962 formation bouddhique au Monastère Quảng Hương Già Lam.

1962-1967 Maître de conférence à GHPGVNTN - province de Phú Yên, Directeur et professeur des écoles bouddhiques à Tuy Hòa - Phú Yên. Il a été un des leaders du mouvement de lutte pour les libertés religieuses et les droits de l'homme de la province de Phú Yên.

1965-1967 Directeur de l'école bouddhiste de Nguyễn Thiệu, Bình Định.

1967 ordonné Moine (Tỳ kheo) et a quitté le pays pour poursuivre sa formation religieuse au Japon.

1967-1968 apprentissage du japonais à l'école Kokksai de Tokyo.

1968-1973 Doctorant de l'Université Riso de Tokyo (principal), dans la section de philosophie bouddhique.

De 1970 à 1973 Responsable de l'Église bouddhique unifiée du Viêt Nam au Japon.

Après la signature des Accords de Paris au début 1973, suivant les instructions du Très Vénérable HT Thích Huyền Quang - secrétaire général de l'Église bouddhique unifiée du Viêt Nam, est parti en France pour poursuivre ses activités auprès du Très Vénérable Thích Nhất Hạnh.

1974 a fondé la salle de prière bouddhique Khánh Anh à Accueil, France.

1977 Déménagement officiel de la pagode Khánh Anh à son nouvel

emplacement rue Henri Barbusse à Bagneux, en banlieue parisienne.

1983 a été ordonné Bonze supérieur (Thượng tọa) de la Pagode lors d'une cérémonie de l'Institut Bouddhique International organisée aux États-Unis.

1999 a été ordonné Grand Patriarche lors d'une cérémonie de la GHPGVNTN en Europe en Norvège.

Le 8 juillet 2011 à Columbus, capitale du Sri Lanka, a reçu une prestigieuse distinction nationale décernée par le Conseil Sangha et le gouvernement sri-lankais pour sa contribution à la diffusion du bouddhisme en Europe et en Amérique.

Du 2006 jusqu'en 2013 : Vice-président du Conseil Mondial des Sanghas Bouddhistes (WBSC) siégeant à Taiwan.

2013 Président du Conseil Supérieur des Religieux Bouddhistes de France.

Fondateur et chef spirituel de la Congrégation Bouddhique Vietnamienne Unifiée d'Europe. Initiateur de la formation bouddhique dispensée aux Moines et Nonnes, ainsi qu'aux bouddhistes laïcs en établissant les Séminaires annuels d'étude et de pratique du Dharma ; 5 séminaires à la pagode Khánh Anh et 25 dans les autres pays européens.

Lors des grandes cérémonies d'ordination organisées à l'étranger, dans des pays comme les États-Unis, l'Australie, le Canada et l'Europe, il a été souvent invité à occuper des postes tels que Maître du Karma, Maître Enseignant et Maître Chef des Ordonnances.

2011 Lors de la grande cérémonie d'ordination organisée à la pagode Thiệu Minh- Lyon - France, il a assumé le rôle de 1er responsable.

Lors du 25e Séminaire d'étude et de pratique du Dharma à Turku, en Finlande, malgré sa santé fragile, il est resté jusqu'à la fin du Séminaire. Après la cérémonie de clôture, il s'est éteint paisiblement à 9h29 (heure française) le 8 août 2013, soit le 2e jour du 7e mois lunaire de l'année du Serpent. Il avait 75 ans ; 46 ans en tant que moine.

Hommage au Très Vénérable, de nom bouddhique Nguyễn Cảnh, de nom Dharma Viên Dung, de pseudonyme Minh Tâm, membre de la lignée Lâm Tế Chánh Tông Liễu Quán Pháp 44e, Fondateur des pagodes Khánh Anh.

Cali 18 mars 2026 - Moine Nẫu

Đức Phật dạy... !!!

Ở đời, có 3 thứ càng tranh càng mất :

- Tình cảm - càng cố giữ càng rời xa.
- Danh lợi - càng tham càng khổ.

• Hơn thua - càng chấp càng mệt.

Người khôn không phải là người thắng người khác, mà là người thắng được lòng tham, sân hận và si mê của chính mình.

Có người cả đời chạy theo tiền bạc nhưng không có bình an.

Có người không giàu sang nhưng tâm họ thanh thản.

Đức Phật dạy :

“Một tâm hồn bình yên còn quý hơn ngàn vàng.”

Vì vậy...

Hãy sống chậm lại một chút.

Nói lời tử tế hơn một chút.

Bao dung với người khác thêm một chút.

Đến cuối cùng bạn sẽ nhận ra...

Thứ quý nhất của đời người không phải là tiền bạc... mà là một tâm hồn không hổ thẹn với lương tâm !

Le Bouddha a enseigné... !!!

Dans la vie, il y a trois choses pour lesquelles plus on se bat, plus on risque de perdre :

• L'affection - Plus nous sommes attachés, plus nous serons privés.

• La gloire et la fortune - Plus nous désirons, plus nous souffrons.

• L'affrontement - Plus nous luttons, plus nous serons épuisés.

Une personne sage n'est pas celle qui vainc les autres, mais celle qui maîtrise sa propre avidité, sa propre colère et sa propre ignorance.

Certaines personnes passent leur vie entière à courir après l'argent et ne seront jamais sereins. Certaines personnes ne sont pas riches, mais ont l'esprit tranquille.

Le Bouddha a enseigné :

« Un esprit serein vaut plus que mille pièces d'or. »

Alors...

Prenez un peu plus de temps pour vivre.

Parlez avec un peu plus d'empathie et de gentillesse.

Soyez un peu plus tolérants envers les autres.

Et, vous vous en rendrez compte que...

Ce qui est le plus précieux dans la vie, ce n'est pas l'argent... mais un esprit sans honte ni culpabilité !

Chân dung người vợ lính Việt Nam Cộng Hòa

Kính thưa quý vị,

Trong cuộc sống, sự thành công hay thất bại nào cũng có cái giá của nó. Trong chiến tranh cũng vậy, cái giá của những chiến tích lừng danh mà Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) phải trả, là những đồng đội đã hy sinh, những đồng đội khác đã để lại một phần thân thể trên khắp miền đất nước, và hệ lụy dài lâu là những đứa trẻ vĩnh viễn xa cha, những người vợ vĩnh viễn xa chồng ! Người quân nhân hy sinh vì tổ quốc, là sự hy sinh cao cả mà tổ quốc mãi mãi ghi công. Nhưng, hình ảnh người qua phụ, với một nửa tâm hồn, một nửa con tim, một nửa phần hơi thở, theo chồng lên đài tổ quốc ghi công, và những nửa còn lại có trách nhiệm trang bị cho các con một hành trang vào đời, phải được thừa nhận là sự hy sinh không kém phần cao cả như người chồng dũng cảm nơi chiến trường, rất xứng đáng được chúng ta kính trọng.

Cũng trong chiến tranh, chồng ở chiến trường, vợ ở nhà quán xuyến công việc gia đình mà công việc gia đình nhiều đến nỗi có những việc chưa kịp đặt tên, nhưng tất cả đều là việc. Chăm sóc các con, chăm sóc tinh thần gia đình quyền thuộc, chăm sóc tình bạn bè bằng hữu. Để rồi, những giờ phút yên tĩnh về đêm khi các con chìm trong giấc ngủ, mơ màng nghĩ đến chồng nơi chốn xa xôi, hay đang trong chiến trường khốc liệt, với bao khắc khoải lo âu, sầu muộn !

Rồi chiến tranh chấm dứt trong nỗi nghẹn ngào uất hận, bởi đây là cuộc chiến mà cuối cùng "bị chấm dứt để thua trận !" Sụp lời tuyên bố của vị Tổng Thống cuối cùng, hàng trăm ngàn đồng bào, quân nhân, viên chức, cán bộ, bộ của chạy lầy người, tỵ nạn trên đất Mỹ. Với những thành phần tương tự như vậy gồm 222.809 người, là lượt bị lừa vào 200 trại tập trung trên khắp miền đất nước. Người 5 năm, 10 năm, 15 năm, thậm chí 17 năm ròng rã, do lòng thù hận tột cùng của nhóm lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Hàng trăm ngàn gia đình di tản ra ngoại quốc, cũng như hàng chục triệu gia đình còn lại trên quê hương, tất cả đều hụt hẫng. Hụt hẫng vì cuộc sống trên đất người với biết bao xa lạ trong một xã hội kỹ nghệ mà bước đầu chưa thể hội nhập. Hụt hẫng vì phút chốc, từ chế độ tự do bị đẩy vào chế độ độc tài trên toàn cõi Việt Nam !

Cảnh đời thứ nhất. Trong cuộc đời tỵ nạn, vợ chồng con cháu có cơ hội bên nhau, cùng chia sẻ khổ đau, cùng gánh vác nhọc nhằn, cùng nhận chung nỗi nhọc ! Nỗi nhọc phải rời khỏi quê hương trong thân phận lữ vong ! Với những bà vợ chúng ta, vốn sinh ra và trưởng thành trong xã hội nông nghiệp, nay phải cùng chồng từng bước hội nhập vào xã hội kỹ nghệ nơi định cư, đã phải đêm đêm bước từ bên xe công cộng về nhà trong màn tuyết lạnh sau



Thuyền nhân lên đĩnh trên chiếc tàu vượt biển chờ được vớt tại cửa biển Đông năm 1975.

những giờ nhọc nhằn nơi hăng xương. Lạnh đến nỗi không biết giọt nước lặn trên má là nước mắt, hay mảnh tuyết vừa tan !

Cảnh đời thứ hai. Trong xã hội mà kẻ thắng trận đầy lòng thù hận, thị gia đình ly tán, sự sống bị bóp nghẹt đến tận cùng của khổ đau, của nước mắt bởi chính sách bịt mắt bịt tai bịt miệng ! Cái chế độ mà những người lãnh đạo luôn miệng huênh hoang là "dân chủ gấp trăm lần dân chủ tư bản", lại bắt mọi người phải sống trong nỗi sợ hãi triền miên với những đôi mắt rình rập quanh năm suốt tháng !

Cảnh đời thứ ba. Riêng với những bà vợ ở lại mà chồng đã vào tù, còn tệ hơn nhiều so với hai cảnh đời nói trên. Hằng ngày phải đối phó với bọn cầm quyền địa phương, cái bọn mà đầu óc toàn đất sét và rác rưởi, chỉ biết đàn áp để cướp đoạt. Đồng thời phải chăm lo cuộc sống các con từng ngày, lo nuôi chồng từng tháng !

Những bà vợ chúng ta, hải ngoại hay trong nước, thật sự là Những Người Đàn Bà Việt Nam rất can đảm khi phải chịu đựng và vượt qua nỗi đau nỗi nhọc đó ! Đau đến nỗi không còn nước mắt để khóc, nhục đến nỗi chẳng còn lời để than ! Nếu đem so sánh giữa hai cảnh đời trong nước với ngoài nước, thử hỏi : "Ai đau hơn ai và ai nhọc hơn ai ?" Với tôi, không ai đau hơn ai, cũng không ai nhọc hơn ai ! Vì nỗi đau nào cũng có cái đau riêng của nó, nỗi nhọc nào cũng có cái nhọc riêng của nó ! Xin những ông chồng điếm phu, hãy nhìn lại đôi nét về hình ảnh Những Bà Vợ Chúng Ta trong cuộc sống khổ đau thâm lặng đó, mà người viết được những bà vợ trong cuộc kể lại :

Một cảnh đau thương. Một bà vợ cùng con cầm giấy phép "gánh gạo" nuôi chồng trên đất Bắc. Ba ngày đi, ba ngày về, 2 tiếng đồng hồ gấp gáp ! Khi trở về cư xá Bắc Hải, nhà bị niêm phong với dòng chữ "nhà vắng chủ". Đau đớn biết bao ! Xót xa biết dường nào ! Bỗng dưng nhà bị mất ! Bà gục đầu vào cửa ! Bà cùng gia đình định cư tại Houston, Texas từ tháng 4 năm 1991.

Một cảnh đau thương khác. Một bà vợ đã bao nhiêu lần bị công an Phường ra lệnh đi khu kinh tế mới, nhưng bà vẫn không đi. Chúng hành hạ bằng cách gọi bà đến họp phòng, báo ngời đồ từ đầu giờ đến cuối giờ, ngày nào cũng vậy, và ròng rã 6 tháng như vậy. Một hôm, chúng bắt đưa giấy tờ nhà để giải quyết. Khi chụp được hồ sơ, lập tức tên công an ra lệnh trong vòng 24 tiếng đồng hồ bà phải ra khỏi nhà. "Ồi ! Còn nỗi đau nào cao hơn nỗi đau này trong cảnh đời thua trận !" Bà xiêu vẹo trên đường về nhà cách đó mấy dãy nhà liền kề cũng trong cư xá Bắc Hải, và gục ngã ngay trước nhà ! Bà cùng gia đình định cư vùng bắc California từ năm 1993, nhưng chồng đã qua đời vào năm 2003.

Một cảnh đau thương khác nữa. Một bà vợ có chồng bị giam trên đất Bắc hằng chục năm trời, bỗng dưng mất liên lạc. Bà lặn lội khắp các cơ quan tại Sài Gòn, Hà Nội, tìm kiếm, mệt nhọc, nhưng hoàn toàn bất tín. Nỗi buồn đến với bà quá sức chịu đựng của người phụ nữ tuổi 50, mà có lúc bà cảm thấy như mình đang bên bờ vực thẳm, rồi ngã dần xuống... Bà bị tai biến mạch máu não, nằm bất động một chỗ. Nhiều tháng sau đó, bất ngờ, người nhà của bà nhận được giấy cho phép bà thăm chồng. Trại tù chỉ cách nhà vốn vẹn 1 cây số (khám Chí Hòa). Bà bèn kiêu bà đến nhà tù. Cả hai "chồng đứng đó vợ liệt toàn thân", chỉ biết nhìn nhau, òa khóc... ! Khóc cho mình ! Khóc cho cuộc đời ! Phải chăng, mọi khổ đau trên cõi đời này đang bao quanh hai con người đau khổ đó ? Không. Không chỉ có vậy. Mà là tất cả những bà vợ có chồng bị cộng sản giam giữ trong tù, tiêu biểu qua 3 cảnh đời trên đây trong hàng vạn cảnh đời trên đất nước Việt Nam, đều trong nỗi khổ tột cùng đó ! Tình trạng bại liệt đó theo Bà cùng chồng định cư tại Houston, nhưng rồi Bà đã từ trần năm 2004 !

Sài Gòn-Hà Nội 1.736 cây số, xe lửa tốc hành chạy 72 tiếng đồng hồ, tức 3 ngày 3 đêm. Mỗi người chỉ được mang theo 20 kí lô lên xe lửa, mang nhiều hơn số đó phải hồi lộ cho một loạt nhân viên từ công vào cho đến

nhân viên trên xe lửa. **Hành lý ngắn ngang cả trên lối đi giữa toa xe. Ban ngày cũng phải lách từng bước chân vào chỗ trống. Còn ban đêm, thật khó mà tưởng tượng !** Hai băng ngói đôi diện, một băng 3 người. Hai băng phía bên kia lối đi, mỗi băng 2 người ngói. Hai đầu trên của hai băng 6 người, mang được 3 cái võng cho 3 người, 1 người nằm co quắp trên sàn xe đen dúa nhầy nhụa giữa 2 băng đôi diện, và 2 người còn lại cũng nằm co quắp trên 2 băng ngói. Nếu nhìn toàn cảnh của toa xe sẽ thấy, băng ngói đầy người nằm, những chiếc võng bệ xiu che kín trên đầu băng, cả lối đi vốn dĩ đã nhỏ hẹp cũng đầy người nằm chen lẫn trong đống hành lý thật hỗn độn. **Những bà vợ thắm, chồng, mang theo hàng trăm kỉ lô, biết bao là nhọc nhằn gian khổ !**

Giả thử, nếu những ông chồng chứng kiến những hành khách nằm cong queo trong cái gọi là chiếc võng kia, hay co quắp giữa những gói quà đầy ắp tình thương trên sàn xe nhộp nhụa đó, là những bà vợ của mình, liệu có cảm được nước mắt không ? Nghe nói lại, nghe thuật lại, ông chồng nào cũng đau thương cảm cho tình cảnh những bà vợ quanh năm gánh gạo nuôi chồng ! **Nhưng không có đơn đau thương cảm nào có thể đem cân bằng nỗi đớn đau thương cảm của những bà vợ trọn tình vẹn nghĩa như vậy được cả !**

Tôi hình dung những bà vợ chúng ta qua hình ảnh trên đây mà **chính tôi trông thấy khi tôi ra trại tập trung cùng với 90 "bạn đồng tù", từ Nam Định về Sài Gòn bằng xe lửa đúng 72 tiếng đồng hồ hồi tháng 9 năm 1987.**

Trên đây là một cố gắng dựng lại hình ảnh "Những Bà Vợ Chúng Ta", nếu không rõ nét thì ít ra cũng là những nét chính của hình ảnh ấy, qua sự kết nối bốn hợp phần sau đây :

Hai hợp phần trong chiến tranh, là những bà vợ mà chồng đã hy sinh, và những bà vợ mà chồng đang chiến đấu.

Hai hợp phần sau chiến tranh, là những bà vợ cùng chồng con di tản ngoại quốc, và những bà vợ ở lại Việt Nam, vừa nuôi con trong một xã hội đầy hận thù và kỳ thị, vừa nuôi chồng trong những trại tập trung nghiệt ngã ! Những cảnh đời bi thương, những khổ đau sâu muộn, những nước mắt, mồ hôi, được khơi lên từ những góc cạnh li ti trong hàng vạn hàng vạn cảnh đời như vậy, mà **Những Bà Vợ Chúng Ta đã chịu đựng trong những năm dài thật dài !**

Quyển "Chân Trời Dâu Bể" của Giao Chỉ, kể chuyện trên đất Mỹ, và quyển "Giữa Dòng Nghịch Lũ" của Duy Năng, kể chuyện trên quê hương Việt Nam. Hai tác phẩm này trong một mức độ nào đó, có thể xem là tiêu biểu cho rất nhiều tác phẩm dưới dạng chuyện kể thật bình thường, nhưng ôm ấp biết bao xót xa thương cảm cho thân phận người phụ nữ Việt Nam sau ngày thua trận, dù sống trong hai xã hội cách nhau nửa vòng trái đất. Với tác phẩm của Duy Năng, người kể chuyện là bà Hằng Phụng Hà. Bà là một trong số hàng trăm ngàn bà vợ thắm nuôi chồng trong tù. Ở phần kết, bà nói : **"...Các anh trong tù, khổ về vật**

chất và đau về tinh thần đến vạn lần, điều đó chúng tôi biết. Nhưng, chúng tôi - những bà vợ của các anh - đau khổ gấp ngàn cái vạn lần của các anh nữa, các anh có biết không ? Tôi không đề cao một bà vợ nào, mà tôi đề cao tất cả những bà vợ thắm nuôi chồng trong các trại tù cải tạo. Bởi vì : **Họ, đã đứng vững trong phẩm giá Người Vợ Miền Nam. Họ, rất xứng đáng được các anh kính trọng. Và Họ, chính là Vợ của các Anh".**

Vì vậy mà một số bạn đồng tù chúng tôi trong trại tập trung, đã không quá lời khi nói với nhau rằng : **"Ra tù, chúng ta phải công vợ chúng ta đi vòng quanh trái đất, để đền bù đôi chút về sức chịu đựng biết bao nhọc nhằn gian khổ đã nuôi các con và nuôi chúng mình".**

Bây giờ nhìn lại, trong một ý nghĩa nào đó, những cựu tù nhân chính trị chúng ta, đã công vợ đi được nửa vòng trái đất rồi. **Đến ngày Việt Nam thật sự tự do dân chủ, chúng ta sẽ công vợ trở về quê hương là trọn vòng trái đất như đã tự hứa, phải không quý vị ?**

Với nét chân dung đó, tôi quả quyết rằng, Những Bà Vợ Chúng Ta rất xứng đáng được vinh danh. Và nếu quý đồng đội và quý vị đồng hương đồng ý với tôi, chúng ta cùng nói to lên rằng : **"Chúng ta cùng vinh danh Những Bà Vợ Chúng Ta là những người đàn bà cao cả, rất xứng đáng được kính trọng. Bởi, trong hoàn cảnh nghiệt ngã của chế độ độc tài cộng sản, nhưng đã đứng vững trong phẩm giá Người Vợ Miền Nam, cùng lúc, chịu toàn thiên chức làm Mẹ, và tròn bổn phận làm Con".**

Vinh danh bằng những tiếng nói ân tình bên tai vợ, trao tặng vợ một bông hồng thật đẹp, hôn vợ những nụ hôn thật dài. Điều đó luôn nhắc nhở người chồng trong cuộc sống thường ngày, phải thể hiện lòng hiếu biết vợ mình nhiều hơn, cảm thông vợ mình nhiều hơn, rồi quàng tay vào lưng vợ mình chặt hơn, để cùng nhau đi suốt chiều dài còn lại trong cuộc sống lứa đôi thật mặn nồng, như chưa bao giờ mặn nồng đến như vậy. Trường hợp vì lý do gì đó mà bạn đang sống một mình, xin bạn hãy gắn bông hồng màu đỏ lên nơi nào mà khi nằm nghỉ bạn đều trông thấy, để trao tặng vợ khi đoàn tụ bên nhau. Hoặc sự trông thấy đó, sẽ giúp bạn có được những giây phút sống lại những năm tháng mặn nồng trong tình yêu vợ chồng thưở chung chăn chung gối, thưở mà hai người dùng chung một tên/.

Phạm Bá Hoa, Houston, tháng 12 năm 2006

Portraits d'épouses de soldats sud-vietnamien

Messieurs,

Dans la vie, chaque succès ou chaque échec a un prix. En temps de guerre également, le prix payé pour les glorieux exploits des Forces armées de la République du Vietnam fut le sacrifice de camarades, de soldats mutilés à travers le pays, et de

douloureuses conséquences à long terme ; des enfants séparés à jamais de leurs pères, des épouses séparées à jamais de leurs maris. Le sacrifice d'un soldat pour sa patrie est un sacrifice noble dont la nation se souviendra à jamais. Cependant, l'image d'une veuve - d'une moitié de son âme, de son cœur et de son souffle, accompagnant son époux jusqu'au Monument aux Morts, tandis que l'autre moitié de son être se consacrant à préparer ses enfants à la vie - doit être reconnue comme un sacrifice aussi noble que celui de son courageux mari sur le champ de bataille, et mérite amplement notre respect.

Durant la guerre, tandis que le mari est au front, la femme reste au foyer pour gérer la maison, s'occuper des innombrables tâches. Et tout cela représente du travail. Non seulement elle prend soin des enfants, mais entretient aussi les liens familiaux et maintient les amitiés. **Et puis, dans le calme de la nuit, tandis que les enfants s'endorment, la pensée à son mari au loin, engageant peut-être dans une bataille féroce, l'accable d'anxiété, d'inquiétude et de chagrin !**

La guerre s'achève alors dans un profond ressentiment, car cette guerre s'est finalement **"soldée par une défaite !"** Suite à la déclaration du dernier président, des centaines de milliers de compatriotes, soldats, fonctionnaires et cadres abandonnent leurs biens et s'enfuient pour préserver leur vie, cherchant refuge en Amérique. Parmi eux, 222.809 ont été piégés et envoyés dans 200 camps de concentration à travers le pays. Certains y ont passé 5, 10, 15, voire 17 ans, en raison de la haine féroce que leur vouent les dirigeants communistes vietnamiens. Des centaines de milliers de familles ayant émigré à l'étranger, ainsi que des dizaines de millions de familles restées au pays, éprouvent toutes un sentiment de déception. En effet, la vie en terre étrangère est si différente et l'intégration dans une société industrialisée reste difficile. **De plus, il est désolant de voir le Vietnam basculer soudainement d'un régime libéral à un régime totalitaire !**

Première histoire. En tant que réfugiés, mari, femme et enfants ont l'opportunité d'être ensemble, de partager les souffrances, d'endurer les épreuves et de subir l'humiliation d'exilés ! Les épouses, nées et élevées dans une société agricole, ont dû s'intégrer progressivement avec leurs maris à la société industrielle du pays d'accueil. Après de longues heures de dur labeur à l'usine, elles comptent les pas entre la gare routière et la maison dans la neige glaciale. Il fait si froid qu'elles ne savent plus si les gouttes qui coulent sur leurs joues sont des gouttes de larme ou de la neige fondante !

Deuxième histoire. Les vainqueurs, remplis de haine, voient leur famille déchirée, leur vie étouffée par de profondes souffrances et de larmes à cause des politiques qui aveuglent, assourdissent et réduisent au silence ! Le régime dont les dirigeants se vantent constamment d'être "cent fois plus démocratiques que la démocratie

capitaliste" contraint la population à vivre dans une peur perpétuelle, sous la surveillance constante des traqueurs !

Troisième histoire. Pour les épouses restant au pays avec des maris emprisonnés, la situation est bien pire que dans les deux histoires précédentes. Elles doivent quotidiennement faire face aux autorités locales, des gens corrompus et sans scrupules, ne sachant que les opprimer et les piller. Parallèlement, elles doivent s'occuper du quotidien de leurs enfants et subvenir aux besoins de leurs maris chaque mois !

Nos épouses, qu'elles soient à l'étranger ou au Vietnam, sont de véritables Femmes Vietnamiennes ! Il faut un courage immense pour endurer et surmonter une telle douleur et une telle humiliation ! La douleur est si intense qu'il n'y a plus de larmes à verser, l'humiliation si profonde que les mots manquent pour lamenter !

Si l'on compare les deux situations, l'une au pays et l'autre à l'étranger, on se demande : "Dans quelle situation y-a-t-il plus de souffrance ? plus d'humiliation ?" Pour moi, il y a autant de souffrance et d'humiliation dans ces deux situations ! En effet, à chaque souffrance correspond une autre forme de souffrance, à chaque humiliation une autre forme d'humiliation ! J'invite tous les maris fortunés à méditer sur l'image de "Nos épouses" dans cette vie de souffrances silencieuses, telle que m'ont confiées les femmes elles-mêmes :

Une histoire douloureuse. Une femme et son enfant possèdent un permis pour "transporter du riz" afin de subvenir aux besoins de son mari dans le Nord. Aller 3 jours, retour 3 jours, seulement 2 heures de retrouvailles ! De retour à la résidence Bắc Hải, la maison a été scellée et porte l'inscription "Maison inoccupée". Quelle douleur ! Quelle tragédie ! D'un coup, plus de maison ! Elle s'est effondrée contre la porte. Elle et sa famille se sont installées à Houston, au Texas, depuis avril 1991.

Une autre histoire douloureuse. Une femme a reçu à plusieurs reprises l'ordre de la police locale de se rendre dans la nouvelle zone économique, mais elle a persisté dans son refus. Elle a alors été harcelée en étant convoquée au bureau et contrainte d'y rester assise du matin au soir, chaque jour, pendant six mois consécutifs. Un jour, on lui a demandé d'apporter les papiers de sa maison pour régler le problème. Dès que les documents ont été en leur possession, on lui a immédiatement ordonné de quitter les lieux dans les 24 heures. "Oh ! Quelle douleur pourrait être plus grande que celle-ci, dans la vie d'une vaincue !" Elle est rentrée chez elle en titubant, à quelques rues de la résidence Bắc Hải, et s'est effondrée juste devant sa maison ! Elle et sa famille se sont installées dans le nord de la Californie en 1993, mais son mari est décédé en 2003.

Une autre histoire douloureuse. C'est l'histoire d'une femme qui a soudainement perdu tout contact avec son mari, emprisonné au Nord-Vietnam depuis des décennies. Elle a cherché sans relâche auprès de diverses agences à Sài Gòn et Hà Nội, au prix de dépenses et de souffrances considérables, mais n'a reçu aucune nouvelle. Le chagrin est si accablant pour une femme d'une cinquantaine d'années, qu'elle se sent parfois au bord du précipice, s'effondrant petit à petit... Elle a été victime d'un AVC et alitée. Des mois plus tard, à la surprise générale, sa famille a reçu l'autorisation lui permettant de rendre visite à son mari. Le camp de prisonniers se trouve à seulement 1 kilomètre de chez elle (prison de Chí Hòa). Ses amis l'ont transportée jusqu'à la prison. Tous deux, "le mari debout, la femme allongée et paralysée", ne peuvent que se regarder et éclater en sanglots... ! Des larmes pour eux-mêmes ! Des larmes pour la vie ! Se pourrait-il que toute la souffrance dans ce monde entoure ces deux personnes souffrantes ? Non. Pas seulement. Il s'agit de toutes les épouses dont les maris ont été emprisonnés par les communistes,

comme l'illustrent les trois histoires ci-dessus, parmi des dizaines de milliers d'autres à travers le Vietnam, toutes ayant subi les mêmes souffrances extrêmes ! Cette maladie invalidante l'a suivie, elle et son mari, jusqu'à Houston, puis elle est décédée en 2004.

Sài Gòn - Hà Nội, 1.736 km, 72 heures en train express, soit 3 journées et 3 nuits. Chaque personne n'est autorisée à transporter que 20 kg à bord du train ; transporter davantage nécessite de corrompre plusieurs membres du personnel, de l'entrée jusqu'au train. Les bagages sont entassés, même dans l'allée et entre les wagons. **En plein jour, il faut se faufiler dans chaque rare espace vide. Imaginez la nuit !** Deux rangées de bancs face à face, 3 sièges par bancs. De l'autre côté de l'allée, deux rangées de bancs avec 2 sièges par bancs. Au-dessus des 2 rangées de 6 sièges, 3 hamacs sont accrochés. Une personne est recroquevillée sur le plancher noir et visqueux entre les 2 rangées de bancs sur lesquelles sont recroquevillées 2 autres personnes. En regardant globalement le wagon de train, on constate que les bancs sont bondés de personnes allongées, que de minuscules hamacs recouvrent le dessus des bancs, et même les allées déjà étroites sont encombrées de gens allongés au milieu de piles de bagages dans un désordre chaotique. **Les épouses qui rendent visite à leurs maris transportent des centaines de kilos de bagages, endurant tant de souffrances et de difficultés !**

Si les maris voient leurs femmes allongées, blotties dans ce qu'ils appellent des hamacs, ou entassées au milieu de paquets de cadeaux débordant d'amour sur le sol crasseux - pourraient-ils retenir leurs larmes ? D'après les dits et les récits, tout mari éprouvera de la peine et de la compassion pour la situation difficile de sa femme qui, constamment subvient à ses besoins ! Mais aucune peine ni aucune compassion ne pourra jamais égaler la peine et la compassion de ces épouses dévouées et fidèles !

J'ai imaginé nos épouses à travers les images ci-dessus, que j'ai moi-même vues lorsque j'ai rejoint le camp des prisonniers avec les 90 "compagnons de captivité", voyageant de Nam Định à Sài Gòn en train en exactement 72 heures en septembre 1987.

Ce qui précède est une tentative de reconstitution des images de "Nos épouses", même si ce n'est pas parfaite, au moins les principaux éléments sont présents, à travers les quatre groupes de femmes comme suit : Deux groupes pendant la guerre : celui des femmes dont les maris sont morts et celui des femmes dont les maris sont au combat. Deux groupes après la guerre : celui des femmes qui se sont enfuies à l'étranger avec leurs maris et leurs enfants ; et celui des femmes qui sont restées au Vietnam, élevant leurs enfants dans une société remplie de haine et de discrimination tout en prenant soin de leurs maris dans de terribles camps de prisonniers !



Những chiếc thuyền gỗ mong manh đi xuyên biển Đông, những người tỵ nạn tập vào bờ để xin tỵ nạn chánh trị cộng sản tại các xứ Tự Do Dân Chủ không Cộng Sản bất chấp sóng chét hiểm nguy.

Ces histoires tragiques, ces souffrances, ces douleurs, ces larmes et ces efforts, sont mises en lumière sous différents angles, parmi d'innombrables scènes que "Nos épouses" ont endurées pendant d'interminables longues années !

Le livre de Giao Chi, "Chân Trời Dầu Bể - Horizon de la tourmente", raconte une histoire qui se déroule en Amérique, et celui de Duy Năng, "Au centre du déluge", raconte une histoire qui se déroule dans son pays natal, le Vietnam. Ces deux œuvres peuvent, dans une certaine mesure, être considérées comme représentatives de nombreuses œuvres qui, sous forme d'histoires en apparence ordinaires, expriment pourtant une grande tristesse et une profonde compassion pour le sort des femmes vietnamiennes après la défaite de la guerre ; même si elles vivent dans deux sociétés séparées par une distance équivalente à une demie Terre. Dans l'œuvre de Duy Năng, la narratrice est Mme Hàng Phụng Hà. Elle fait partie des centaines de milliers d'épouses qui ont rendu visite à leurs maris en prison. A la fin, elle dit : "...Vous qui êtes en prison, vous souffrez physiquement et mentalement des milliers de fois ; nous le savons. Mais, nous, vos épouses, souffrons mille fois plus que vous, le savez-vous ? Je ne fais pas l'éloge d'une épouse en particulier, mais de toutes les épouses qui ont rendu visite à leurs maris dans les camps de rééducation. Parce que : Elles ont fait preuve d'une grande dignité en tant qu'épouses sud-vietnamiennes. Elles méritent vraiment votre respect. Et Elles sont Vos Epouses."

C'est pourquoi, certains de mes compagnons de captivité au camp de concentration n'exagèrent pas lorsqu'ils se disent entre eux : "À notre sortie de prison, nous porterons nos épouses sur nos épaules pour faire le tour du monde, en guise de maigre compensation pour les épreuves et les sacrifices qu'elles ont endurés en s'occupant de nos enfants et de nous-mêmes."

Avec le recul, d'une certaine manière, nous, anciens prisonniers politiques, avons emmené nos épouses à l'autre moitié du globe. Lorsque le Vietnam aura véritablement accédé à la démocratie, nous ramènerons nos épouses au pays, faisant ainsi le tour du monde comme promis, n'est-ce pas, Messieurs ?

Avec de tels portraits, j'affirme que "Nos Epouses" méritent véritablement d'être honorées. Et vous, mes camarades et compatriotes, qui êtes d'accord avec moi, criez tous haut et fort : "Ensemble, nous honorons "Nos Epouses", qui sont des femmes nobles, vraiment dignes de respect. Car, dans les circonstances difficiles de la dictature communiste, elles ont fait preuve d'une grande dignité en tant qu'Épouses Sud-Vietnamiennes, tout en assumant leur rôle de Mère et leurs responsabilités de Fille."

Honorons-les en leur murmurant des mots doux à l'oreille, offrons-leur une belle rose et couvrons-leur de longs baisers passionnés. Les maris doivent constamment se rappeler, dans leur vie de tous les jours, de faire preuve de plus de compréhension et d'empathie envers leurs épouses, de les serrer plus fort dans leurs bras ; afin de parcourir ensemble le reste de leur vie conjugale, emplie d'une passion plus intense que jamais. Si, pour une raison ou une autre, vous vivez seul, placez une rose rouge à un endroit où vous pourrez toujours la voir, afin de l'offrir à votre épouse lors de vos retrouvailles. Ou bien, la voir vous aidera à revivre les années passionnées de votre vie conjugale, l'époque où vous partagiez le même lit et le même nom.

Phạm Bá Hoa, Houston, décembre 2006

<http://batkhuat.net/bl-chandung-nguoiwolinh-vnch.htm>

Thằng Việt Kiều Phản Động

Ngồi trên chuyến bay từ Mã Lai về Đức. Trọng chuyến bay, ngồi chung hàng ghế với một cán bộ Cộng sản. Ông ta tự giới thiệu là cán bộ đi công tác. Vì là người Việt Nam và tánh tôi hay thích tìm hiểu nên mới trò chuyện. Trông điệu bộ ông cán này tỏ ra là người có hiểu biết trong xã hội chủ nghĩa cộng sản. Hay xưng bác và tôi. Bác đi du lịch đó hả, bác làm cơ quan nào ?

Tôi trả lời : "Không, tôi đi thăm người thân ở Úc, mấy bay ghé qua Mã Lai rồi về Đức, tôi hiện nay sống ở Đức."

Ông ta nói : "À thế bác là Việt kiều."

Tôi nhanh miệng nói : "Vâng Việt kiều yêu nước", để coi ông ta nói gì.

Ông ấy nói : "Thì ra không phải là Việt kiều phản động".

Tôi cười và nói : "Việt kiều phản động là sao vậy ông ?"

Ông ta trả lời : "Bác có biết họ là một lá nguỵ đánh thuê cho thằng Mỹ, bị quân dân ta đánh một trận sấm sét cho Mỹ chạy ngụy nhào, rồi bỏ chạy ra nước ngoài, quay lại đánh phá nhà nước ta".

Tôi chỉ nói : "Họ có đánh gì đâu, súng ông đâu mà đánh ?"

"Áy bác không biết, súng ông làm gì mà đánh lại quân dân anh hùng ta. Chúng đánh phá là hô hào, viết và nói xấu đảng ta trên Internet đó".

Tôi nói : "Họ nói đúng thì đảng phải biết sửa chữa chứ. Tôi có đọc, thấy họ nói cán bộ đảng viên hiện nay ăn hối lộ, họ nói đúng, thì thế nào là phản động ? Họ nói miền Bắc nghèo đói, miền Nam giàu sang, vào miền Nam ăn cướp mà gọi là giải phóng. Tôi nghĩ cái đảng cs vn chỉ vì quá ngu lại thích làm anh hùng, thích chiến thắng, nên đã đánh mất đi một cơ hội lớn để xây dựng nước Việt Nam sau chiến tranh do hiệp định đình chiến ký tại Paris. Là xây dựng và tái

thiết Việt Nam sau chiến tranh tàn phá. Đảng có nói cho ông biết không ?"

Ông ta nhìn tôi có vẻ tức tối và nói : "Bác lão thật, nếu bác nói là đảng ta ngu, thì tất cả trí thức và nhân dân miền Nam còn ngu hơn đảng. Tại sao họ nghe theo đảng và cùng với đảng đứng lên để giải phóng miền Nam. Những người trí thức như Bs Dương Quỳnh Hoa, Huỳnh Tấn Mẫm v.v..."

Tôi nói : "Họ không phải là những người trí thức. Ông lầm rồi. Họ là những người khoa bang".

Ông ta hỏi : "Khoa bang là gì ?"

Tôi trả lời : "Là những người có bằng cấp cao".

Ông nói : "Thì bằng cấp cao là người trí thức".

Tôi nói : "Không ! Người trí thức phải hội đủ 3 điều kiện ắt có và đủ để trở thành người trí thức là bằng cấp cao và kiến thức sâu rộng cùng với đạo đức tốt. Có đủ 3 điều kiện này mới trở thành người trí thức".

Ông ta hỏi : "Kiến thức là cái gì ?"

Tôi cười và nói : "Là người thấy sâu hiểu rộng, người từng trải trong cuộc sống, đi đó đây để tự học hỏi và tìm hiểu tra cứu, tự tìm hiểu về khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội, nghệ thuật v.v..."

"Bác nói lung tung quá, người có bằng cấp cao là họ biết hết tất cả".

Tôi nói : "Ông lầm rồi. Họ học cái ngành nghề của họ mà thôi, để có bằng cấp đi làm. Nếu họ về hưu thì bằng cấp ấy cũng hết giá trị. Nếu người có bằng cấp cao mà không có kiến thức và đạo đức. Thì ông biết người đó như thế nào không ? Người đó hay tự phụ, tự cao và coi ta đây là người học cao, nếu có quyền chức thì xem những người khác không ra gì. Thích thị uy và đánh đập người khác, ăn hối lộ, ám hại người nếu chống lại.

Còn người có bằng cấp cao, mà lại có kiến thức rộng mà không có đạo đức. Loại này ý vào mình học cao hiểu rộng, nên rất khôn khéo biết luôn lách pháp luật để làm những điều gian ác. Nếu có chức phận quyền hành thì xảo quyệt, lưu manh, hại người.

Còn loại người có bằng cấp cao, có đạo đức tốt mà không có kiến thức sâu rộng. Là những người hay bị kẻ khác dụ dỗ như Huỳnh Tấn Mẫm, Bs Dương Quỳnh Hoa v.v... vì thiếu kiến thức rộng nên không phân biệt được đâu là tà, đâu là đúng và đâu là sai.

Còn một loại này nữa. Là người không bằng cấp, không đạo đức chỉ có kiến thức nhưng không cao, không sâu và không rộng. Thứ này rất nguy hiểm, họ khôn vặt, lém lỉnh, láu cá, xảo quyệt..."

Ông ta không nghe nữa, bỏ đi chỗ khác, tìm chỗ có ghế trống ngồi. Sau khi nghe người tiếp viên hàng không thông báo : "Đã tới Đức, xin dừng tháo giày an toàn chờ máy bay ngừng hẳn..." mới thấy ông ấy tới lấy hành lý, và thông theo một câu : "Nếu mà máy ở Việt Nam tao sẽ cho mày như xương và ở tù không có ngày ra. Thằng Việt kiều phản động".

Nguyễn Sơn Germany

Triệu con tim một tiếng nói - Un million de cœurs, une seule voix

Nguyễn ước đầu năm !

Đầu năm, người ta chúc nhau phát tài, thăng chức, vạn sự như ý. Còn tôi, chỉ có một nguyện ước rất giản dị : *Mong sao trước công Bệnh viện Chợ Rẫy, sẽ không còn những hàng dài người nhà bệnh nhân lặng lẽ xếp hàng xin cơm từ thiện.*

Đó không chỉ là câu chuyện của vài suất cơm. *Đó là hình ảnh của những gia đình đã cạn kiệt tiền bạc vì viện phí, vì thuốc men, vì những ngày dài bám trụ nơi hành lang bệnh viện. Họ không xin vì muốn. Họ xin vì không còn lựa chọn nào khác.*

Giữa một thành phố hoa lệ, giữa những toà nhà sáng đèn và những con số tăng trưởng được công bố đầy tự hào, *vẫn có những người mẹ, người cha, người con phải chật chội từng bữa ăn để dành phần tốt nhất cho người thân đang nằm trong phòng bệnh. Một hộp cơm từ thiện đôi khi là tất cả những gì họ có trong ngày.*

Nguyễn ước đầu năm không phải là điều gì cao xa. Chỉ mong một xã hội nơi người dân không phải trả giá bằng cả gia tài khi đau ốm. Chỉ mong bệnh tật không đồng nghĩa với nghèo đói. Chỉ mong lòng tốt của cộng đồng vẫn còn đó nhưng không còn phải gồng gánh thay cho những thiếu hụt của hệ thống.

Ước gì một ngày, những hàng người trước bệnh viện không còn là hàng người chờ cơm, mà là hàng người chờ tin vui : *Người thân đã qua cơn nguy kịch, và cuộc sống phía trước vẫn còn hy vọng.*

Đầu năm, tôi chỉ xin một điều như thế.

Khuyết danh

Un million de cœurs, une seule voix

Vœux du Nouvel An !

Pour la nouvelle année, les gens se souhaitent mutuellement les meilleurs vœux tels que la prospérité, la promotion et le bonheur. Quant à moi, je n'ai qu'un seul souhait, très simple : *Je souhaite qu'il n'y ait plus de longues files d'attente de proches de patients devant le portail de l'hôpital Chợ Rẫy, faisant silencieusement la queue pour recevoir des repas gratuits. Ce n'est pas qu'une histoire de quelques repas. C'est l'image de ces familles accablées par les factures d'hôpital et de médicaments, et épuisées par des longues journées d'attente dans les couloirs. Elles ne quémandent pas par choix, elles n'ont pas d'autre solution.*

Au cœur d'une ville magnifique et de bâtiments illuminés, et dans un pays dont les chiffres de la croissance sont fièrement annoncés, *il y a encore des mères, des pères et des enfants qui doivent se serrer la ceinture et économiser chaque repas pour offrir le meilleur à leurs proches hospitalisés. Parfois, un plateau-repas caritatif est leur seul repas de la journée.*

Les vœux du Nouvel An n'ont pas besoin d'être extravagants. Souhaitons seulement une société où personne n'ait à dilapider toute sa fortune pour se soigner. Souhaitons seulement que la maladie ne soit pas synonyme de pauvreté. Souhaitons seulement que la bienveillance de la communauté perdure sans à supporter le poids des lacunes du système.

Souhaitons qu'un jour, les files d'attente devant les hôpitaux ne soient plus des files de personnes attendant des repas gratuits, mais des files de personnes attendant de bonnes nouvelles : *Leur proche est désormais hors de danger, et la vie devant eux est encore pleine d'espoir.*

Pour la nouvelle année, c'est tout ce que je demande.

Anonyme

Directeur/Éditeur et adresse du Périodique

Vénérable **Thích Quang Dao**

1, rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm 91000 Évry-Courcouronnes - France

Nom/adresse de l'Imprimeur : R.P.N.

36-40 bd Robert Schuman 93190 Livry Gargan Tél : 0149362673-fax : 0149362689

Prix d'abonnement trimestriel au numéro : **2€50 (10€ par an)**

Sommaire du Périodique (Sơ lược Bản Tin) No.148 - Avril / 2026

- * Les huit préceptes de retraite pour les laïcs ; PP 1-10
- * La Cathédrale d'Évry et la Pagode Khanh Anh deux symboles d'architecture et de spiritualité - Évry célèbre d'inauguration d'une rue nommée "Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm" pour commémorer d'héritage du Très Vénérable Thích Minh Tâm ; PP 11-12
- * The Évry Cathedral and the Khanh Anh Pagoda two architectural and spiritual symbols - Évry celebrates the heritage of the Venerable Thích Minh Tâm with the inauguration of a street named in his honor; P 13
- * Die Kathedrale von Évry und die Khanh Anh pagode zwei architektonische und spirituelle symbole Évry ehrt das erbe des ehrwürdigen Thích Minh Tâm mit der einweihung einer strabe zu seinen ehren ; P 14
- * Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm - Patrimoine Bouddhique Vietnamien au milieu du ciel occidental ; PP 15-16
- * Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm - L'héritage Bouddhique Vietnamien en occident ; PP 17-18
- * Liste de donations pour la Sérénité et le Salut de la famille ; P 19
- * Coupons d'offrandes pour la création des statues du Bodhisattva Quan Thê Âm, pour le Vésak 2026, pour le 37e séminaire Bouddhique Européen à Marseille / pour les retraites des moines ; P 20
- * Fiche d'inscription au 37e séminaire Bouddhique Européen à Marseille 2026 ; P 21
- * Appel au soutien - don de sac de riz - 37e Séminaire Bouddhique Européen à Marseille ; P 22
- * Communiqué No 4 du 37e Séminaire Bouddhique Européen 2026 à Marseille - France ; P 23
- * Note d'information n°4 Le 37e Séminaire Bouddhique Européen à Marseille - France du 21.7 au 30.7.2026 - La Cadenelle ; P 24
- * Communiqué Nouvel An Lunaire - Printemps Maitreya Cheval De Feu Bình Ngô 2026 ; PP 25-26
- * Vœux du premier jour du Nouvel An Cheval de Feu Grande Pagode Khanh Anh à Évry-Courcouronnes ; P 27
- * "Oh courage, aie pitié de la citrouille, bien que différentes par nature mais elles poussent sur la même vigne". Une femme mendicante d'origine vietnamienne à Paris ; PP 28-32
- * Le Très Vénérable Thích Viên Dung - Minh Tâm troisième directeur du lycée d'enseignement privé du Bouddhisme à Tuy Hoà (1940-2013) ; PP 33-34
- * Portraits d'épouses de soldats Sud-Vietnamien ; PP 35-38
- * Un million de cœurs, une seule voix ; P 39
- * Quatrième de couverture : Annonce de l'organisation de l'anniversaire du Bouddha 2650-2026 ; P 40.

PUBLICATION (Trimestrielle) KHANH ANH

BULLETIN ADHÉSION/ABONNEMENT

(Adhésion Khanh Anh : 10€/par an) (Abonnement Khanh Anh : 10€/par an)

NOM :

ADRESSE :

Adhésion seule :

Abonnement à Khanh Anh (14).....

Adhésion + Abonnement à Khanh Anh (9).....

(Chèque payable à l'ordre de : **Pagode Khanh Anh**)

PERIODIQUE Khánh Anh

1, Rue du Très Vénérable Thích Minh Tâm

91000 Évry-Courcouronnes - France

Tel: 01.64.93.55.56 - 07.70.07.33.99

E-mail: thichquangdao@khanhanh.fr

www.khanhanh.fr

14, Av Henri Barbusse 92220 Bagneux - France

Tel: 01.46.55.84.44 - 06.09.09.01.19

E-mail: dieutram@gmail.com

Đổi địa chỉ xin cho biết địa chỉ mới + e-mail

Đại Lễ

Phật Đản



Chương trình Đại Lễ Phật Đản sẽ được tổ chức
tại Đại Tự Khánh Anh, Évry-Courcouronnes.

2650 2026

Ngày chủ nhật 7/6/2026 Nghi lễ Khánh Đản lúc 11h.

dưới sự chứng minh của HT Thích Tánh Thiệt Đệ Nhất Chủ Tịch

GHPGVNTN Âu Châu và chư Tôn Đức Tăng Ni.

Sau phần nghi lễ Khánh Đản là lễ tắm Phật, phần Văn nghệ cúng dường 13h,

với các Ca sĩ từ Hoa Kỳ: **Trường Vũ**. Ca sĩ tại Pháp: **Thanh Phong, Thanh Thanh, Minh Hiếu, Phương Hạnh, Ngọc Xuân, Kim Hoa, Hồng Hạnh.**

- Ban hợp ca Sen Vàng và Lớp học tiếng Việt Khánh Anh. GDPT Quảng Đức - Vũ đoàn Johnny và Em - Nhóm múa Phật tử Tây Tạng - Mc Thanh Long. - Ban nhạc Nguyễn Linh và Cassime. Trân trọng kính mời quý bà con Phật Tử đồng hương về tham dự.

(có các quầy thực phẩm gây quỹ, xin kính mời quý bà con về tham dự ủng hộ).

"Chương trình cũng có thể tùy theo hoàn cảnh mà thay đổi, xin thông cảm hoan hỷ".

Thông Báo An Cư Kiết Hạ từ 1/6 đến 28/8/2026

Ngày An Cư Kiết Hạ 2026 của Chư Tăng Ni của Bôn Tự, sẽ được tổ chức tại Đại Tự Khánh Anh

8 rue François Mauriac - 91000 Évry-Courcouronnes - France,

từ ngày thứ hai 1/6 đến ngày thứ sáu 28/8/2026. Mọi chi tiết xin liên lạc về Đại Tự Khánh Anh

Số điện thoại: 00.33 (0) 1.64.93.55.56 - (0) 7.70.07.33.99. E-mail: thichquangdao@khanhanh.fr

Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 37 tại Marseille - France
Lycée La Cadenelle 134 Bd des Libérateurs, 13012 Marseille, France

Thời gian: từ ngày thứ ba 21/07 đến thứ năm 30/07/2026.

- Cố Vấn: Hòa Thượng Thích Nguyên Lộc. Tel: +33.652447448. E-mail: khoatuhocppac@gmail.com.

- Trưởng BTC: TT T. Quảng Đạo. Tel: +33.770073399. Xin đăng ký qua QR-code Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu.

- Phó BTC: ĐD T. Hạnh Quang. Mobile: +33.601490735. - Phó BTC: NS TN. Quảng Trâm. Tel: +33.609090119.

- Ban VP: ĐD T. Thiện Toàn. Tel: +33.749728878. SC TN. Chân Đàn. Tel: +49.1791282186.

Xin Chư Tôn Đức, Tư Viên, chư Phật Tử ủng hộ 1 bao gạo 35€, để góp phần chia sẻ với Ban tổ chức.

Kính mời tham dự

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN - TẮM PHẬT lần thứ 2650 - PL 2570

tại Tổ đình Khánh Anh - Bagneux 14 Ave Henri Barbusse, 92220 Bagneux - France

- Tél 0146558444 - 0609090119. E-mail: dieutram@gmail.com

vào lúc 11 giờ 30 sáng ngày Chủ Nhật 24/5/2026

với sự quang lâm chứng minh của

Hòa Thượng THÍCH TÁNH THIẾT Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành

cùng chư tôn đức Tăng Ni trong GHPGVNTN Âu Châu.

Lễ Tưởng Niệm Ngày Quốc Hận 30 Tháng Tư
trước Đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân tại Chùa Khánh Anh
8 rue François Mauriac - 91000 Évry-Courcouronnes - France.

Vào ngày chủ nhật 10/05/2026, lúc 10 giờ.

Kính mời quý Đồng Hương, quý Phật Tử cùng nhau về Chùa để góp phần cầu nguyện.